

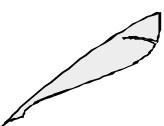


# THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Vietnam Fraternité, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint Georges, France  
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le N° 0708 G 88353  
Adresse Web : <http://www.thongluan.org> - Directeur de la publication: Nguyễn Văn Huy

Xã luận



Revue mensuelle Thông Luận, imprimée en France par la SARL Point Concept - 51 avenue Paul-Vaillant Couturier - 94400 Vitry sur Seine.  
Prix du numéro : 3,50 EUR - Abonnement un an (11 numéros) : 35 EUR

ISSN 1145-9557 - Số 223 - Năm thứ 21, tháng 03-2008

## Một khúc quanh lịch sử rất quan trọng

Các nhu yếu phẩm, như xăng dầu, lương thực, thực phẩm, tiền thuê nhà và học phí, cũng là những khoản chính trong ngân sách gia đình của đại bộ phận quần chúng Việt Nam đã tăng gấp đôi trong một năm qua, trong khi thu nhập của người dân không tăng bao nhiêu. Các thống kê của nhà nước đưa ra tỷ lệ lạm phát 14%, một con số tuy rất báo động nhưng còn ở rất dưới sự thật.

Tình trạng này là một thảm kịch cho đại đa số gia đình Việt Nam. Mức sống của công chúng đã sút giảm trong năm 2006 và đã tụt dốc trong năm 2007. Mức sống của người Việt Nam trung bình hôm nay chỉ bằng một nửa mức sống năm 2005.

Tuy nhiên tỷ lệ lạm phát là kết quả của một tính toán phức tạp và có thể sai lệch khá lớn với mức tăng giá của các nhu yếu phẩm nhưng con số lạm phát 14%, mà một lần nữa phải nhắc lại là theo các chuyên gia còn ở rất dưới sự thật, cũng cho phép rút ra nhiều nhận định quan trọng.

Trước hết là nhà nước Việt Nam không còn kiểm soát được tình hình kinh tế nữa. Mới cuối năm 2007, giới chức kinh tế Việt Nam đưa ra tỷ lệ lạm phát 6%, rồi 8% ; chỉ sau đó hơn một tháng tỷ lệ lạm phát được điều chỉnh lại là 14%. Một sự điều chỉnh đột ngột với biến độ lớn như vậy chứng tỏ rõ ràng một tình trạng rối loạn tâm thần. Trong hoàn cảnh này, những gì mà nhà nước Việt Nam nói về các diễn biến kinh tế trong tương lai chỉ có một mức độ đáng tin rất thấp.

Điều quan trọng cần được nhấn mạnh là con số tăng trưởng kinh tế 7%, mà chính quyền cộng sản Việt Nam coi là một thành tích đáng tự hào, đã được tính dựa trên một tỷ lệ lạm phát 6%. Nếu tỷ lệ lạm phát là 14% thì Việt Nam không những không tăng trưởng mà còn suy thoái. Và nếu tỷ lệ lạm phát thật có thể lên tới gần 20%, như nhiều người lo ngại, thì kinh tế Việt Nam không những suy thoái, mà còn suy thoái nặng. Huyền thoại tăng trưởng kinh tế đã sụp đổ.

Không thể đổ lỗi cho bối cảnh kinh tế thế giới. Cùng một bối cảnh khó khăn này, các nước trong vùng, dù ở mức độ phát triển cao hơn hay thấp hơn Việt Nam, đã chỉ phải chịu đựng một mức độ lạm phát từ 5 tới 7%. Hai nguyên nhân trực tiếp là cơn sốt dầu cơ nhà đất và biện pháp mua đô la ôn

của nhà nước. Cơn sốt nhà đất đã khiến giá bất động sản tăng lên một cách khó tưởng tượng, đắt hơn cả tại thủ đô của nhiều nước tiên tiến ; nó đã khiến một ngôi nhà nhỏ trong thành phố trở thành một giấc mơ ngoài tầm tay ngay cả đối với một cặp vợ chồng trẻ cùng tốt nghiệp và cùng có công ăn việc làm với lương cao ; nó cũng đã khiến các ngân hàng dùng tiền gửi ngắn hạn để cho vay mua bất động sản, tạo ra một khối tiền mặt cực kỳ lớn. Không những thế, trong năm 2007, nhà nước cũng đã tung ra gần 150 nghìn tỷ đồng để mua khoảng 9 tỷ đô la, nghĩa là tung ra thị trường một khối tiền mặt tương đương với 15% tổng sản lượng quốc gia. Nhưng tại sao nhà nước Việt Nam lại phải mua nhiều đô la như vậy ? Lý do là để bù lỗ cho cán cân thương mại, Việt Nam thiếu đô la vì nhập khẩu nhiều hơn xuất. Điều ngạc nhiên là các quan chức Việt Nam đã ngạc nhiên khi giá cả tăng vot. Đằng sau hai nguyên nhân trực tiếp này vẫn là nguyên nhân mẹ : *tham nhũng và bất tài*.

Những biện pháp thuần túy tiêu tật - tăng lãi suất tiết kiệm, giới hạn tín dụng - sẽ vô tác dụng trước mức độ trầm trọng của tình thế. Giải pháp duy nhất có thể ổn định được giá cả và ngăn chặn được đà suy thoái là giải tư các công ty quốc doanh, nghĩa là cổ phần hóa các công ty này và bán đa số cổ phần cho công chúng. Đây cũng là một biện pháp cần thiết để đem lại một quản trị hợp lý cho công ty và một trật tự chính trị cho đất nước.

Nhưng khi phần lớn các công ty quốc doanh đã được giải tư thì nhà nước cũng mất quyền khống chế kinh tế, xã hội Việt Nam cũng được cởi trói hơn. Những người lãnh đạo cộng sản thừa hiểu như vậy và sẽ phải thích nghi với tình huống mới. Chúng ta có thể sắp chứng kiến những thay đổi chính trị rất lớn. Đừng nên quên rằng chính sách đổi mới đã được đưa ra vào cuối năm 1986 sau khi chính sách giá-lương-tiền của Tố Hữu làm kinh tế khủng hoảng nặng.

Chúng ta đã sẵn sàng để chờ đợi vận hội này chưa ? Chớ nên quên rằng dù tình thế có thuận lợi đến đâu cũng không thể giành thắng lợi cho dân chủ nếu không xây dựng được một lực lượng dân chủ lớn mạnh và có tổ chức chặt chẽ.

Thông Luận

## Làm sao để có phát triển kinh tế bền vững ?

Nguyễn Minh

Niềm tự hào và cũng là khuyết điểm chính của người Đông Á là chỉ biết đến mình, coi mình là nhất. Chính vì thế, khi lần đầu tiên tiếp xúc với người phương Tây, văn minh và tiến bộ hơn, phản ứng tự nhiên của triều đình và dân chúng Đông Á là co cụm và từ chối mọi tiếp xúc. Chỉ khi bị áp lực bởi nòng súng, các chế độ quân chủ phương Đông mới miễn cưỡng hé cửa đón nhận cái mới.

Mặc dù thấy sự yếu kém của mình, chỉ Nhật Bản là vương triều duy nhất quyết tâm học hỏi và tiến bộ như người phương Tây và đã thành công, các thế lực còn lại, Trung Quốc và Việt Nam, không những từ chối mà còn chống lại để rồi cuối cùng bị khuất phục trong nhục nhã. Hơn một trăm năm đã trôi qua, tinh thần chủ nghĩa này không mấy thay đổi, trong khi áp lực của phương Tây vẫn còn nguyên vẹn : sức mạnh của nòng súng ngày xưa được thay bằng sức mạnh tư bản ngày nay. Nhật Bản, Đại Hàn, Đài Loan, Singapore đã biết thích ứng kịp thời và đã thành công, ngày nay họ đang ngồi chiếu trên chỉ huy thiên hạ. Miền Đông Trung Quốc, Mã Lai, Thái Lan cũng đang trên đường chuyển hóa, chỉ còn Việt Nam. Nếu không chuẩn bị kịp thời để thích ứng với trào lưu toàn cầu hóa, Việt Nam có thể sẽ bị thua kém vĩnh viễn. Chính vì thế, tìm hiểu và học hỏi những kinh nghiệm thành công của những quốc gia phương Tây là một cần thiết. Về mặt địa lý, Bắc Âu không liên quan gì đến Việt Nam, nhưng kinh nghiệm phát triển của các quốc gia trong khu vực này rất đáng cho người Việt Nam học hỏi, đặc biệt là Phần Lan.

### Một chút lịch sử

Phần Lan một quốc gia vùng đất đầu Bắc Âu, phía Bắc giáp Bắc Cực, phía Đông giáp Nga, phía Nam là biển Baltic, phía Tây giáp Thụy Điển và Na Uy. Nói chung đây là một quốc gia bị bao bọc bởi các quốc gia hùng mạnh hơn và cô lập trong băng giá 9 tháng một năm.

Một huyền thoại đã trở thành hiện thực là ngày nay khu vực quanh năm lạnh giá ở miền cực Bắc của Phần Lan, Laponie, được giới du lịch quốc tế nhìn nhận là quê hương của ông già Noel. Do đó, tuy là một trong 5 quốc gia có diện tích lớn nhất châu Âu (338.145 km<sup>2</sup>), gần 5,3 triệu người Phần Lan sống tập trung vào rẽ đất dọc bờ biển phía Nam, với thủ đô là Helsinki và hai thành phố lớn khác là Espoo và Vantaa.

Là một quốc gia không có tài nguyên, chỉ có đá và hồ nước băng, sinh hoạt chính của người Phần Lan là đánh cá và chăn nuôi hươu du mục.Thêm vào đó, trong suốt dòng lịch sử người Phần Lan luôn bị các thế lực mạnh hơn khống chế (Thụy Điển, Nga). Tuy giàn được độc lập ngày 6-12-1917, người Phần Lan sống liên tục dưới áp lực của Đức trong suốt Thế chiến II (1939-1945) và Liên Xô trong suốt chiến tranh lạnh (1946-1990). Đời sống của người Phần

Lan chỉ bắt đầu dễ thở hơn khi gia nhập Liên Hiệp Châu Âu năm 1995. Từ sau ngày đó, nhờ có một đội ngũ lãnh đạo sáng suốt, gần phân nửa là phụ nữ, Phần Lan đã trở thành một mẫu mực thành công, gọi là "hiện tượng Phần Lan", mà rất nhiều quốc gia cử người đến học hỏi kinh nghiệm về bảo vệ môi trường và cách duy trì mức sống cao. Lợi tức đầu người bình quân năm 2007 là 44.000 USD/năm, ngang với Hoa Kỳ, hạng 8 trên thế giới.

### Hiện tượng Phần Lan

Sau Thế chiến II, từ một nước nông nghiệp và chăn nuôi du mục, Phần Lan đã tuân tự được công nghiệp hóa với sinh hoạt chủ lực là nghề luyện thép nhờ nguồn thủy điện dồi dào. Mặc dù chịu áp lực nặng nề của Liên Xô trong suốt chiến tranh lạnh, các chính quyền Phần Lan một mặt giữ vững đường lối trung lập, mặt khác tiếp tục phát huy hai ngành kinh tế mũi nhọn của mình là luyện thép và nuôi cá hồi xuất khẩu. Nhờ đó, cho đến cuối thập niên 1980, tổng sản lượng quốc gia của Phần Lan đã gia tăng đáng kể, từ đó có đủ điều kiện vật chất để thực hiện thành công chế độ bảo hiểm xã hội của một nhà nước phúc lợi, nghĩa là tiến trình phát triển xã hội cuối cùng của chủ nghĩa cộng sản.

Vào thập niên 1990, trong ba năm đầu tăng trưởng của kinh tế Phần Lan đã liên tục dưới số âm vì hai khách hàng chính là Liên Xô và Đông Âu không đủ khả năng trả nợ. Cũng nên biết cuối năm 1986 lương hàng xuất khẩu sang Liên Xô chiếm 20% tổng sản lượng quốc gia, năm 1992 chỉ còn 3%. Thêm vào đó, do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tiền tệ và bất động sản tại khắp châu Âu, hàng hóa của Phần Lan trở nên khó bán. Tình trạng này đã làm gia tăng tỷ lệ người thất nghiệp tại Phần Lan trên 10% năm 1992 (trong thập niên 1980 khoảng 5%), phải chờ hơn mười năm sau tỷ lệ này mới giảm xuống còn 3% (2003). Cũng thế, vào cuối thập niên 1980 cán cân mậu dịch của Phần Lan ở mức thặng dư + 6,8% so với GDP, đến 1993 bị dưới số âm : - 7,2%. Phải chờ đến 1998, thặng dư ngoại thương mới hồi phục trở lại.

Sự hồi phục này không phải tình cờ, đó là một cố gắng vừa bền bỉ vừa sáng tạo, để tìm lại quân bình. Các chính quyền Phần Lan đã chủ động thực hiện bốn cải cách vĩ mô để phục hồi tăng trưởng : kiểm soát trong một thời gian ngắn (3 năm) những rủi ro của hệ thống tiền tệ ; giảm trả tiền bảo hiểm xã hội, tích cực giải tư các xí nghiệp quốc doanh ; đầu tư vào giáo dục, nghiên cứu phát triển công nghiệp ; ổn định môi trường trên bình diện quốc gia, cố gắng hạ tỷ lệ thất nghiệp và lạm phát dưới 4%.

Trong việc kiểm soát các rủi ro của hệ thống tiền tệ, chính phủ Phần Lan đã bơm ngoại tệ dự trữ để mua lại những khoản nợ khó đòi liên quan đến nạn đầu cơ bất

động sản của 41 ngân hàng tiết kiệm nhỏ và 4 ngân hàng đầu tư lớn.

### Một số cải cách vĩ mô và vi mô

Song song với bốn cải cách vĩ mô đó, chính quyền Phần Lan giảm sự hiện diện của nhà nước trong một số sinh hoạt kinh tế độc quyền trước đây như điện lực và khuyễn khích tư nhân đầu tư vào hai ngành công nghiệp mũi nhọn đầy tương lai là thông tin và điện tử. Về thông tin, từ 1985 chính quyền Phần Lan đã tư nhân hóa công nghiệp thông tin (các đường điện thoại viễn liên và quốc tế), sản xuất hàng hóa thông tin điện tử (điện thoại) và bưu điện. Công ty Nokia và một số công ty lâm sản đồ gỗ khác đã đầu tư vào ngành điện thoại và dùng băng sáng chế định vị (GPS) để từ đó biến thành công ty điện thoại cầm tay số 1 thế giới (Nokia) và thực phẩm y tế (Xylitol) trong những năm 2000.

Về điện lực, trong những năm 1995-1998 chính quyền cho phép các công ty điện lực quốc tế và tư nhân mua lại nguồn thủy điện của nhà nước để phục vụ dân chúng (công ty cung cấp điện Fingrid được thành lập 1997). Ngoài ra, năm 1994 chính quyền Phần Lan cũng bãi bỏ qui chế bao cấp tiền xe và mở cửa thị trường chuyên chở công cộng cho các công ty nước ngoài và tư nhân phục vụ dân chúng : xây dựng nhiều bãi và bến xe cho đủ loại xe : chuyên chở hàng nặng và hạng nhẹ, hành khách.

Mặc dù chấp nhận tư nhân hóa một số ngành kinh tế vĩ mô, chính quyền Phần Lan vẫn giữ vai trò chủ động trên một số ngành nghề và dịch vụ để bảo đảm sức khỏe và phẩm chất giáo dục (1992). Bên cạnh đó, chính quyền chủ động một số cải cách vi mô như chương trình đánh giá quản lý công cộng (1994), tư nhân hóa ngành bưu điện (1994), cải tổ lại hệ thống kế toán địa phương (1998), tản quyền xây dựng cơ sở hạ tầng (đường sá, bến, cảng). Về mặt xã hội, chính quyền cũng đã thực hiện một số cải cách quan trọng để thực hiện chính sách toàn dung : bãi bỏ qui chế môi giới thị trường lao động (1994), điều chỉnh lại tỷ lệ phụ cấp thất nghiệp theo chỉ số vật giá và tuổi tác (liên tục từ 1996 đến 1998), tăng phụ cấp thất nghiệp từ 42 lên 45% (2002), cải cách thuế khóa (giảm thuế cho những xí nghiệp tích cực thu dụng lao động trẻ và lớn tuổi).

Tuy thực hiện rất nhiều cải cách, nhưng cải cách ngoạn mục nhất vẫn là hưu bổng. Khác với các quốc gia Tây Âu, tuổi được nghỉ hưu của người Phần Lan được điều chỉnh lại từ 55 lên 60 tuổi, những ai nghỉ hưu sớm tiền trợ cấp sẽ bị giảm, thời gian đóng góp vào quỹ hưu bổng trước khi nghỉ hưu từ 4 năm lên 10 năm và tăng theo vật giá từ 50% lên 80% toàn thời kỳ lao động. Nói chung, chính quyền khuyến khích dân chúng làm việc lâu hơn vì thị trường lao động đang bị lão hóa, số người trẻ không cung ứng đủ cho các ngành công nghiệp đang thu hút nhân công. Ngược lại, từ 2005 chính quyền hạ số tuổi của người tham gia đóng quỹ hưu bổng, từ 23 xuống trên 18 tuổi.

Về thị trường lao động và chế độ bảo hiểm xã hội, chính sách cải cách của Phần Lan là giảm tiền trợ cấp. Điều này đã tạo được hiệu quả lớn về mặt tài chính (giảm thâm hụt ngân sách) và tâm lý (vì không muốn bị giảm tiền

trợ cấp, người thất nghiệp phải gấp rút đi tìm việc làm mới), nhờ đó chính sách toàn dung đã được thực hiện một cách tự nhiên, đồng thời đảm bảo được tỷ lệ phát triển kinh tế bền vững.

Qua những cải cách thúc đẩy toàn dung lao động nói trên, chủ ý của các chính quyền Phần Lan là đào tạo và huấn luyện người tìm việc thích nghi với những tiến bộ khoa học mới trên thế giới, nhờ đó trình độ của người lao động Phần Lan luôn luôn được cập nhật hóa.

Ngoài ra các chính quyền tự trị địa phương cũng được phép thực hiện một số cải cách trong lãnh vực công cộng, trước kia thuộc các công ty quốc doanh, như ủy thác cho tư nhân đảm nhiệm dịch vụ phục vụ công cộng.

### Chìa khóa của phát triển bền vững

Từ trước đến nay, dân chúng và chính quyền Phần Lan luôn có khuynh hướng xem trọng giáo dục và nghiên cứu khoa học. Nhưng từ sau cuộc khủng hoảng kinh tế 1991, chính phủ và tư nhân Phần Lan xem trọng mục tiêu phát triển kinh tế bền vững hơn là nghiên cứu. Nhưng từ hơn mươi năm trở lại đây, Phần Lan xem tin học (IT) là một công nghiệp chiến lược và tạo dựng một chùm công nghệ bằng cách liên kết kỹ nghệ học đường và chính phủ trong một chương trình phát triển chung.

Theo dõi phí tổn nghiên cứu của Phần Lan, tỷ lệ đầu tư nghiên cứu khai thác của chính phủ hiện nay đã tăng từ 1,5% ngân sách lên đến 4% (2005) so với GDP. Công ty Nokia với tư cách một xí nghiệp IT với lịch sử chỉ 17 năm (với 1/2 nhân viên là các nhà nghiên cứu, tiếp thị người nước ngoài) cho thấy sự thành công của chính sách phát triển giáo dục và đầu tư vào nghiên cứu.

Bối cảnh thành công của Phần Lan là trường học và giáo chức, cả hai đã phát triển mạnh nhờ có môi trường sinh hoạt có mức độ tự do rất cao. Trong các điều tra mới nhất của OECD, chương trình giáo dục trung cấp của Phần Lan dẫn đầu thế giới : sự hiểu biết về toán học (hạng nhì), văn học (hạng nhất), khoa học (hạng nhất), cách giải quyết vấn đề (hạng 2). Trình độ giảng huấn ở bậc đại học đứng hạng 3 trên toàn thế giới. Diễn đàn kinh tế thế giới (Davos) nhóm họp hồi đầu năm nay đánh giá Phần Lan là quốc gia có trình độ giáo dục đứng đầu thế giới, hệ thống giáo dục cũng theo : chất lượng toán học và khoa học đứng hạng 2 trên thế giới.

Thấy gì qua kinh nghiệm Phần Lan ?

Đó là bài học của cố gắng và sáng tạo không ngừng của giới lãnh đạo chính trị và quyết tâm của dân chúng muốn vượt lên khó khăn để tìm sự phát triển ổn định. Từ một vùng đất quanh năm buốt giá, không có tài nguyên, Phần Lan đã sớm xem trọng công nghệ tin học (IT) để phát triển và đang vượt qua một số quốc gia Tây Âu về sự giàu có. Càng ngày Phần Lan, cũng như các nước Bắc Âu khác, càng chứng tỏ mô hình phát triển bền vững của mình : tận dụng tài nguyên chất xám của đất nước để phát minh và dẫn đầu thế giới trong một số sinh hoạt kỹ thuật tinh vi trong môi trường sinh hoạt kinh tế toàn cầu hóa.

Nguyễn Minh (Tokyo)

# Trung Quốc : lạm phát và khủng hoảng kinh tế

Trần Kha

Đúng 8 giờ 8 phút 8 giây ngày 8-8-2008, Thế Vận Hội Bắc Kinh 2008 sẽ được long trọng khai mạc tại Bắc Kinh. Cuộc hội ngộ thể thao vĩ đại này đánh dấu sự vươn mình lớn dậy của một đại cường mới tại châu Á : Trung Quốc. Biến cố này không phải tình cờ, Bắc Kinh đã chuẩn bị để đón nhận nó từ hơn hai mươi năm qua, khi mở cửa đón nhận đầu tư quốc tế. Biến cố này còn là niềm hân diện của hơn một tỷ rưỡi người, sau hơn một thế kỷ bị các thế lực phương Tây coi thường, có thể ngẩng cao đầu nhìn dân tộc các cường quốc khác một cách tự hào. Thật vậy, người Trung Quốc rất xứng đáng được sự kính trọng này.

Tuy nhiên ước muôn là một chuyện, thành tựu được hay không còn chuyện khác vì có những bất ngờ có thể làm thay đổi hẳn mọi dự định. Chẳng hạn như cuối năm 2007 đến nay, một loạt "thiên tai" đã xảy ra đìm Trung Quốc trong khó khăn : bão tuyết và lụt lội gây mất mùa lớn nhất từ 40 năm qua. Tiếp theo là một số "nhân tai" làm xấu hình ảnh Trung Quốc trước thế giới ảnh hưởng tới thu nhập của quốc gia : lương thực, thực phẩm xuất khẩu chứa nhiều hóa chất độc và không hợp vệ sinh.Thêm vào đó giá xăng dầu tăng vọt khiến sinh hoạt thường ngày của dân chúng trở nên khó khăn. Trước những biểu hiện tiêu cực này, Bắc Kinh đã điều chỉnh lại tốc độ tăng trưởng là 9% cho năm 2008 thay vì trên 10%/năm như các năm trước. Sự điều chỉnh này nhằm giảm thiểu một nguy cơ đang đe dọa cả thế giới chứ không riêng gì Trung Quốc : lạm phát, con tốt đèn có thể níu chân Trung Quốc về lại điểm khởi đầu.

## Làm sao duy trì phát triển trong lạm phát ?

Theo thống kê chính thức được Bắc Kinh công bố tháng 8-2007, chỉ số giá cả tiêu thụ tại Trung Quốc đã tăng hơn 6%, đến tháng 11-2007 được điều chỉnh lại là 7%, trong đó thực phẩm tăng hơn 8,2%, đặc biệt là trứng tăng hơn 25%, các loại thịt hơn 30%.

Ngày 5-3-2008, thủ tướng Ôn Gia Bảo cho biết trong năm 2008 chỉ số lạm phát của Trung Quốc sẽ dưới mức 4,8% (trong tháng 1-2008, tỷ lệ lạm phát chính thức là 7,1%). Một con số lý tưởng so với các quốc gia trong vùng Đông Nam Á đang khốn đốn với tỷ lệ lạm phát từ 4 đến 7%. Theo các quan sát viên kinh tế quốc tế, chỉ số lạm phát của Trung Quốc năm 2008 sẽ ở mức 11%, vì các cơ quan quản lý dịch vụ quốc tế đang áp dụng tỷ lệ này để tăng giá cả hàng hóa và dịch vụ đối với khách nước ngoài.

Trong thực tế, tỷ lệ lạm phát phải cao hơn vì giá lương thực, thực phẩm, tiền thuê nhà, xăng dầu... nói chung là những hàng hóa thiết yếu dành cho nhu cầu hàng ngày, tăng khoảng 30% (thịt heo tăng 59% vào dịp Tết, dầu ăn tăng 37%). Một bằng chứng là lương của nhân công trong các thành phố lớn (Thượng Hải, Quảng Châu, Bắc Kinh...) đã tăng từ 10 đến 15% trong năm 2007, tuy chưa bằng nhưng cũng để bù đắp một phần nào sự tăng giá của những

mặt hàng nhu yếu, đặc biệt là vào dịp cuối năm.

Làm sao duy trì phát triển trong lạm phát ? Đây là câu hỏi mà lãnh đạo các quốc gia luôn đặt ra và tìm cách giải quyết.

Đối với ê kíp lãnh đạo Hồ Cẩm Đào-Ôn Gia Bảo, lạm phát là một ẩn số, họ chưa bao giờ gặp nên chưa có hướng giải quyết. Trước sự mất giá của đồng USD, phản ứng tự nhiên của ban lãnh đạo đảng cộng sản ngân hàng trung ương là tung tiền mặt ra mua đồng USD, vì đồng CNY của Trung Quốc lệ thuộc vào khu vực đồng USD. Nếu đồng USD mất giá, đồng CNY sẽ mất giá theo, do đó ngân hàng trung ương Trung Quốc buộc phải bỏ tiền ra mua đồng USD mỗi khi đồng tiền này mất giá. Cũng nên biết là chính Trung Quốc đã giúp Hoa Kỳ che giấu sự thâm thủng ngân sách và suy thoái kinh tế ; mỗi lần Ngân hàng Trung ương (FED) Hoa Kỳ phát hành trái phiếu để vay nợ, Trung Quốc liền tung tiền ra mua hết. Nhưng sự chịu đựng nào cũng có mức giới hạn của nó, hệ thống tiền tệ của Trung Quốc không thể cứu mang mãi đồng USD nên đồng USD càng mất giá, nhưng đồng USD càng mất giá thì đồng CNY cũng mất giá theo. Vấn đề là đồng CNY càng mất giá, giới đầu tư nước ngoài càng muốn vào Trung Quốc đầu tư vì giá thành sản xuất tại đây càng rẻ hơn, điều mà chính quyền Bắc Kinh hiện nay đang muốn hạn chế nguồn tư bản quốc tế đổ vào. Một vấn đề khác của chính quyền Trung Quốc là không thể công khai nhìn nhận sự tăng giá của đồng CNY vì như vậy hàng hóa xuất khẩu của Trung Quốc sẽ bị nâng giá do đó sẽ khó bán hơn. Ngược lại ngân hàng trung ương của Trung Quốc cũng không thể gia tăng mãi lãi suất cho vay (hiện nay là 7,47%/năm) để kèm chế lạm phát, ngân hàng trung ương Hoa Kỳ và các quốc gia phát triển phương Tây đang hạ giá lãi suất cho vay để khuyến khích đầu tư và tiêu thụ.

Với lãi suất cho vay thấp từ các quốc gia phương Tây này, giới đầu tư nước ngoài có thể vay thêm từ các ngân hàng trung ương để đầu tư vào Trung Quốc càng khiến Trung Quốc bị thiệt thòi nhiều hơn. Vì Trung Quốc không thể gia tăng trị giá hàng hóa xuất khẩu và cũng không thể tăng thêm tiền lương để bù đắp sự tăng giá của các loại hàng thiết yếu, tốc độ tăng trưởng của Trung Quốc sẽ bị khung lại trong khi tỷ lệ lạm phát có triệu chứng gia tăng. Hiện tượng này có thể là yếu tố gây xáo trộn xã hội. Cũng nên biết những xáo trộn xã hội lớn tại Trung Quốc thường bắt đầu từ đời sống khó khăn ; hiện nay đời sống tại nông thôn đã rất khó khăn, đời sống của giới lao động thành thị đang gặp khó khăn, khi hai thành phần này kết hợp cùng nhau nổi dậy hậu quả sẽ rất khó lường.

Do đó ưu tư của chính quyền Bắc Kinh hiện nay là phải tập trung giải quyết, hay ít ra ngăn chặn lạm phát, một hiện tượng chưa xảy ra nhưng ảnh hưởng đến sự tồn vong của ban lãnh đạo đương nhiệm, và cả tương lai đảng cộng

sản Trung Quốc. Nhưng muốn giảm thiểu nguy cơ lạm phát thì phải hy sinh tăng trưởng kinh tế vì lạm phát và tăng trưởng kinh tế chưa bao giờ đi đôi với nhau. Đây là một chon lựa khó khăn vì hạn chế tăng trưởng kinh tế, nghĩa là giảm sản xuất, tức giảm xuất khẩu, nguồn thu nhập sẽ giảm thiểu theo, dẫn đến giảm thiểu ngân sách và đầu tư cơ bản, cuối cùng cũng sẽ dẫn đến bất ổn xã hội bởi khối người thất nghiệp khổng lồ. Ngược lại nếu nhầm mất để lạm phát leo thang, bất ổn xã hội cũng sẽ xảy ra vì đời sống kho khăn và chính quyền sẽ bắt lực trước nạn giá cả leo thang có thể làm sụp đổ cả nền kinh tế.

### Những nguyên do gia tăng giá cả

Về giá cả gia tăng, điều lạ lùng tại Trung Quốc là nó không tăng đều. Chỉ những mặt hàng cần thiết cho đời sống như lương thực, thực phẩm, tiền thuê nhà, chi phí di chuyển là tăng, trong khi những mặt hàng thông thường như dụng cụ gia dụng điện tử, áo quần, giải trí, truyền thông không tăng, hoặc tăng không đáng kể, trong khi đây là những mặt hàng "nhạy cảm" trước mọi biến động về giá cả vì có trị giá cao và có thể cất giữ trong một thời gian.

**Bảng 1 : Tỷ số tăng vật giá của Trung Quốc  
(năm 2006 = 100)**

	Tháng 11 2007	Từ tháng 1 đến tháng 11-2007
Chỉ số vật giá người tiêu thụ (CPI)	106.5	104.4
1. Thực phẩm	117.6	111.3
- Ngũ cốc	106.7	111.3
- Thịt, gia cầm và sản phẩm thịt	138.3	130.1
- Trứng	115.0	125.0
- Thủysản	107.0	104.8
- Rau	129.9	105.3
- Trái cây	108.5	097.7
2. Rượu, thuốc lá	101.7	101.7
3. Y phục	098.7	099.6
4. Thiết bị gia đình, dịch vụ	101.8	101.9
5. Bảo hiểm, thuốc men, vật dụng cá nhân	102.9	101.9
6. Giao thông, thông tin	098.3	099.2
7. Du hí, giáo dục, văn hóa	099.5	098.9
8. Nhà cửa	104.8	104.2

Nguồn : Công báo Cục thống kê Trung Quốc

Trong thời gian từ tháng 1 đến tháng 11-2007, tỷ lệ tăng giá tiêu thụ là 4,4%. Trong đó giá tăng thực phẩm đã lên 11,3%. Trong số đó trứng lên 25%, các sản phẩm thịt trên 30%. Giá thuê nhà ổn định ở mức dưới 5%. Một số mặt hàng công nghiệp và dịch vụ có giảm xuống một ít. Chỉ căn cứ vào bảng này thôi người ta thấy vật giá tại Trung Quốc tăng chủ yếu là giá lương thực, thực phẩm.

Phải giải thích như thế nào hiện tượng này ? Thật là dễ hiểu. Mức sống dân chúng Trung Quốc đang xuống thấp, ưu tư chính của mọi người là lo cho cái ăn của cá nhân và của gia đình, họ không còn dư tiền để mua sắm những "xa xỉ phẩm" khác như mặt hàng điện tử, áo quần, giải trí, v.v. Khi dành một phần lớn ngân sách gia đình lo cho miếng ăn

hàng ngày thì không thể nói mức sống dân chúng gia tăng.

Tại sao đến bây giờ mới xảy ra hiện tượng này ? Cũng dẽ hiểu. Khi mức sống đã xuống thấp, người ta không còn gì để che đậy hay giấu giếm. Phải nói thêm rằng hiện nay công ăn việc làm trong các thành phố lớn không còn nhiều như cách đây vài năm khi mọi nỗ lực của chính quyền là xây dựng, xây dựng ôtôt các công trình đồ sộ để phô trương trong dịp Thế Vận Bắc Kinh 2008, hay Hội Chợ Quốc Tế Thượng Hải 2010. Đến nay các công trình này đã hoàn tất, trong khi những công ty sản xuất hàng hóa xuất khẩu đang gặp khó khăn vì giá đồng USD giảm nói riêng và tình trạng suy thoái kinh tế trên toàn thế giới nói chung. Đội quân người thất nghiệp từ nông thôn, gọi là lưu dân, đang lang thang tìm việc hiện nay rất đông, khoảng 200 triệu người. Điều này giải thích tại sao những mặt hàng nhu yếu phẩm tăng giá nhanh vì ưu tư hàng đầu của những người lao động nghèo khổ này là ăn cho đủ no để có sức đi tìm việc làm, những thứ khác chỉ là thứ yếu.

Về lương thực, từ trước đến nay mỗi gia đình nông thôn đều trồng một ít rau cải quanh nhà để ăn hoặc để bán. Nhưng từ khi phong trào thanh niên nông thôn rời bỏ ruộng đồng ra thành phố tìm việc, nguồn lao động chính tại nông thôn suy giảm, một số đất đai canh tác đã bị bỏ phế hoặc bán lại cho giới kinh doanh bất động sản. Trong khi nhu cầu về ăn uống của dân chúng Trung Quốc không thay đổi, nghĩa là mỗi ngày phải nuôigần 1,5 tỷ miệng ăn. Theo qui luật kinh tế thông thường, khi cầu nhiều hơn cung thì giá hàng hóa phải gia tăng, sau đó là "bàn tay vô hình" sẽ can thiệp để quân bình hóa cung và cầu. Vấn đề tại Trung Quốc là đất đai canh tác ngày càng thu hẹp trong khi số miệng ăn ngày đông và chủ trương xuất khẩu nông phẩm để thu về ngoại tệ chưa chịu dừng lại.

Về thực phẩm, chủ yếu là thịt heo và thịt gia cầm (gà, vịt, ngỗng, ngang) tăng trên 30%, một tỷ lệ quá cao vượt quá sức chịu đựng của quần chúng bình dân. Cho đến một ngày rất gần đây, mỗi gia đình nông thôn đều nuôi một ít gia súc (heo, gà, vịt, thỏ) để ăn vào những dịp lễ hội. Ngày nay thói quen này đã gần như biến mất. Có nhiều lý do giải thích sự kiện này. Trước hết là ngành chăn nuôi gia đình và chăn nuôi nhỏ không còn khả năng mua thực phẩm gia súc để nuôi vì giá thức ăn gia súc tăng ngang giá lương thực, trên 10%, do đó sẽ bị lỗ khi mang thịt ra bán trên thị trường nên không còn ai chăn nuôi nữa. Thứ hai là sự khát khao của những nhà chăn nuôi sau những vụ dịch cúm gà và nạn heo lở mồm loét móng nén qui mô đầu tư vào ngành chăn nuôi gia súc giảm cường độ. Vì thiếu mổ heo để nấu nướng, giá dầu thực vật tăng gần bằng giá thịt, khoảng 27%.

Một sự gia tăng khác tuy rất cao nhưng không được nhắc tới là giá xăng dầu. Lý do là sự gia tăng này chỉ ảnh hưởng đến thành phần trung lưu thành thị, tức những người giàu có mới. Phương tiện cơ giới tư nhân của nông dân tại nông thôn còn rất giới hạn, xe gắn máy là phương tiện di chuyển rất thông dụng nhưng không tiêu thụ nhiều nhiên liệu. Trên phương diện vĩ mô, giá xăng dầu tăng ảnh hưởng đến ngạch xuất khẩu các loại xe sản xuất tại Trung Quốc.

Trước sự gia tăng giá cả này, các nhà lãnh đạo Trung Quốc rất là cảnh giác. Từ tháng 11-2007, trong hội nghị công tác kinh tế trung ương, chính quyền Trung Quốc đã đưa ra phương châm "hai phòng chống" : "phòng không cho kinh tế quá nhiệt" và "phòng chống vật giá gia tăng". Trong phương châm thứ hai, họ đã sửa không cho "vật giá gia tăng một cách cơ cấu" thành không cho "vật giá gia tăng toàn diện.

### **Khả năng khủng hoảng toàn diện**

Khả năng khủng hoảng toàn diện là một ám ảnh lớn đối với chính quyền Trung Quốc. Lý do là từ trước đến nay chính quyền cộng sản Trung Quốc chưa biết đến hiện tượng này nên không có kinh nghiệm quản lý.

Bắt đầu đi từ số không nền kinh tế Trung Quốc đã gia tăng đều đặn trong gần 20 năm qua. Trong suốt thời gian đó, tỷ lệ tăng trưởng kinh tế đã mang lại nhiều lợi lộc cho toàn bộ nền kinh tế quốc dân và cho cả đảng cộng sản : lợi tức đầu người gia tăng kéo theo mức sống được nâng cao, hệ thống hạ tầng cơ sở được cải tiến và niềm hân diện là người Trung Quốc trước mặt thế giới đã được phục hồi. Sự tăng trưởng này tuy có gây nhiều tác hại cho môi trường nhưng vẫn có thể chấp nhận được vì những lợi ích do nó mang lại. Ngược lại, nếu tăng trưởng không có và lạm phát gia tăng, tất cả những thành tựu có được sẽ sụp đổ nhanh chóng như đống chô cho trả thù báo oán. Lý do là khi dồn hết nỗ lực cho nhu cầu phát triển, dân chúng Trung Quốc là những người chịu nhiều thiệt thòi nhất, trung bình mỗi năm có gần 100 triệu đơn khiếu kiện về việc chiếm hữu nhà đất bất công, con số này ngày càng tăng lên với thời gian và chưa có triệu chứng hạ xuống.

Bên cạnh đó là trái bom nổ chậm : 200 triệu lưu dân đang sống lang thang trong các thành phố lớn dọc bờ biển phía Đông. Khi không còn tìm được công ăn việc làm, tương lai của khối người này sẽ ra sao ? Chắc chắn họ sẽ không trở về quê quán cũ, vì sẽ không tìm được việc làm, nhưng ở lại trong các thành phố lớn mà không có việc làm thì tương lai họ cũng không sáng sủa gì hơn. Cách giải quyết tạm bợ của chính quyền Trung Quốc hiện nay là xuất khẩu lao động, đưa những người này ra nước ngoài làm việc trong các công trường của chính phủ, sau khi hoàn tất những người này muốn di dời thì đi. Tình trạng này đang gây ra một phong trào di dân khổng lồ của người Trung Quốc sang các quốc gia châu Phi, các quốc gia Hồi giáo Trung Đông và các quốc gia hải đảo trên Thái Bình Dương, đe dọa sự ổn định của toàn thế giới.

Ngoài yếu tố con người, nền kinh tế của Trung Quốc hoàn toàn hướng ngoại, tất cả nguyên vật liệu đều nhập khẩu và tất cả hàng hóa sản xuất ra đều dành ưu tiên cho xuất khẩu, số dư thừa mới dành cho nhu cầu nội địa. Do đó bất cứ một yếu tố bất lợi nào đến từ bên ngoài đều có thể ảnh hưởng đến sinh hoạt kinh tế của Trung Quốc. Chẳng hạn như giá dầu thô tăng cao, tỷ giá đồng USD bị sút giảm, nội chiến tại châu Phi, bất ổn tại các quốc gia Ả Rập, v.v. Nói chung Trung Quốc là nạn nhân của tình trạng kéo cung (supply push) và đẩy cầu (demand pull), vì nhu cầu tăng

cao nên giá cung có cao bao nhiêu Trung Quốc cũng vẫn phải mua. Tình trạng này sẽ dẫn đến hậu quả : sản xuất vẫn phải tăng cao nhưng lợi nhuận thu về giảm nặng.

Sở dĩ tình trạng lạm phát chưa gây khủng hoảng toàn diện tại Trung Quốc vì tốc độ lạm phát chưa cao và một số ngành nghề sử dụng kỹ thuật cao đang bù đắp cho sự thiệt hại do giá nguyên vật liệu nhập khẩu tăng cao, nền kinh tế của Trung Quốc vẫn có thể duy trì một tốc độ phát triển ổn định. Tuy nhiên nếu mức sống người dân Trung Quốc không tăng kịp với tốc độ phát triển, và do sức ép của vật giá gia tăng khủng hoảng có thể xảy ra, toàn diện thì chưa biết nhưng cục bộ thi có khả năng xảy ra tại nhiều nơi, nhất là các thành phố lớn dọc bờ biển phía Đông

Ngoài ra còn một yếu tố khác không kém phần tác hại, đó là trị giá các bất động sản và chứng khoán được bơm lên cao một cách nhân tạo, không phản ánh đúng trị giá thật nên bất cứ một sự điều chỉnh nào cũng có thể gây ra khủng hoảng.

Cũng nên biết lượng tiền bất chính của những nhân vật lãnh đạo Trung Quốc đều dồn vào bất động sản, họ sẵn sàng mua với bất cứ giá nào miễn sao hợp thức hóa được số tiền bất chính này. Với số tiền mặt khổng lồ có trong tay, những thành phần giàu có mới sẵn sàng tiêu xài một cách hoang phí để chứng minh mình đang giàu có, do đó cũng góp phần đẩy lạm phát lên cao.

Còn những khoản nợ khó đòi ? Tỷ lệ nợ khó đòi tuy có giảm xuống còn 6,2% so với năm 2004 (13,2%), tổng trị giá khoản nợ này (gần 200 tỷ USD) là một trong những yếu tố để tính lạm phát. Lý do là đa số các xí nghiệp sản xuất áo quần và đồ điện gia dụng đều vay mượn tiền của các ngân hàng Trung Quốc. Do tình trạng suy thoái chung trên toàn thế giới, hàng hóa của các xí nghiệp này bị ứ đọng trong các nhà kho trong khi các chi phí sản xuất, như tiền lương, vẫn phải trả đều và không còn khả năng trả nổi nợ ngân hàng. Vấn đề của nhà cầm quyền Trung Quốc hiện nay là làm sao giấu được số nợ khó đòi khổng lồ cho đến năm 2012. Đó là năm có hội nghị đại biểu toàn quốc chọn người thay thế cho ê kíp Hồ Cẩm Đào-Ôn Gia Bảo.

Giá chứng khoán của Trung Quốc giữa kỳ đại hội đại biểu nhân dân năm nay (từ 5-3-2008) cho đến Thế vận hội Bắc Kinh (8-8-2008) chắc chắn sẽ còn ở mức cao. Lý do là vì nếu hạ giá gấp, các đại công ty hay các đại xí nghiệp sẽ bộc lộ chân tướng quản lý tồi dở đã làm khói lutton tiền cho vay khó đòi lên cao. Ngoài ra các ngân hàng Trung Quốc còn cho vay ít tín nhiệm (subprime loan) tại Mỹ với số nợ khó đòi lên đến 130 tỷ USD.

Nói tóm lại, vì chưa biết và chưa quen quản lý khủng hoảng kinh tế, khi lạm phát xuất hiện ở mức độ cao, không ai biết phản ứng của chính quyền Trung Quốc sẽ ra sao. Nhưng cho dù có thể nào, bất cứ một hành động đúng đắn hay sai lầm nào xuất phát từ cấp cao đều ảnh hưởng đến phúc lợi chung của thế giới. Do đó, thái độ hay nhất và cũng là thái độ khiêm nhường nhất của chính quyền Trung Quốc là thành thực thông tin bất cứ một diễn biến bất lợi nào cho kinh tế Trung Quốc, cũng là của kinh tế thế giới.

**Trần Kha (Sagamihara)**

# Ngựa phi, ngựa phi đường xa... !

*Nguyễn Huy Đức*

Vật giá leo thang với tốc độ choáng ngợp tại Việt Nam đã trở thành vấn đề gây nhiều tranh luận trong và ngoài nước.

Lạm phát là một hiện tượng kinh tế phức tạp làm suy giảm tăng trưởng kinh tế và gia tăng thất nghiệp. Thực tiễn hơn, lạm phát cũng gây nhiều xáo trộn xã hội. Vấn đề trở nên bức xúc khi hiện tượng này bộc phát ở một nước cùm kém phát triển như Việt Nam. Thật vậy, nó gây nhiều thiệt hại cho người nghèo, một phần đông của dân số.

Có thể định nghĩa hiện tượng lạm phát như một tiến trình gia tăng liên tục của giá cả ở mức độ tổng thể. Tiến trình này được đánh giá bằng Chỉ Số Giá Tiêu Dùng (CPI - Consumer Price Index). Để có được tầm nhìn xác thực hơn, nhiều chuyên gia kinh tế thường loại trừ một số hàng hóa có mức giao động cao (nguyên liệu, thực phẩm...) và đề nghị dùng chỉ số Lạm Phát Cơ Bản (CI - Core Inflation).

## Vài con số dẫn nhập

Trong 12 tháng qua, tỷ lệ lạm phát ở Việt Nam đã tăng đến 15.67% (trung bình 15.82% ở thành thị và 15.48% tại thôn quê). Một cách chi tiết, ngoài dịch vụ giáo dục ra, tỷ lệ giá hàng và giá dịch vụ khác đã tăng một cách đáng kể (xem Bảng 1).

Đây là mức cao nhất trong hơn 12 năm qua và chưa có dấu hiệu gì cho thấy tỷ lệ này có thể giảm xuống trong tương lai gần.

Bảng 1 - Vật giá tiếp tục leo thang

Mặt hàng	Chỉ số 02-2008	Chỉ số 01-2008	Tỷ lệ (%)
Dịch vụ ăn uống	141.66	133.49	6.12%
Thực phẩm	144.48	134.36	7.53%
Lương thực	142.36	137.88	3.25%
Giải khát & Thuốc lá	119.51	117.30	1.88%
Quần áo	116.90	115.33	1.36%
Vận tải & Thông tin	117.51	115.76	1.51%
Giáo dục	108.26	108.16	0.09%
Giải trí	108.44	105.96	2.34%

Nguồn: Thông Luận

## Mát mẻ là tại... thiên tai

Theo tin tức của Phòng Thống kê Việt Nam, giá tăng cao là hậu quả của thời tiết xấu và bất thường. Hiện tượng này đã gây thiệt hại cho mùa màng và hoa quả trên toàn quốc, làm vật giá thực phẩm leo thang. Đó là chưa nói đến nạn dịch đã giết đi một số lớn gia súc.

Giới chuyên gia Việt Nam cũng cho biết rằng những tai

biến này đã xảy ra ngay vào dịp Tết Nguyên Đán, thời điểm mà mức tiêu thụ của người dân tăng đột xuất. Vì vậy, sự bất ổn giữa cung và cầu đã kéo giá cả thị trường lên cao.

Ngoài ra, giá nguyên và nhiên liệu (dầu hoặc các loại hàng từ dầu thô, xăng, gang thép...) đã đặc biệt tăng cao trong năm qua, khiến giá thành của các sản phẩm khác cũng tăng một cách đột ngột.

Tuy nhiên, giá nhiên liệu và giá thực phẩm đã tăng trên bình diện toàn cầu chứ không riêng gì Việt Nam. Nếu so sánh với các quốc gia láng giềng (xem Bảng 2), phải nhìn nhận rằng tác động của vật giá leo thang đã mạnh hơn tại Việt Nam, do đó lạm phát tại Việt Nam phải được xem như một hiện tượng bất thường.

Bảng 2 - Lạm phát Châu Á

Quốc gia	CPI			
	2006	2007	12 tháng qua	Tháng 02-2008
Trung Quốc	+2.8%	+6.5%	+7.1%	+1.2%
Nam Dương	+6.6%	+6.6%	+7.4%	+0.7%
Mã Lai	+3.1%	+2.4%	+2.3%	+0.4%
Phi Luật Tân	+4.3%	+3.9%	+5.4%	+0.3%
Thái Lan	+3.5%	+3.2%	+4.3%	+0.7%
Tân Gia Ba	+0.8%	+4.4%	+6.6%	+1.3%
Việt Nam	+6.6%	+12.6%	+15.7%	+3.6%

Nguồn: Thông Luận

## Thiên tài đằng ta !

Để giải thích cho hiện tượng lạm phát bất thường này, Việt Nam cho biết rằng trong năm 2007 Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam đã phải bán ra khối lượng tiền khổng lồ để mua vào 9 tỷ Mỹ kim (USD). Giới chức trách báo động rằng Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam đã phải áp dụng chính sách này vì luồng ngoại tệ đổ vào Việt Nam trong năm qua đã tăng ở mức độ đáng quan ngại.

Trước khi bàn sâu vào việc bán tiền quốc gia để mua ngoại tệ của Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam, cần minh định một vấn đề : ở đâu và từ bao giờ, hiện tượng tiền đầu tư vào một quốc gia được xem là một vấn nạn !?

Cũng nên biết việc giới tư bản nước ngoài chọn một quốc gia nào đó để đầu tư phải được đón nhận như một tin vui. Nó chứng tỏ rằng quốc gia đó đang tích lũy những cơ hội thu tốt để hút sự chú ý của doanh nhân nước ngoài. Vấn đề là làm sao điều chỉnh và đẩy đưa nguồn vốn này vào những dự án hữu hiệu và có ích cho đất nước.

Nếu Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam cần bán ra đồng

bạc Việt Nam (VND) để mua vào ngoại tệ nhằm đề phòng hiên tượng đầu cơ thì việc cần làm ngay tức thì sau đó là điều chỉnh lại khối lượng đồng VND vừa tung ra thị trường. Có nhiều cách để điều chỉnh lượng VND, một là bằng cách tăng lãi suất để bảo vệ đồng bạc ; hai là ban hành trái phiếu để thu lại một phần lượng tiền vừa bán ra ; ba là từng bước mua lại số tiền lưu hành bằng ngoại tệ, v.v.

Chỉ có như vậy mới không phá giá đồng VND và không tạo điều kiện để lạm phát có thể bộc phát.

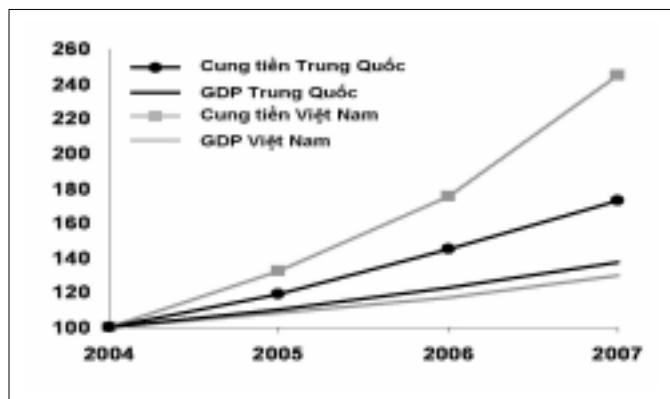
Sự thực là trong hai năm qua, những kế hoạch tương tự đã không được trù liệu và kịp thời thi hành tại Việt Nam. Hết lụy tất nhiên của nó là đồng bạc Việt Nam bị mất giá dẫn đến tình trạng lạm phát chóng mặt hiện nay.

### Lạm phát : "hiện tượng tiền tệ"

Dáng lo âu hơn nữa, tệ nạn lạm phát Việt Nam là hệ quả của tình trạng bất thăng bằng giữa vận tốc gia tăng của khối lượng đồng bạc và mức tăng trưởng của tổng sản lượng nội địa (GDP) trong những năm qua.

Thật vậy, nếu so sánh giữa Việt Nam và Trung Quốc (hai quốc gia đang đeo đuổi mô hình phát triển tương tự) có thể thấy rõ ràng vận tốc tăng trưởng GDP Việt Nam kém hơn Trung Quốc. Tuy nhiên, khối lượng đồng bạc Việt Nam được tung ra thị trường đã nhiều hơn hẳn khối lượng Nhân Dân Tệ được lưu hành (xem Hình 1).

**Hình 1 - Cung tiền và tăng trưởng  
(Việt Nam và Trung Quốc)**



Nguồn : Thông Luận

Tốc độ gia tăng cung tiền Việt Nam (tiền mặt và tín dụng) từ năm 2004 đến nay liên tục được duy trì ở mức độ 34.8%. Trong lúc đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế trung bình chỉ tăng khoảng 8.29%.

Khi nhận thấy sai lầm, Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam đã vội vàng áp dụng những chính sách hạn chế tín dụng và thắt chặt tiền tệ để có thể hạn chế lượng tiền lưu hành (tăng lãi suất, tăng tỉ lệ dự trữ bắt buộc, phát hành tín phiếu mà các ngân hàng thương mại phải thu mua...).

Thái độ này đúng nhưng... quá trễ và quá mạnh bạo.

Hậu quả của nó chỉ có thể là làm tăng chi phí sản xuất (Một xí nghiệp sẽ phải trả tiền lời nhiều hơn khi muốn mượn tiền đầu tư vào thiết bị), làm tăng giá thành và, dĩ

nhiên, làm tăng giá hàng. Lạm phát vừa ló dạng đã có cơ hội bộc phát một cách tiêu cực.

Ngoài ra, biện pháp hành xử mạnh tay này cũng có thể làm trì trệ tăng trưởng, ảnh hưởng xấu đến khả năng cạnh tranh của các ngành xuất khẩu và đem lại tệ nạn thất nghiệp. Nói tóm lại, phản ứng như trên có cơ nguy đẩy đưa nền kinh tế quốc gia vào vòng xoáy suy thoái.

Đã có nhiều chuyên gia trong nước lên tiếng bày tỏ mối lo ngại này. Và họ hoàn toàn có lý.

Đi xa hơn nữa, có thể khẳng định rằng nhà nước Việt Nam đã sống ngoài khả năng tài chính của mình cho phép. Để có được một cuộc sống xa hoa như vậy, chỉ có cách... in tiền mua ngoại tệ để trang trải nợ nần.

Có một số biện hộ cho rằng ở một nước đang phát triển và vừa hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu, có thể xem đây là một chính sách chi tiêu cân thiết để đầu tư vào hạ tầng cơ sở (Cầu cống, đường xá, phi trường, nhà máy điện...). Những dự án xây dựng lớn sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và tránh được tình trạng «mắc nghẽn cổ chai» trong tiến trình phát triển kinh tế. Lập luận này đi đến kết luận rằng những công trình vĩ đại trên, tuy làm tăng vật giá trong ngắn hạn, sẽ giúp một quốc gia nâng cao mức độ cạnh tranh trong tương lai và góp phần làm suy giảm lạm phát trong trường kỳ.

Nhưng ở Việt Nam thì thực trạng không hẳn là như thế. Theo nhận xét của Trung Tâm Nghiên Cứu Châu Á của Đại học Harvard thì Ấn Độ đã đạt được mức tăng trưởng trung bình gần bằng Việt Nam (6.9% so với 7.6%). Để đạt đến mức tăng trưởng này, Ấn Độ chỉ cần huy động 2 phần 3 (2/3) số vốn mà Việt Nam đã sử dụng. Nói khác đi, Ấn Độ chỉ cần 3.48 đơn vị đầu tư để xây dựng một đơn vị phát triển. Trong lúc đó Việt Nam phải cần đến 4.74 đơn vị (Trung Quốc cần 4.11 đơn vị).

**Bảng 3 - Đầu tư và Phát triển**

Quốc gia	GDP		Đầu tư/GDP	
	1991-1996	2001-2006	1990	2004
Trung Quốc	11.6%	9.5%	35.0%	39.0%
Ấn Độ	05.3%	6.9%	24.0%	24.0%
Việt Nam	08.4%	7.6%	13.0%	36.0%

Nguồn : Trung tâm Nghiên Cứu Châu Á - Đại học Harvard

Cũng cần nhắc lại là Đài Loan đã từng đạt được mức tăng trưởng 10% trong liên tục 20 năm với một lượng đầu tư chỉ chiếm khoảng 25% của GDP mà thôi. Hiện nay, tỷ lệ đầu tư ở Việt Nam đang chiếm đến 36% của GDP !!!

### Một nhà nước kềnh càng

Nguyên nhân chính của tỷ lệ đáng buồn này là mức chi tiêu của nhà nước : Tại Việt Nam, khối lượng tài sản và nguồn vốn đầu tư vào các doanh nghiệp nhà nước lớn hơn nhiều các thành phần kinh tế khác. Tuy nhiên, tỷ lệ phát triển của doanh nghiệp nhà nước lại thấp hơn so với các

thành phần kinh tế khác. Điều này phơi bày ra ánh sáng tình trạng thiếu hiếu quả của các doanh nghiệp nhà nước. Đó là chưa nói đến tệ nạn lạm phát, lạm dụng và tham nhũng vẫn đang hoành hành trong khu vực doanh nghiệp nhà nước.

Đây cũng là một trong những nguyên nhân chính làm nẩy sinh ra tình trạng vật giá leo thang.

Vì vậy, muốn giành thắng lợi trong cuộc chiến chống lạm phát, cần có thái độ quyết liệt hơn đối với đà chi tiêu của nhà nước. Hơn nữa, cần hạn hẹp hóa phạm vi can thiệp của nhà nước vào sinh hoạt kinh tế. Ở một quốc gia tân tiến, nhà nước chỉ cần và chỉ nên chú tâm vào những chính sách lâu dài hẫu tạo điều kiện thuận lợi để mọi tư nhân có thể dễ dàng phát huy những tiềm năng của mình. Nói rõ ràng hơn, cần giải tư một phần lớn, nếu không nói là tất cả, các doanh nghiệp nhà nước. (Giải tư ra sao và trong điều kiện pháp lý nào là một vấn đề khác, nằm ngoài phạm vi bài viết).

Ngoài ra, tại những địa hạt cần có sự hiện diện của nhà nước, phải tạo ra guồng máy kiểm soát chi tiêu và đầu tư công cộng. Chỉ có như vậy một quốc gia như Việt Nam mới có thể hy vọng giảm thiểu những chi phí vô hiệu quả. Hơn thế nữa, chỉ có như vậy Việt Nam mới hy vọng có thể cân bằng ngân sách và, qua đó, góp phần ổn định giá cả bền lâu.

Canh tân cơ cấu và môi trường quản lý kinh tế là một trong những chính sách nhằm giải quyết tình trạng lạm phát tại một quốc gia đang phát triển. Việt Nam sẽ không là một ngoại lệ.

Trong trường kỳ, khi nền kinh tế đã được chuyển hoá, khi guồng máy thị trường đã được hoàn hảo và được vận hành đồng bộ, cơ cấu kinh tế Việt Nam sẽ hữu hiệu hơn. Mức độ cạnh tranh sẽ cao hơn và lạm phát sẽ ít có cơ hội để tác oai tác quái hơn.

### Tỷ lệ hối đoái

Song song với công cuộc canh tân cơ cấu, một chính sách quản lý tỷ lệ hối đoái hợp lý cũng sẽ giúp Việt Nam phòng chống lạm phát một cách hữu hiệu.

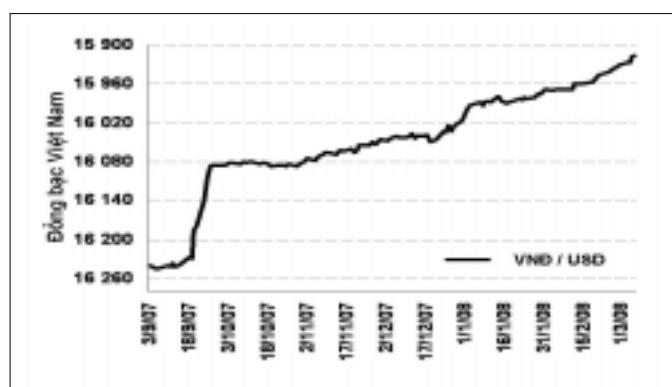
Lạm phát làm vật giá tăng cao và gây tổn thương cho mài lực của đồng tiền. Nói cách khác, lạm phát làm đồng tiền mất giá. Đồng tiền mất giá so với hàng hóa và nó cũng mất giá so với ngoại tệ khác.

Nếu hiểu như vậy thì vấn đề cần đặt ra là làm sao quản lý tỷ lệ hối đoái của đồng bạc Việt Nam (VND) hầu gop phần vào công cuộc ổn định giá cả ?

Ai cũng đồng ý rằng, trong quá trình hội nhập, mối liên thuộc giữa Việt Nam và thế giới chỉ có thể gia tăng. Trong điều kiện đó, giá cả nguyên liệu hay trang thiết bị mà Việt Nam nhập vào sẽ ảnh hưởng rất lớn vào giá thành của hàng hóa Việt Nam xuất ra.

Đồng thời, mọi thanh toán trong giao dịch quốc tế vẫn còn lệ thuộc vào đồng USD. Trong những năm gần đây, đồng USD đã không ngừng mất giá. Vì vậy, nếu chỉ so sánh VND với USD, có thể lầm lẫn kết luận rằng VND đã không ngưng được giá (xem Hình 2).

**Hình 2 - Tăng thêm giá trị VND**



Nguồn : Thông Luận

Tuy nhiên, thực tế không phải như vậy. Vì USD mất giá nhiều nên VND cũng không còn có giá bao nhiêu. Tình trạng này được giới chuyên gia gọi là «nhập khẩu lạm phát» khi nó xuất hiện cùng lúc với hiện tượng vật giá leo thang trên toàn cầu.

Trong điều kiện giá hàng tăng cao hiện nay và để tránh tệ nạn "nhập khẩu lạm phát", Việt Nam nên điều chỉnh hối đoái và từng bước tăng thêm VND so với USD. Đây là một giải pháp khả thi vì nó nằm trong chiều hướng mua vào VND để rút khỏi thị trường số lượng tiền mặt đang được lưu hành.

VND có giá hơn sẽ giảm số tiền phải chi để thanh toán những món hàng nhập khẩu. Giá thành của những món hàng Việt Nam sẽ giảm đi, góp phần vào công cuộc giải trừ lạm phát trong nước.

Trên bình diện ngoại thương, tăng thêm giá trị VND cũng sẽ không gây ảnh hưởng xấu đến hàng xuất khẩu. Thật vậy, nếu quan sát kỹ càng cấu trúc giá thành của những sản phẩm được xuất khẩu, cần nhìn nhận rằng 70% xuất phát từ giá trị nguyên liệu được nhập khẩu (dầu, sắt, thép, xi măng, phân bón...). Một khi giá thành suy giảm nhờ vào tỷ lệ hối đoái cao hơn, sản phẩm Việt Nam vẫn có thể được bán ra với giá phải chăng mà không gây thiệt hại cho lợi tức của doanh nhân.

Trong trường kỳ, một tỷ lệ hối đoái VND/USD hợp lý hơn cũng sẽ đem lại một phép màu khác : Vô hình trung, một VND mạnh sẽ khuyến khích nền kinh tế quốc gia chuyển hướng sang những ngành nghề tinh vi. Thật vậy, khu vực kinh tế này không dựa vào giá nhân công thấp để xuất khẩu những mặt hàng rẻ. Với áp lực của VND từng bước tăng cao, doanh nghiệp Việt Nam sẽ phải sản xuất những món hàng với chất lượng cao hơn, bền hơn để có thể bán đắt hơn mà không sợ mất thị phần. Những sản phẩm này đòi hỏi tay nghề giá trị hơn và dĩ nhiên có đồng lương cao hơn. Đời sống người công nhân sẽ khá hơn.

Nói tóm lại, Việt Nam cần xét lại toàn bộ chính sách hối đoái để hỗ trợ tiến trình phát triển kinh tế quốc gia trong giai đoạn chuyển tiếp.

## Ông nói gà, bà nói vịt

Ngoài những giải pháp chống lạm phát thuần túy kỹ thuật và kinh điển trên, Việt Nam cũng cần tìm được một đồng thuận căn bản để tất cả có được sự phối hợp nhịp nhàng.

Dầu tiên là đồng thuận giữa các cơ quan nhà nước. Không thể chấp nhận được tình trạng bất đồng giữa Thủ tướng Chính phủ và Thống đốc Ngân Hàng Nhà Nước khi nguy cơ lạm phát vừa bùng nổ. Thật vậy, theo tuần báo The Economist, sau khi Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng vừa bày tỏ ý chí quyết tâm giữ vững mức độ tăng trưởng kinh tế cho năm 2008 thì Thống đốc Nguyễn Văn Giàu lại tuyên bố cần giảm nhiệt kinh tế để tránh cơn sốt lạm phát.

Tình trạng "người rồ ga, kẻ đạp thắng" này sẽ gây nhiều tổn thương cho nhà nước trong chính sách ổn định giá cả và phát triển : giới đầu tư quốc tế đang nhìn Việt Nam và đánh giá khả năng chống trả lạm phát qua khả năng và sự đồng bộ của chính quyền.

Quan trọng hơn nữa là sự đồng thuận cần gầy dựng giữa nhà chức trách và người dân. Không có được sự cảm thông này thì những chính sách phòng chống lạm phát khó đem lại kết quả hoàn hảo.

Người dân, thường dân và nhất là giới doanh nhân, cần được thông tin và huy động để góp phần vào việc ổn định giá cả. Đừng quên rằng một phần của lạm phát thường bắt nguồn từ hiện tượng mà giới chuyên gia kinh tế thường gọi là "nhân tố kỳ vọng". Đây là một khía cạnh mang nhiều tính chất tâm lý. Nó đòi hỏi một niềm tin của các tác nhân kinh tế vào tương lai lạc quan về ổn định giá cả. Nếu không, quần chúng có thể phản ứng rất tiêu cực trước rủi ro vật giá leo thang.

Thiếu sót khâu này, không một chính quyền nào có thể lâu dài quản lý chặt chẽ lạm phát.

Nói đến đây cần nêu ra những yếu tố cần thiết để có được một đồng thuận căn bản. Muốn có được đồng thuận thì ít ra doanh nhân, thương nhân và công nhân phải có tiếng nói, phải được lắng nghe. Nếu không, chỉ có áp đặt chứ không thể nào nói đến đồng thuận.

Như vậy, muốn có đồng thuận căn bản giữa chính quyền và người dân thì phải có dân chủ. Có lẽ đây mới là khí cụ hữu hiệu nhất để làm nền tảng vững chắc cho mọi chính sách phòng chống lạm phát trong tương lai.

\* \* \*

Suy thoái kinh tế xảy ra khi sản xuất liên tục suy giảm trong hai hoặc ba quý. Nếu đồng ý với định nghĩa này thì thực sự Việt Nam đã đi sâu vào tình trạng suy thoái từ hơn 6 tháng qua. Thật vậy, GDP Việt Nam năm 2007 (8.5%) sau khi được điều chỉnh bởi tỷ lệ lạm phát (12.6%) đã bị giảm đến 4%.

Có thể khẳng định rằng từ hai năm qua, đời sống người dân đã trở nên khó khăn hơn sau 20 đổi mới. Vì vậy, lập luận mà những kẻ đương quyền thường đưa ra để từ chối mọi đòi hỏi dân chủ hóa đất nước không còn nền tảng để đứng vững nữa. Thật vậy, chính quyền Việt Nam thường đưa ra luận điệu ổn định chính trị để phát triển kinh tế hầu dem lại "dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh". Thực tế

hoàn toàn ngược lại, xã hội Việt Nam đã trở nên một xã hội buông thả sau khi đã đổi mới. Khó có thể hanh diện cho rằng nước Việt Nam là một nước mạnh. Cuối cùng, với một tỷ lệ lạm phát 2 con số, không ai có thể quyết rằng người Việt Nam đã giàu có hơn.

Hình như Việt Nam đang đi vào ngõ cụt mà các quốc gia Á Châu đã vấp phải 10 năm trước, khi cơn khủng hoảng tài chính bột phát. Cơn khủng hoảng 1997 đã đem ra ánh sáng những trì trệ cơ cấu cùng những bất cập chính trị và hành chính của các quốc gia Đông Á và Đông Nam Á. Nó cũng là cơ hội mà một số quốc gia đã nhìn thấy và khai thác để cải thiện toàn bộ guồng máy quản lý nhà nước.

Để tránh khỏi những tai họa kinh tế và xáo trộn xã hội khó lường trước, hy vọng rằng tình hình suy thoái hiện nay cũng sẽ là một cơ hội. Cơ hội để những người đương quyền trên giải đất quê hương đưa ra những cải tổ kinh tế, tài chính và nhất là chính trị thực sự. Chỉ có như vậy, đất nước mới có thể cất cánh khỏi quỹ đạo nghèo đói và lạc hậu.

Nguyễn Huy Đức (Paris)

## TỔ QUỐC ĂN NĂN

NGUYỄN GIA KIẾNG

*Có sửa chữa và bổ túc, thêm lời tựa cho lần in thứ hai.*

**Liên lạc :** Nguyễn Gia Kiếng - 11 Mail Le Corbusier,  
77185 Lognes, France - Email : kqhh@aol.com

**Giá bán** (đã kể cước phí bưu điện) :

- Tại châu Âu : 30 Euro, chi phiếu xin đề : **Nguyễn Gia Kiếng**, và gửi về địa chỉ như trên.  
- Tại Hoa Kỳ : 35 USD, chi phiếu xin đề : **Nguyễn Văn Hiệp**, và gửi về địa chỉ : 1332 Land Grant Road, Charlotte, NC 28217, USA.

- Tại Úc : 50 AUD, chi phiếu xin đề : **Thú S. Dương**, và gửi về địa chỉ : Sơn Dương, 3/118 Rosmore Avenue, Punchbowl, NSW 2196, Australia.

*Tổ Quốc Ăn Năn* đã là cuốn sách chính luận gây thảo luận sôi nổi nhất trong ba năm qua, ở cả trong lẫn ngoài nước.

Quí độc giả có thể giới thiệu với những người không đọc được tiếng Việt tìm mua bản dịch *Tổ Quốc Ăn Năn* ra tiếng Anh :

## Whence... Whither... VIETNAM ?

do giáo sư Nguyễn Ngọc Phách dịch và xuất bản.

Sách dày 366 trang, bìa màu vàng, giấy láng, khổ 17x26cm. Giá bán : **35 EUR** hay **35 USD** (đã kể cước phí bưu điện).

Tìm mua sách, độc giả có thể liên lạc với đại diện Thông Luận tại các địa phương, hay liên lạc với :

- Ông **Nguyễn Ngọc Phách** : 7/29 Robe Street, Saint Kinda, VIC 3182, Australia. Tel/Fax: 613 9537 2531. Email : evennp@malc.org.au

<http://www.thongluan.org>

# Chấm dứt một huyền thoại, bắt đầu một khúc quanh ?

*Nguyễn Gia Kiêng*

Ông Vũ Khoan vĩ huu với những quyền lợi lớn dành cho một cựu ủy viên bộ chính trị và cựu phó thủ tướng. Gần đây ông thổ lộ với báo chí rằng vợ ông mỗi lần đi chợ đều than là vật giá gia tăng và chính ông cũng cảm thấy điều đó, gia đình ông phải tiết kiệm.

Nếu ông Vũ Khoan cũng thấy mức sống sút giảm thì còn ai không gặp khó khăn trong lúc này ? Tất cả bạn bè thân thuộc của tôi đều có cùng một nhận định : cuộc sống của họ sa sút vì vật giá gia tăng quá nhanh so với thu nhập. Theo các bà nội trợ, giá cả đã tăng gấp đôi so với cách đây một năm.

Nhưng vật giá không hẳn là lạm phát và những người quyết định kinh tế quan tâm tới tăng trưởng và lạm phát nhiều hơn. Vậy thì chúng ta hãy nhìn qua các dữ kiện kinh tế vĩ mô này.

Cuối mùa thu năm 2007, nhà nước công bố tỷ lệ lạm phát dự trù 6% cho năm 2007. Con số này được Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế (IMF) sử dụng để tính ra tỷ lệ tăng trưởng kinh tế 7,4%. Chính quyền Việt Nam đồng ý, hài lòng và hân diện. Tuy có lúc người ta nói tới những tỷ lệ tăng trưởng trên 8%, nhưng những con số này chỉ là những ước tính lạc quan không có cơ sở. Đến cuối năm 2007 thì con số lạm phát 6% trở thành lố bịch khi vật giá vùn vút leo thang. Nhà nước điều chỉnh lại tỷ lệ lạm phát ở mức 8,5%. Sang tháng 2-2008 tỷ lệ lạm phát năm 2007 được tính lại là 12,3%, hay 14,1%, tùy người tính. Những điều chỉnh dần dập với biên độ lớn như vậy trước hết chứng tỏ một điều : nhà nước không còn kiểm soát được tình hình, không còn biết kinh tế Việt Nam đang ở đâu và sẽ biến chuyển như thế nào. Dẫu vậy nhiều nhà quan sát cho rằng tỷ lệ lạm phát 14% vẫn còn quá thấp so với sự thực.

Trong một bài viết cách đây khá lâu, Nguyễn Thanh Giang có lần bức bối thốt lên rằng phải chấm dứt cái thứ "chủ nghĩa kinh tế" đang ngự trị trong ngôn ngữ và lý luận của những người lãnh đạo cộng sản Việt Nam, theo đó kinh tế là tất cả, tăng trưởng kinh tế biện minh cho tất cả. Nguyễn Thanh Giang có lý. GDP, hay tổng sản lượng quốc gia, dù là số liệu kinh tế quan trọng nhất cũng chỉ là một trong những dữ kiện đo lường phúc lợi quốc gia. Nó không cho ta biết người Việt Nam có hân diện là người Việt Nam hay không, lòng yêu nước của chúng ta đang lên hay xuống, đạo đức xã hội của ta ra sao, tuổi trẻ Việt Nam được săn sóc và giáo dục như thế nào, văn học nghệ thuật của ta có sáng tạo không, các cuộc thảo luận của chúng ta ở trình độ cao hay thấp, những người lãnh đạo của chúng ta liêm chính hay bất lương, các gia đình Việt Nam có bền vững và hạnh phúc hơn không, môi trường của chúng ta ra sao, không khí chúng ta đang thở sạch hay bẩn, nước chúng ta uống có nhiễm độc hay không. Ngay cả về mặt thuần túy kinh tế, GDP cũng không cho chúng ta biết chúng ta đang sản xuất và tiêu dùng những gì, hoạt động kinh tế của chúng ta đang tập trung hơn vào những sản phẩm kỹ thuật

cao và có tương lai hay vào những sản phẩm kỹ thuật thấp và đang dần chúng ta đến bế tắc trong lạc hậu. Nó cũng không cho chúng ta biết lợi tức quốc gia có được phân chia một cách tương đối công bình không, hay hổ phách cách giàu nghèo đang ngày càng gia tăng và đe dọa làm tan vỡ tình tự dân tộc.

Chắc chắn GDP đo lường sự giàu có và khả năng để tổ chức một cuộc sống lành mạnh. Những người giàu có khả năng cho con cái học trường tốt và ăn ngon mặc đẹp, những nước với GDP cao có đường sá nhà cửa khang trang hơn những nước với GDP thấp, điều này không phải là một bí mật với bất cứ ai. Tăng trưởng kinh tế, nghĩa là GDP tăng lên chắc chắn là điều đáng mừng, nhưng hai điều cũng quan trọng không kém là cách mà GDP đã đạt được và cách mà nó được phân phối. Trên hai điểm này, phải nói là chúng ta chỉ có những lý do để lo âu. Tỷ lệ tăng trưởng kinh tế của ta, khoảng 7% mỗi năm, phải được coi là tương đối thấp chứ không phải là cao. Chúng ta là một nước nghèo vừa thoát khỏi chính sách bao cấp xã hội chủ nghĩa và cũng là một nước bờ biển. Với hai yếu tố đó, bình thường tỷ lệ tăng trưởng kinh tế của ta phải cao hơn 10% (tại các tỉnh bờ biển của Trung Quốc tỷ lệ tăng trưởng là trên 15%). Đã thế tỷ lệ tăng trưởng 7% rất khiêm tốn này lại đi kèm với cái giá kinh khủng của một sự hủy hoại môi trường chưa từng có. Chưa hết, lợi tức quốc gia còn được phân phối một cách rất bất công.

Đảng Cộng Sản Việt Nam đã giành được chính quyền sau hai cuộc chiến kéo dài 30 năm và làm thiệt mạng trên bốn triệu người, trong đó mục tiêu quan trọng nhất được đề ra và đã có sức động viên lớn là xóa bỏ nghèo. Từ khi mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nguyên hình như một ảo tưởng đẫm máu thì tỷ lệ tăng trưởng kinh tế 7% mỗi năm trở thành biện minh và nền tảng chính đáng duy nhất của chế độ. Trên mọi địa hạt khác thành tích của nó đều bi dát.

Phải nhìn nhận rằng ít nhất cho tới cuối năm 2005, trong vòng gần hai mươi năm, đã có tăng trưởng thực sự và đời sống của một phần lớn quần chúng được cải thiện một cách đáng kể. Nhiều người, kể cả chính kẻ viết bài này, đã nhiều lần lên tiếng cảnh giác rằng hướng đi của chính quyền cộng sản là sai, những gì cần làm đã không được làm, những gì phải chấm dứt đã không chấm dứt, và như thế đã tăng trưởng này vừa quá thấp vừa không thể kéo dài. Những lời kêu gọi và cảnh giác của những người dân chủ đã không gặp sự cộng hưởng chờ đợi nơi công chúng, và cả một phần trí thức, bởi vì dù sao kinh tế vẫn tăng trưởng và đời sống vẫn liên tục được cải thiện.

Bắt đầu từ hai năm nay, nhất là từ một năm trở lại đây, mức sống của người dân giảm xuống và giảm xuống ngày càng nhanh. Còn tăng trưởng kinh tế ?

Mức sống quần chúng sút giảm không nhất thiết có nghĩa là kinh tế, và GDP, không tăng trưởng. Các gia đình tùy theo thu nhập không tiêu dùng cùng những mặt hàng và do đó không chịu đựng lạm phát một cách giống nhau. Đối với ông

Vũ Khoan có thể là đồng tiền đã mất giá 10 hay 15% và mức sống của ông đã giảm xuống theo cùng một tỷ lệ. Đối với ông đại tá về hưu Phạm Quế Dương, tỷ lệ đó có thể lớn gấp đôi. Đối với đại bộ phận công nhân và công chức, mà ngân sách gia đình chủ yếu là thực phẩm, mức sống có thể đã sút giảm một nửa hay lớn hơn nữa. Ngược lại, đối với bà doanh nhân địa ốc vừa bỏ ra hơn một triệu đô la để mua một chiếc Rolls Royce và chở về bằng máy bay, lạm phát có thể chẳng có tác động nào.

Các chuyên gia không lý luận trên giá bô rau muống hay tôm phở. Họ theo dõi giá cả theo một giò hàng mẫu (hang được hiểu theo nghĩa rộng, nghĩa là gồm cả hàng hóa và dịch vụ), trong đó mỗi món hàng tùy tầm quan trọng được cho một hệ số, tương tự như bảng điểm trong sổ liên lạc của học sinh. Họ gọi trị giá của giò hàng này là chỉ số giá cả và họ so sánh chỉ số giá cả đầu năm và cuối năm để tìm ra tỷ lệ lạm phát. Mặt khác, GDP của mỗi năm cũng được tính lại theo mức giá cả của cùng một năm (ở Việt Nam là năm 1994) để trở thành cái mà các nhà kinh tế gọi là GDP thực. Sự so sánh hai GDP thực ở đầu và cuối mỗi năm cho ra mức tăng trưởng kinh tế của năm.

Như vậy tỷ lệ lạm phát và tỷ lệ tăng trưởng kinh tế liên hệ mật thiết với nhau, bởi vì tỷ lệ tăng trưởng kinh tế là kết quả của sự so sánh hai GDP đầu và cuối năm sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của lạm phát. Một cách toán học, nếu ta gọi  $g$  là tỷ lệ tăng trưởng và  $i$  là tỷ lệ lạm phát thì các công thức để tính GDP thực, tỷ lệ lạm phát và tỷ lệ tăng trưởng cho thấy tích số  $(1+g)(1+i)$  là một hằng số trong mỗi giai đoạn, một khi các GDP đầu và cuối giai đoạn đã được biết.

Trở lại trường hợp kinh tế Việt Nam, tỷ lệ tăng trưởng kinh tế 7,4% cho năm 2007 đã được tính trên giả thuyết tỷ lệ lạm phát là 6%. Nếu tỷ lệ lạm phát không phải là 6% thì tỷ lệ tăng trưởng 7,4% không còn đúng nữa. Một cách cụ thể, nếu tỷ lệ lạm phát thực cho năm 2007 là 14% như chính quyền đã nhìn nhận thì tỷ lệ tăng trưởng là -0,14%, nghĩa là âm. Như vậy năm 2007 kinh tế Việt Nam không tăng trưởng mà còn suy thoái ! Và nếu tỷ lệ lạm phát là 17%, như nhiều người nghĩ, thì kinh tế đã suy thoái 2,7%. Huyền thoại tăng trưởng kinh tế, nền tảng chính đáng duy nhất còn lại của chế độ, đã sụp đổ.

Tại sao có cuộc khủng hoảng này ?

Không thể đổ lỗi cho bối cảnh kinh tế thế giới. Cùng một bối cảnh khó khăn này các nước trong vùng, dù ở mức độ phát triển cao hơn hay thấp hơn Việt Nam, đã chỉ phải chịu đựng một mức độ lạm phát từ 5 tới 7%. Cũng không thể chấp nhận lời giải thích là vì đầu tư nước ngoài đổ vào Việt Nam nhiều quá. Kể từ lúc nào việc người nước ngoài đổ vào vào một nước làm cho đời sống dân chúng nước đó cơ cực ? Nghiêm chỉnh hơn, chính quyền giải thích là giá cả đã leo thang vì hai nguyên nhân chính.

Nguyên nhân trực tiếp là ngân hàng nhà nước đã tung ra một khối tiền mặt rất lớn, gần 150 nghìn tỷ đồng, để mua vào khoảng 9 tỷ USD mà không có biện pháp hiệu lực để thu hồi lại số tiền mặt này. Dĩ nhiên khi người ta tung ra một số

tiền mặt khổng lồ như vậy thì bắt buộc giá cả, và lạm phát, phải gia tăng. Nhưng tại sao ngân hàng nhà nước lại phải tung tiền ra để mua đô la Mỹ ? Chính quyền giải thích rằng đó là để giữ cho hối suất đồng đô la so với đồng tiền Việt Nam đừng giảm xuống và gây thiệt hại cho xuất khẩu, nhưng hối suất đồng đô la có giảm xuống đâu ? Năm tiếp tục tăng lên, đầu năm 2007 trị giá của một USD là 15.000 VND, cuối năm 2007 là 16.000 VND. Lý do thực sự là vì cán cân thương mại của Việt Nam liên tục bị thâm thuỷ. Năm 2005, năm thuận lợi nhất, Việt Nam xuất khẩu 32,23 tỷ USD và nhập khẩu 36,88 tỷ USD, thâm thuỷ 4,65 tỷ USD. Từ đó thâm thuỷ ngoại thương tiếp tục tăng lên. Theo một số ước lượng mức thâm thuỷ ngoại thương của năm 2007 là trên 10 tỷ USD. Việc tung tiền mặt ra mua đô la chính là để đối phó với mức thâm thuỷ này. Kinh tế Việt Nam là một kinh tế hướng ngoại, nhưng lại là một kinh tế hướng ngoại nhập siêu. Việt Nam bắt chước mô hình Trung Quốc nhưng rất khác với Trung Quốc về điểm này. Trái với thái độ thỏa mãn của nhà cầm quyền, kinh tế Việt Nam không lành mạnh.

Một câu hỏi khác là nhà nước lấy tiền mặt ở đâu để tung ra thị trường ? Ở đây câu trả lời chỉ giản dị là ngân hàng nhà nước đã tùy tiện phát hành tiền, nói cách khác lạm phát, để mua đô la bởi vì theo chính sự thu nhận của chính quyền, các biện pháp để thu hồi tiền mặt, như bán trái phiếu, đã rất không tương xứng. Phát hành tiền như vậy chính là cướp đoạt một phần tài sản của xã hội.

Nguyên nhân thứ hai, còn nghiêm trọng hơn, là cơn sốt dầu cơ bất động sản. Cơn sốt này đã khiến các ngân hàng liều lĩnh lấy tiền gửi ngắn hạn để cho vay mua nhà đất, tạo ra một khối tiền lưu hành cực kỳ lớn, chưa kể nguy cơ phá sản cho chính nhiều ngân hàng nếu giá nhà đất giảm xuống. Đầu cơ bất động sản đã khiến giá nhà đất tại Sài Gòn và Hà Nội cao hơn cả tại thủ đô của nhiều nước tiên tiến. Tình trạng này, trước khi góp phần quyết định gây khủng hoảng, đã tạo ra một thảm kịch : một ngôi nhà nhỏ trong thành phố là một ước mơ hoàn toàn ngoài tầm tay đối với các cặp vợ chồng trẻ Việt Nam, ngay cả với thành phần ưu tú tốt nghiệp đại học và có lương bổng cao. Thanh niên Việt Nam đang trở thành những người không nhà trên chính đất nước mình. Làm sao có thể đòi hỏi họ yêu nước và cư xử có trách nhiệm trong xã hội ?

Không nên mất thì giờ với những lý luận kỹ thuật gượng gạo. Nguyên nhân của cơn sốt bất động sản này là có một khối lượng tiền bẩn quá lớn do tham nhũng và buôn lậu, và nhà đất là dụng cụ tẩy tiền bẩn lý tưởng nhất. Chúng ta lại thấy nguyên nhân cơ bản của căn bệnh quốc gia : tham nhũng. Và vì xây cất chỉ do đầu cơ mà có, nó đã không lôi kéo các ngành sản xuất khác, và kích thích tăng trưởng kinh tế lành mạnh, như tại các nước khác. Hơn 10% số tiền nhập khẩu đã dành cho các vật liệu xây dựng, đặc biệt là thép.

Hậu quả của cuộc xáo trộn tiền tệ và vật giá này là công chúng rút tiền ra khỏi các ngân hàng vì lãi suất dù đã rất cao vẫn thấp hơn mức giá tăng vật giá. Các ngân hàng không còn tiền để tài trợ hoạt động của các công ty, và các công ty sẽ khốn đốn, trong khi khối tiền lưu hành lại quá lớn.

Đó là kịch bản điển hình của một nguy cơ khủng hoảng kinh tế lớn. Và nếu ta nhìn vào một vài số liệu chiến lược khác, như dự trữ ngoại tệ chỉ còn đủ cho ba tháng nhập khẩu, như thâm thuỷ ngân sách (5,8%) gần gấp đôi mức bão động quốc tế, thì có thể nói là Việt Nam đã lâm vào khủng hoảng kinh tế rồi.

Có lối thoát nào không ? Câu trả lời là có, cuộc khủng hoảng này có thể giải quyết được nếu chính quyền thực sự muốn, nhưng không thể bằng những biện pháp thuần túy tiền tệ hiện nay, như kiểm soát và giới hạn tín dụng, cấm cho vay để mua bất động sản, bơm tiền cho các ngân hàng bằng cách cho dấu thầu trái phiếu. Những biện pháp này sẽ chỉ có tác dụng rất hạn chế, bởi vì vấn đề không phải là dừng gia tăng thêm khối lượng tiền tệ lưu hành nữa mà là thu hồi bớt khối lượng tiền mặt đã quá lớn ; mặt khác bơm tiền cho các ngân hàng cũng vô ích khi mà công chúng tiếp tục rút tiền ra thay vì gửi tiền vào. (Một số đáng kể chỉ rút tiền khỏi một ngân hàng để di gửi tại một ngân hàng khác với lãi suất cao hơn).

Giải pháp thực sự để ra khỏi cơn khủng hoảng này là giải tư các công ty quốc doanh trong tay nhà nước, quân đội và công an. Giải tư có nghĩa là cổ phần hóa các công ty này và bán phần lớn các cổ phần cho công chúng với những qui định, nếu cần, để tránh việc tẩu tán tài sản quốc gia, hay việc những ngành có tầm quan trọng chiến lược lọt vào tay những thế lực đáng ngờ vực. Hiện nay khu vực quốc doanh đang chiếm gần 2/3 hoạt động kinh tế. Giải tư các xí nghiệp quốc doanh không những đủ để thu hút khối lượng tiền tệ dư thừa đang tạo ra xáo trộn mà còn giúp chính quyền gia tăng dự trữ ngoại tệ đang ở mức bão động, đồng thời có khả năng tài chính để thỏa mãn những đòi hỏi về phúc lợi xã hội, như giáo dục, y tế, xóa đói giảm nghèo.

Giải tư các công ty quốc doanh còn là biện pháp cần thiết ngay cả nếu không có khủng hoảng kinh tế để đem lại trật tự chính trị. Việt Nam đã bắt chước của Trung Quốc một phương thức rất tai hại là để quân đội, công an và nhiều cơ quan khác của nhà nước kinh doanh. Hậu quả là quân đội và công an, với nền tài chính gần như tự trị, trở thành những nhà nước trong nhà nước. Nhưng chức năng của nhà nước là để làm luật và bảo đảm sự tôn trọng luật pháp, là bảo vệ chủ quyền quốc gia và lãnh thổ, là bảo đảm an sinh xã hội và liên đới quốc gia chứ không phải là để mở các công ty du lịch. Một quân đội kinh doanh chỉ có thể kinh doanh dở, nhưng lại mất khả năng chiến đấu của một quân đội đúng nghĩa. Có mọi lý do để giải tư.

Nhưng chính quyền cộng sản có chấp nhận giải pháp cần thiết và hợp lý này không ? Hậu quả của chính sách giải tư sẽ là giảm bớt khả năng khống chế xã hội của chính quyền, và sức mạnh kinh tế chủ yếu sẽ được chuyển giao cho xã hội dân sự. Trong một tình huống như thế, chế độ độc tài đảng trị không thể tồn tại được nữa. Dân chủ sẽ là hệ luận bắt buộc và tự nhiên.

Và nếu muốn, chính quyền còn khả năng để giải tư hay không ? Không dễ, bởi vì sẽ đụng chạm đến nhiều thế lực chống đối trong công an và quân đội, hai cột trụ của chế độ.

Giải tư các xí nghiệp quốc doanh không đơn giản là một

biện pháp kinh tế mà còn là một cải tổ chính trị quan trọng. Cuộc khủng hoảng này có nguồn gốc từ một cơ cấu bệnh hoạn, nó đòi hỏi một cải tổ cơ cấu. Và nếu cuối cùng nó áp đặt được những thay đổi cần thiết thì ít ra những khó khăn nhất thời của quần chúng Việt Nam cũng không đến nổi vô ích. Dũng nêu quên là vào cuối năm 1986 chính sách "đổi mới", nghĩa là chuyển hướng về kinh tế thị trường, đã chỉ có được sau khi chính sách giá-lương-tiền của ông Tố Hữu tạo ra một cuộc khủng hoảng lớn.

Đảng cộng sản không có chọn lựa nào khác. Họ sẽ bắt buộc phải chấp nhận giải tư một phần đáng kể các công ty quốc doanh với những hậu quả chính trị lớn. Các cấp lãnh đạo cộng sản thừa hiểu rằng với biện pháp này họ sẽ phải thích nghi với một tình huống rất mới. Trong hơn ba mươi năm qua, nhất là từ ngày có chính sách đổi mới, đã diễn ra một cuộc giằng co giữa một bên là xã hội Việt Nam cố gắng để tự cởi trói, và một bên là đảng cộng sản cố duy trì chế độ độc tài toàn trị trong khi vẫn bị bắt buộc phải hội nhập ngày càng sâu hơn với thế giới mà khuynh hướng áp đảo là dân chủ. Cần cân lực lượng đã không ngừng thay đổi một cách thuận lợi cho xã hội dân sự và điểm đoạn tuyệt đã đạt tới. Từ triệt thoái này đến nhượng bộ khác, đảng cộng sản đã tựa lưng vào tường, không thể lùi thêm một bước nữa mà không thay đổi chế độ. Nếu quan sát kỹ chính quyền cộng sản trong hai năm qua, người ta có thể nhận xét là họ đã bắt đầu chuẩn bị cho một thay đổi chính trị. Cuộc khủng hoảng này sẽ có tác dụng khiến tiến trình dân chủ hóa trở thành dồn dập. Thay đổi có thể sẽ rất nhanh chóng. Đổi lập dân chủ phải cảnh giác để đừng bỏ lỡ lần nữa là lặp lại cách ứng xử khi bức tường Berlin sụp đổ, nghĩa là hí hửng cho rằng ngày đèn tội bọn cộng sản đã đến rồi tranh nhau phát cờ khởi nghĩa trong một cuộc lạm phát những hội luận, tổ chức tân lập, liên minh cơ hội, tuyên ngôn, lời kêu gọi v.v. Dân chủ hóa dù là tất yếu cũng vẫn là một cuộc cách mạng lớn và khó khăn đòi hỏi trí tuệ và phương pháp, sự sáng suốt và lòng quảng đại, nhưng trước hết nó đòi hỏi đấu tranh có tổ chức

Vấn đề dân chủ hóa đất nước đã được thảo luận nhiều rồi, trong khuôn khổ một bài nhận định về kinh tế chỉ xin đưa thêm một lý do khác khiến chúng ta bắt buộc phải có dân chủ. Chúng ta sẽ phải đón nhận rất nhiều tư bản nước ngoài. Sự thua kém và nhu cầu phát triển buộc chúng ta phải làm tất cả những gì có thể làm để lôi kéo đầu tư nước ngoài. Khả năng các công ty vốn nước ngoài sẽ chiếm phần chính trong sinh hoạt kinh tế là điều chúng ta không những phải chấp nhận mà còn phải mong ước. Trong bối cảnh đó, một tập đoàn độc tài bị cắt rời khỏi quần chúng chắc chắn sẽ bị mua chuộc hoặc khống chế bởi các thế lực tài phiệt. Chỉ có một chế độ trong đó luật pháp và chính quyền xuất phát từ những cuộc bầu cử thực sự tự do mới bảo đảm được chủ quyền dân tộc. Người ta hay quên một đặc tính cốt lõi của dân chủ : đó là chế độ trong đó kinh tế được hoạt động tự do nhưng luôn luôn chịu sự kiểm soát của xã hội qua trung gian của quyền lực chính trị. Dĩ nhiên với điều kiện đó là một chế độ dân chủ thực sự.

**Nguyễn Gia Kiểng**

# Những người dân chủ cũng cần trung thực và lương thiện

Nghiêm Văn Thạch

Bài này có thể đụng chạm tới một số vị, nhưng tôi lấy làm tiếc phải viết ra bởi thấy đó là việc phải làm, vì phong trào dân chủ có lành mạnh thì mới phát triển được. Hiện nay nó khó phát triển vì nhiều lý do, khách quan cũng có mà chủ quan cũng có. Lý do chủ quan là nó thiếu sự trung thực.

Tôi viết bài này mới đầu với tựa đề "hàng ngũ dân chủ cũng cần trung thực và lương thiện". Tôi đưa cho một chí hữu xem để hỏi ý kiến, anh này nói : "Tựa đề bài của anh sai, làm gì có hàng ngũ dân chủ !". Đúng như thế, quả nhiên là có một khối người dân chủ, nhưng không thể nói là có một hàng ngũ dân chủ. Có một số tổ chức dân chủ nhưng các tổ chức này không đông đảo, còn ngoài ra chỉ là những cá nhân rời rạc. Số lượng các tổ chức này không nhiều, chừng mươi tổ chức là cùng, và trong số này phần lớn là những tổ chức chỉ hiện diện trên mạng Internet chứ không có thực lực, hoặc chỉ có vài thành viên mà thôi.

Khối người dân chủ thật ra rất đông đảo. Trong số 85 triệu người Việt Nam, bao gồm cả 5 triệu đảng viên và đoàn viên công sản, ít ra cũng có 84 triệu người thực sự muốn đất nước có dân chủ. Điều này có nghĩa là ngay cả trong hàng ngũ cộng sản (vì khác với phe dân chủ, phe cộng sản có hàng ngũ) cũng có tới 80% muốn có dân chủ.

Thế nhưng tại sao chế độ cộng sản vẫn cứ kéo dài mãi ? Đó là câu hỏi mà những người tự coi là đang đóng góp cho phong trào dân chủ phải cố gắng trả lời một cách thành thực và khiêm tốn. Câu trả lời đầu tiên là vì chúng ta chưa có một tổ chức dân chủ mạnh. Đúng là như thế, nhưng không thể dừng lại ở đó.

Cần phải tự hỏi tại sao chúng ta sau hơn 30 năm vẫn chưa có một tổ chức dân chủ có tầm vóc ? Câu hỏi này phức tạp hơn nhiều. Người đã bị ray rứt nhất với câu hỏi này là anh Nguyễn Gia Kiểng.

Trong suốt ba năm qua, ngay cả trước «cơn sốt dân chủ 2006» với hàng chục tổ chức ra đời một cách vội vã rồi tan lụi nhanh chóng, anh Kiểng đã có rất nhiều bài về nhu cầu và kỹ thuật tổ chức. Tất cả đều là những bài được nhiều người đọc nhất trong những bài nghị luận chính trị trong thời gian qua và đã chỉ có những ý kiến tán thành, không ai có gì để phản bác cả vì đó là những nghiên cứu rất chính xác. Mọi người đều đã đồng ý là dù tình hình có chín muồi và thuận lợi đến đâu cũng không thể giành thắng lợi cho dân chủ nếu không có một tổ chức dân chủ mạnh. Tuy vậy người ta không chịu rút ra kết luận hiển nhiên phải có là tất cả những hành động không có tác dụng đóng góp vào việc xây dựng một tổ chức mạnh đều hoặc vô ích hoặc chỉ có tác dụng không đáng kể. Nếu kết luận này được mọi người chấp nhận thì tôi tin chắc thế trận dân chủ sẽ thay đổi rất nhanh chóng. Nhưng tại sao kết luận hiển nhiên này, mà mọi người đều đồng ý ít ra trên đầu môi chớp lưỡi, lại chưa thành tiêu chuẩn đánh giá các hành động được

mệnh danh là dân chủ ?

Tôi năm nay đã bước vào tuổi 80 rồi, chỉ còn mong ước đóng góp được chút gì cho công cuộc dân chủ hóa đất nước thôi, nên chẳng cần phải triết hạ ai và cũng chẳng phải nói vòng vo để khỏi mất lòng ai. Tôi xin nhận định thẳng thắn là nhiều người tự coi là dân chủ vẫn chưa thành thực và chưa lương thiện. Nhu cầu cấp bách của những người dân chủ là trung thực và lương thiện.

Xin lấy một thí dụ. Bài "Thời điểm của một xét lại bất buộc" của anh Nguyễn Gia Kiểng đã là bài chính luận gây tranh cãi sôi nổi nhất trong năm qua. Trong số những bài đóng góp, đa số đã ủng hộ quan điểm của anh Kiểng nhưng cũng có những bài chống và những bài chống này quả thực là có vấn đề.

Ông Du Hà ở trong nước nói rằng ông ấy đã chỉ viết theo lời yêu cầu khẩn khoản của ông Đỗ Nam Hải. Tai sao trong thảo luận ý kiến lại đi xúi giục người khác viết thay vì chính mình trình bày ý kiến của mình ?

Ông nhà văn Hoàng Tiến thì xác nhận rằng bài của ông ấy thuộc thể "văn chửi". Tại sao khi thảo luận những vấn đề đất nước lại chửi ? Trước đó ông "nhà văn" Hoàng Tiến cũng đã dùng những lời lẽ và lập luận rất hạ cấp để "chửi" ông Nguyễn Thanh Giang. Chính vì không bị phê phán đúng mức mà ông Hoàng Tiến vẫn tiếp tục chửi, không những thế ông còn là tổng biên tập tờ *Tự Do Dân Chủ*.

Ông Nguyễn Minh Cần thì chẳng nhận định về phong trào dân chủ khác với anh Nguyễn Gia Kiểng và ông Nguyễn Thanh Giang bao nhiêu, ngoại trừ một vài bất bέ không có cơ sở (thí dụ như dẫn chứng việc thanh niên Phạm Văn Trội viết bài tường thuật phiên tòa xử Nguyễn Văn Đài và Lê Thị Công Nhân sau khi không được làm nhân chứng như là một bằng chứng rằng phong trào dân chủ trong nước vẫn mạnh), hoặc đã bị thực tế chứng minh là sai, như khi ông ấy phấn khởi nói về "hiện tượng Nguyễn Tấn Hoành" trong khi nhân vật này không có. Hay khi anh Kiểng nhận định rằng ngoại trừ Hoa Kỳ, các chính quyền phương Tây đã chỉ phản ứng một cách chừng mực trước các vụ án chính trị, ông Cần phản bác rằng các chính quyền phương Tây đã phản ứng rất mạnh. Nhưng thực tế chứng tỏ là chính anh Kiểng cũng đã đánh giá các phản ứng này quá cao. Chính Hoa Kỳ đã tiếp đón ngay sau đó cả Nguyễn Minh Triết lẫn Nguyễn Tấn Dũng, và chính quyền cộng sản Việt Nam cũng được bầu vào Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc mà không bị một phiếu chống nào. Dĩ nhiên là chúng ta có thể đánh giá khác nhau phản ứng của các chính quyền phương Tây nhưng nói chung thì tôi chẳng thấy khác biệt gì to lớn giữa các nhận định của các ông Nguyễn Gia Kiểng, Nguyễn Thanh Giang và Nguyễn Minh Cần cả. Đúng như anh Trương Nhân Tuấn đã nói, cái khác nhau chỉ là người này nói ly nước đây một nửa, người kia nói ly nước

với một nửa mà thôi. Vậy mà cũng đả kích nhau với những lời lẽ nặng nề, với giọng điệu lèn án.

Ngạc nhiên hơn nữa là bài viết của ông Hoàng Cơ Định, lãnh tụ đảng Việt Tân. Bài viết của anh Kiểng phê phán lối làm chính trị nhân sĩ và kêu gọi đấu tranh bằng cách tham gia các tổ chức. Bài viết này có lợi cho các tổ chức, kể cả Việt Tân, nhưng ông Định đã thấy rằng nó có thể làm bức bình một số người nên nhảy vào cuộc để gây ác cảm đối với anh Kiểng và lấy điểm với những người này. Ông Định lại còn nói ông không cần tranh luận gì vì mọi lý luận hai ông Hoàng Tiến và Nguyễn Minh Cần đã nói hết rồi, nhưng hai ông này không đưa lý luận nào có cơ sở cả. Thật là tệ.

Xấu nhất là người ta còn vận động người khác chống anh Kiểng, và luôn cả Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên, bằng những cú điện thoại, bằng những lời rỉ tai với những thân hữu của Tập Hợp, những đánh phá sau lưng này sau cùng cũng lộ ra thôi. Ngoài ông Du Lam được ông Đỗ Nam Hải yêu cầu viết bài chống hai ông Giang và Kiểng, còn có cả một cô dân oan khiếu kiện về nhà đất ở Đồng Nai, trước đó cũng như sau đó chẳng có hoạt động dân chủ gì, cũng viết bài đả kích anh Kiểng và ca tụng ông Hoàng Cơ Định. Đúng là đánh bằng mọi thứ vũ, tiếng Pháp gọi là "faire feu de tout bois".

Tôi đưa ra thí dụ này để chứng minh sự không đứng đắn và trung thực trong môi trường được gọi là dân chủ, vì đây đã là cuộc tranh luận được nhiều người tranh đấu cho dân chủ theo dõi nhất.

Bây giờ tôi xin phép nói ra quan điểm của tôi.

Trước hết là cuộc tranh đấu cho dân chủ phải rất thành thực và trong sáng nếu không thì thất bại là điều chắc chắn. Sức mạnh thuộc về phe cộng sản, sức mạnh tài chính cũng như sức mạnh bạo lực. Phong trào dân chủ không có sức mạnh vật chất nào, hay nếu có thì cũng không đáng kể. Ngay cả kiến thức cũng lệch về phía cộng sản hơn là về phe dân chủ. Họ đã cầm quyền 35 năm rồi, họ không thiếu những người có bằng cấp cao dưới tay, và họ cũng dễ nắm vững những hồ sơ của đất nước hơn những người dân chủ. Vấn đề là họ đặt quyền lợi của đảng cộng sản và quyền lợi cá nhân lên trên quyền lợi của đất nước và không làm những việc cần làm, trái lại còn làm những điều có hại cho đất nước. Sức mạnh của phong trào dân chủ là sự thành thực và lương thiện. Nếu thiếu những đức tính này phong trào dân chủ không có hy vọng nào cả, dù dân chủ là ý tưởng đẹp đến đâu đi nữa.

Sức mạnh của phong trào dân chủ chính là tiềm năng quần chúng. Đại bộ phận quần chúng, nếu không muốn nói là tất cả, đều hướng về dân chủ. Muốn động viên quần chúng thì phải gây được niềm tin ở thắng lợi và niềm tin này chỉ có thể có nếu hình thành được một tổ chức dân chủ mạnh. Chúng ta tuy chưa mạnh nhưng có thể tự tin về tiềm lực quần chúng này. Sự tự tin đó phải cho phép chúng ta nói thẳng, nói thực về những mặt yếu của mình để sửa sai và tiến lên. Vả lại sự cường điệu không đánh lừa được ai. Những người chống những phê phán thẳng thắn trong

phong trào dân chủ lập luận rằng nếu nói ra hết sự thật thì anh em dân chủ sẽ mất lòng tin và quần chúng cũng mất tinh thần, như vậy là có hại cho dân chủ. Nhưng những anh em dân chủ đều đã biết rõ những gì xảy ra trong phong trào dân chủ rồi, khi nói chuyện riêng với nhau họ còn nói những điều phũ phàng hơn nhiều. Và dường nào thì cũng phải cho họ biết rõ sự thật, không thể đấu tranh trong sự hiểu lầm được, hiểu lầm thì sẽ hành động sai.

Còn quần chúng thì sao ? Họ đã thất vọng từ hơn 30 năm nay rồi mà vẫn ngày càng hướng tới dân chủ hơn. Họ có thất vọng là với những người tự nhận là đấu tranh cho dân chủ chứ không mất lòng tin ở dân chủ. Và họ cũng không đến nỗi mù tịt về thực trạng phong trào dân chủ đâu. Môi trường dân chủ là một môi trường cởi mở, cái gì đúng sự thật thì cuối cùng mọi người đều biết, "mọi người" ở đây là những người theo dõi thường xuyên diễn biến của phong trào dân chủ. Nhưng một phần quần chúng thì có thể vẫn bị những phần tử xấu lợi dụng, và dù có bị lừa bịp hay không thì cũng thấy môi trường dân chủ nhốn nháo và không biết phải tin ai.

Có ai đặt ra một cách nghiêm chỉnh câu hỏi tại sao quần chúng mong muốn dân chủ như vậy mà phong trào dân chủ vẫn không lớn lên được ? Tôi nghĩ rằng đông đảo người muốn dân chủ chưa tham gia phong trào dân chủ vì thấy có quá nhiều nhân vật tự xưng là dân chủ một thời nổi đình nổi đám rồi biến mất, hay tệ hơn nữa xuất hiện nguyên hình như một người chẳng ra gì, thậm chí có thể là cò mồi của chế độ. Phong trào dân chủ cũng phải có sàng lọc. Một phong trào thiếu sàng lọc, thường vàng hạ cám, không thể được quần chúng tín nhiệm. Dĩ nhiên sinh hoạt dân chủ trong đó mọi người có quyền nói và làm những gì mình muốn khó tránh khỏi sự hỗn độn, nhưng những người dân chủ đúng đắn phải phai góp phần làm giảm bớt thay vì tiếp tay cho sự hỗn độn này. Thực tế là có những tổ chức và những cá nhân đã làm những việc rất sai trái, thậm chí gian trá nhưng vẫn tiếp tục vì không bị lên án. Người ta sợ rằng lên án như thế là "gây chia rẽ phong trào". Nhưng chia rẽ với ai ? Phong trào dân chủ cũng phải chia rẽ với những người và tổ chức xấu mới lớn lên được. Ngay cả những hành động xuất phát từ thiện chí nhưng vụng về cũng cần được phê phán thẳng thắn để rút kinh nghiệm.

Sàng lọc càng cần thiết trong giai đoạn sắp tới vì đảng cộng sản, trước khi bắt buộc phải chấp nhận sự hiện diện hợp pháp của đối lập dân chủ sẽ tung ra rất nhiều phần tử đối lập cuối để đánh lạc hướng dư luận. Quan sát cho kỹ ta sẽ thấy là họ đã bắt đầu tung ra bọn đối lập cuối rồi. Anh Nguyễn Vũ Bình vừa viết một bài rất nên đọc ("Tương lai nào cho đối lập dân chủ Việt Nam ?").

Theo anh Nguyễn Vũ Bình, nhiều người tự xưng là dân chủ thực ra chỉ là do công an cài cắm. Với những gì tôi được biết qua sinh hoạt trong tổ chức, tôi rất đồng ý. Tôi cũng đồng ý luôn với Nguyễn Vũ Bình là có hai loại đặc tính, một là thành phần phản gián chuyên nghiệp, một là những người ủng hộ dân chủ thực nhưng vì quá hoênh hoang lô liêu rồi bị hù dọa nên khiếp nhược đầu hàng rồi trở thành công cụ. Nhưng tôi thấy anh Bình nói như vậy chưa đủ.

Ngoài loại do công an cài cắm còn có loại dân chủ dởm, những người chẳng có bản lĩnh và thành tâm gì cả nhưng cũng nhảy vào cuộc đấu tranh cho dân chủ để kiếm chút tiếng tăm hay để được giúp đỡ về tài chính.

Làm thế nào để nhận diện ra ai là dân chủ thực, ai là dân chủ giả ? Làm thế nào để phân biệt một tổ chức dân chủ thực với một tổ chức dân chủ dởm ? Theo tôi, cách hay nhất là nói thẳng, nói thực, là phê phán thẳng thắn những khuyết tật. Những người và tổ chức dân chủ thực không sợ những phê phán và cuối cùng sẽ được nhận diện và tín nhiệm. *Vàng thực không sợ lửa, cây ngay không sợ chết đứng*. Quần chúng sẽ có niềm tin hơn khi thấy rằng những tổ chức mình tin quả thực là đáng tin, những gì phong trào dân chủ có là thực sự có. Sự thẳng thắn và lương thiện không những đúng một cách tự nhiên mà còn cần thiết cho phong trào dân chủ để sàng lọc và vươn lên. Phong trào dân chủ không lớn lên được vì nó thiếu sự chế tài đối với những người và hành động sai trái. Chúng ta thiếu sự chế tài này vì chúng ta thiếu sự thẳng thắn.

Trong tình thần phê phán thẳng thắn đó, tôi cũng cần phải nói về chủ nghĩa nhân sĩ. Đây là cách hoạt động của những người chỉ làm việc một mình, hoặc với một nhóm bạn bè nhỏ, hoặc qua những kết hợp lỏng lẻo, tạm bợ, trong đó chẳng ai phục tùng ai. Những cách hoạt động này chẳng có ích lợi gì cho phong trào dân chủ, cùng lầm chúng chỉ gây được tiếng vang nhất thời và có tác dụng đánh lạc sự chú ý và ủng hộ của quần chúng vào những cố gắng nghiêm chỉnh.

Dấu tranh phải có tổ chức, và tổ chức phải thực sự là tổ chức, nghĩa là có lãnh đạo và kỷ luật. Thật là đáng chán và đáng giận khi có những nhân sĩ chẳng có lực lượng gì nên chẳng có thể làm được gì ra hồn, mỗi lần thấy thời cơ thuận lợi lại nhảy ra, hội họp với nhau, ra tuyên ngôn khởi xướng hay ủng hộ những hoạt động tự phát ồn ào. Như thế không phải là cơ hội chủ nghĩa thì thế nào mới là cơ hội chủ nghĩa ? Các nhân sĩ này không thể làm gì khác hơn được vì họ không có lực lượng. Họ không ủng hộ một tổ chức có bài bản bởi vì các tổ chức có thực chất đều đã có ít nhiều đội ngũ nòng cốt, họ không thể có vai trò nổi mà họ mong ước. Cuối cùng họ chỉ phá đám những hoạt động nghiêm chỉnh. Các nhân sĩ không phải là không có vai trò nào. Họ có thể viết sách, viết báo góp ý và soi sáng cho cuộc vận động dân chủ với điều kiện là thực sự có kiến thức và tư tưởng, nhưng đây không phải là trường hợp của đại bộ phận những người đấu tranh không tổ chức.

Cũng rất đáng chán những buổi gặp mặt của những nhân sĩ. Đó là buổi gặp mặt giả dối của những người đã biết quá rõ nhau, nghĩa là biết rõ những người khác cũng như chính mình không có khả năng xây dựng một kết hợp nào, (có những người đã 60, 70 tuổi nhưng chưa hề sinh hoạt trong một tổ chức và cũng có những người đã sinh hoạt trong những tổ chức nhưng đã bị đào thải hoặc tự đào thải), nhưng vẫn cố tình làm như chưa biết nhau để làm bộ như là sẽ có thể cùng nhau xây dựng một lực lượng, hay ít ra "làm được một cái gì". Cuối cùng có làm được gì đâu, chỉ làm mất thì giờ, làm vướng cẳng các tổ chức nghiêm chỉnh

và làm hỏng những cơ hội tốt. Những chuyện nhảm chán này sao không chịu chấm dứt đi ?

Tôi không nói là phải gia nhập tổ chức X hay Y nào. Tôi chỉ muốn nói là phải đấu tranh có tổ chức. Mỗi người tùy nhận xét của mình hãy chọn tham gia tổ chức nào phù hợp với mình nhất, nếu chọn lựa sai thì thay đổi cũng không sao. Và nếu sau khi quan sát không thấy tổ chức nào hợp với mình thì có thể thành lập một tổ chức mới cũng không sao. Chỉ cần phải thành thực với chính mình, nếu chê các tổ chức là thiếu trí tuệ thì phải tin rằng mình có trí tuệ hơn, nếu chê các tổ chức nghiêm chỉnh thì phải thực sự tin rằng mình có thể làm nghiêm chỉnh hơn, và cần rút ra kết luận thành thực sau một thời gian thử nghiệm. Nhưng dứt khoát phải đấu tranh có tổ chức, phải thẳng tay gạt bỏ chủ nghĩa nhân sĩ.

Chỉ có các tổ chức nghiêm chỉnh, sau thời gian hoạt động lâu dài và với các cơ sở ở nhiều nơi, với sự theo dõi liên tục các hoạt động và những con người mới tập trung được những thông tin chính xác về ai là ai, về những ý đồ và kế hoạch của đảng cộng sản. Để đừng rơi vào những cái bẫy của đảng cộng sản. Một điều đáng ý trong bài viết của ông Hoàng Cơ Định mà tôi đã nói ở phần trên là ông Định mỉa mai anh Kiếng "cứ làm như biết hết những gì trong nội bộ đảng cộng sản". Câu mỉa mai này tố giác một tâm lý chủ bại, nghĩ rằng không thể biết những gì đảng cộng sản làm và những gì họ sắp làm. Nhưng đấu tranh mà không biết đối phương muốn gì và làm gì thì tại sao đấu tranh cho mất thì giờ và phí sức, có khi còn sa vào cạm bẫy? Khi ông Hoàng Minh Chính sang Mỹ chữa bệnh và trong tình trạng sức khỏe suy kiệt sống chết hiểm nghèo đã trở thành con cờ trong tay đảng Nhân Dân Hành Động rất nhiều tổ chức và nhân sĩ, trong đó có đảng Việt Tân và ông Hoàng Cơ Định, đã hăm hở định tham gia "Phong Trào Dân Chủ Việt Nam Thống Nhất" dưới trướng của ông Chính mà không biết rằng đó chỉ là kế hoạch của đảng cộng sản để gom trọn và nhảm nhí hóa đối lập dân chủ. Ông Hoàng Cơ Định đã rút ra bài học khiêm tốn nào chưa? Ông có biết tại sao Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên không hề có mặt trong đám đông này không ? Hay ông vẫn tin là những người dân chủ không thể nào biết được những gì mà đảng cộng sản đang làm hoặc định làm ?

Ngày nay chúng ta đang đứng trước một tình thế mới. Ý thức dân chủ đã chín muồi, đảng cộng sản đã phân hóa nhiều và sẽ còn phân hóa hơn khi Lê Đức Anh và Đỗ Mười không còn nữa, hoặc quá già để kiểm soát được đảng. Cuộc khủng hoảng kinh tế đang diễn ra cũng đồn đảng cộng sản tới chân tường và bắt buộc họ phải nhượng bộ. Tình thế đang thuận lợi và có thể thay đổi rất nhanh chóng. Tuy vậy đảng cộng sản cũng sẽ không nhượng bộ chấp nhận dân chủ một cách đơn giản. Họ sẽ tung ra nhiều đòn phép để nếu không vô hiệu hóa được cũng làm rối loạn hàng ngũ dân chủ. Nếu những người dân chủ không muốn lỡ chuyến tàu một lần nữa thì phải đổi phương pháp và thái độ. Phải cảnh giác, phải phê bình và tự phê bình một cách thẳng thắn và lương thiện.

**Nghiêm Văn Thạch (Paris)**

## Tại sao phải "nói xấu" chính quyền ?

Việt Hoàn

"Nói xấu chính quyền" ở đây cũng có nghĩa là "chỉ trích", là "phê phán", là "bất đồng chính kiến" với chính quyền, thậm chí đó cũng là "chửi bới" chính quyền, nói chung là những tiếng nói đối lập với chính quyền, những tiếng nói "phi chính thống".

Vậy thì "nói xấu" thế nào là "đủ", là "vừa", là "phải", là không "cực đoan"? Và có nên "nói xấu" chính quyền không? Tại sao?

Chúng ta có thể dễ dàng thấy được một điều xảy ra khá "thường ngày ở huyên" trên các diễn đàn tự do là cùng một tiếng nói nhưng không những phía chính quyền xem là "phản động" là "thù địch" mà phe "chống cộng" cũng cho là "nội gián", là "thân cộng"!

Như vậy những người cầm bút luôn đứng giữa hai lằn đạn.

### Phải làm thế nào bây giờ?

Tất nhiên những người cầm bút, những người dám nói lên những chính kiến của mình thì phải chấp nhận búa rìu của dư luận. Cũng giống như những nhà hoạt động chính trị, các chính khách, các ngôi sao điện ảnh (nói chung là những người của công chúng) luôn phải chấp nhận sự phê phán của dư luận, dư luận có thể đồng tình cũng có thể phản đối, và đó là điều rất bình thường. Thời gian và sự công tâm của đa số độc giả sẽ là vị trọng tài khách quan nhất.

Bản thân tôi, như đã nhiều lần bộc bạch, tôi sinh ra và lớn lên trong một gia đình cán bộ, bố tôi là một đảng viên cộng sản kỳ cựu, tôi là kẻ may mắn trong sự bất hạnh của nhiều đồng bào tôi. Tôi không có ân oán gì với chế độ cộng sản. Học xong đi ra nước ngoài (Liên Xô) và ở đây tôi đã chứng kiến sự sụp đổ của "thành trì" chủ nghĩa cộng sản và tiếp xúc với nguồn thông tin đa chiều, tôi tự tìm hiểu, học hỏi và rút ra cho mình những kiến thức về thế giới xung quanh cũng như về thế chế chính trị tại Việt Nam.

Công việc của tôi hiện tại là kinh doanh, thương trường có người ví như là một chiến trường, thế nhưng với tôi đó là một sân chơi lớn, nhiều khó khăn thách thức nhưng cũng rất hấp dẫn và công bằng. Để thành công đòi hỏi phải có những kiến thức tổng hợp, thứ nhất là marketing, ngôn ngữ "chợ học" là "kết hàng", trước một mặt hàng mới, chỉ cần "đa" hoặc "nhét" ("có" hoặc "không") là bạn có thể mua hoặc được hàng chục ngàn đô-la. Thứ hai là bạn phải "ngoại giao" giỏi, bởi vì bán hàng luôn là việc khó khăn, nhất là trong thời buổi kinh tế thị trường, hàng hóa rất nhiều, cạnh tranh rất lớn. Thứ ba là bạn phải có một sự hiểu biết nhất định về chính trị, nhất là ở Nga, một nước mà luật pháp thay đổi xoành xoạch mà không hề theo một lộ trình hay một nguyên tắc nào, nó chỉ phụ thuộc vào sự ngẫu hứng của chính quyền. Cái thứ tư nữa là bạn phải "thức thời", có nghĩa là phải thay đổi nhận thức, thay đổi

tư duy cho phù hợp với hiện tại.

Người Việt không có óc tiến thủ và quen với "trật tự" đã thành nếp là buôn bán cò con, không dám làm ăn lớn vì thế khi có biến động là bị đào thải và tụt hậu. Ví dụ dễ thấy nhất ở Nga và các nước Liên Xô cũ là việc đa số bà con đều buôn bán tại các chợ nhưng rất ít người dám đi "đánh hàng" ở các nước khác như Thổ Nhĩ Kỳ, Trung Quốc hay Việt Nam về bán mà chỉ lấy lại tại chỗ và bán tại chỗ. Khi có lệnh cấm người nước ngoài buôn bán lẻ tại các chợ trên lãnh thổ Nga hồi năm ngoái, rất nhiều người Việt đã phải "hồi hương", những người ở lại hay những người làm ăn lớn thì lại "bội thu".

Là người kinh doanh nên tôi hiểu rõ cái giá rất đắt mà người mua hàng phải trả cho những mặt hàng "độc quyền". Điều đầu tiên mà rất nhiều người hay nhầm lẫn khi tranh luận chính trị đó là chỗ đứng của mình trong xã hội! Bạn phải hiểu mình là ai? Bạn đang ở phía nào? Hay đơn giản là bạn phải phân biệt được "thân phận" của mình, bạn là người "bán hàng" hay là người đang đi "mua hàng". Bởi vì quyền lợi của người mua hàng và bán hàng khác nhau hoàn toàn.

Bản thân tôi, lúc là người đi mua hàng, lúc là người đi bán hàng và vì thế cách ứng xử của tôi mỗi lúc phải khác nhau. Khi tôi đi mua hàng thì lúc nào cũng chê, lúc thì chê đắt, lúc thì chê xấu, nói chung là đủ các kiểu để mua được lô hàng vừa rẻ vừa tốt, đúng với giá trị thật của nó. Thế nhưng khi đi bán hàng thì ngược lại tôi phải khen là hàng tôi đẹp, giá phải chăng, còn chuyện chê bai, mặc cả là chuyện của người đi mua hàng. Và nếu có người nào đó đến mua hàng tôi mà luôn miêng khen là hàng đẹp và rẻ thì tôi cho là người đó không bình thường, kể cả khi người đó nói đúng.

Như vậy, về nguyên tắc thì khi đi mua hàng là phải chê. Áp dụng qua lĩnh vực chính trị cũng vậy! Đầu tiên là bạn phải xác định dứt khoát bạn là "dân" hay bạn là "quan". Nếu bạn là quan thì bạn phải ca tụng chính quyền là đúng, bởi vì "ăn cây nào rào cây ấy", nếu bố tôi là bộ trưởng thì chưa chắc tôi đã chỉ trích chính quyền. Nhưng nếu bạn là "dân" thì bạn phải biết tìm ra cái xấu, cái sai của chính quyền để mà chỉ trích thì bạn mới có cuộc sống tốt hơn. Quyền lợi của "dân" và "quan" là tì lệ nghịch, dân khổ thì quan sướng và dân sướng thì quan khổ. Nếu bạn là dân và muốn sung sướng thì phải "hành" quan.

Dân Mỹ sướng hơn dân Việt Nam vì họ biết "hành" các "quan" của họ, họ đưa ra rất nhiều yêu sách cho những người muốn làm quan và họ luôn đòi hỏi các "quan" làm cho họ nhiều việc hơn nữa, cứ xem các cuộc vận động tranh cử ở Mỹ thì rõ. Phải rất khó khăn các ứng cử viên Mỹ mới lấy được những lá phiếu của cử tri Mỹ.

Để một người đang có hàng "độc quyền" như chính quyền Việt Nam tự nhiên đi san sẻ và ban phát quyền lợi

cho người dân thì đó hoàn toàn là chuyện viễn vông. Mọi lời nói chỉ là bánh vẽ, thế nhưng mọi chuyện sẽ hoàn toàn khác khi có cạnh tranh. Khi có một đảng đối lập xuất hiện người dân sẽ được tôn trọng hơn, tiếng nói sẽ có giá trị hơn và những bức xúc hay đòi hỏi của người dân sẽ nhanh chóng được giải quyết hơn. Chỉ trong nền kinh tế thị trường, có cạnh tranh thì người dân (khách hàng) mới là "thượng đế", còn độc quyền và độc tài thì người dân chỉ là những con bò sữa nuôi béo các "quan", không hơn không kém.

Cho nên kết luận rút ra là người dân khôn là người dân luôn phải biết phê phán chính quyền.

### Nói thế nào cho vừa, cho hợp lý ?

Trước khi trả lời câu hỏi này thì bạn phải biết mình đang ở đâu ? Trong nước hay ngoài nước ? Nếu trong nước tất nhiên bạn phải dè chừng vì bộ máy đàn áp của chính quyền rất mạnh, các vị lãnh đạo "đảng ta" nghe khen, nghe nịnh thì quen nhưng nghe dân chửi thì chưa quen lắm, nên nếu có phê phán thì cũng ở mức độ vừa phải. Thế nhưng khi bạn ở ngoài nước, sống ngoài vòng cương tỏa của chính quyền thì bạn phải nói cho hết lời, hết ý. Tất nhiên là để thuyết phục được người nghe thì phải nói có tình có lý, không mang nặng sự hần học trong đó. Phải có cái tâm trong sáng và quan trọng nhất là khi chỉ trích thì phải biết đưa ra những giải pháp thay thế, khắc phục.

Để đảng cộng sản tự thay đổi là điều không thể có được mà phải có sức ép từ phía nhân dân, từ phía khách hàng. Khi tất cả các thành phần dân chúng đồng loạt và nhất trí lên tiếng, đòi hỏi và chỉ trích mạnh mẽ thì chính quyền mới lùi bước. Khi chính quyền cũng phải cạnh tranh thì mọi người dân, mọi tầng lớp đều được hưởng lợi chứ không riêng gì một nhóm người nào. Vì vậy mọi người dân phải ủng hộ những tiếng nói dũng cảm đứng lên chỉ trích chính quyền. Ví dụ khi thuốc Tây ở Việt Nam không còn cảnh độc quyền nữa thì giá sẽ hạ trên toàn quốc và mọi người dân đều được hưởng lợi từ đó chứ không riêng gì mình cô nhà báo Lan Anh của báo *Tuổi Trẻ*. Và tất nhiên là chúng ta muốn mua thuốc Tây giá rẻ thì phải ủng hộ những người như cô Lan Anh.

Cách đây không lâu tôi có nghe cuộc phỏng vấn luật sư Trần Lâm, cụ có nói là không nên chỉ trích và lôi những người công sản ra mà chửi vì những người công sản không phải là xấu, chỉ có những kẻ cầm quyền mới xấu. Ý cụ đại khái là nếu có chửi thì chửi nhà cầm quyền là đủ, đừng thêm chữ công sản vào đó, vì sẽ có người không hài lòng.

Câu nói của cụ Trần Lâm chỉ đúng một phần, quả thật là không phải tất cả những người cộng sản đều xấu mà chỉ có một thiểu số nhỏ cầm quyền là xấu. Thế nhưng thiểu số đó luôn lấy danh nghĩa của người cộng sản ra để biện minh cho những hành động của họ. Như vậy công sản và độc tài là một, khi chỉ trích độc tài thì tức là chỉ trích cộng sản. Nếu những người cộng sản "chân chính" không muốn mang tiếng xấu và không muốn nghe "chửi" thì phải từ bỏ hàng ngũ cộng sản để đứng về phía nhân dân, như trường hợp của cụ Hoàng Minh Chính.

Nếu nói tôi là người "chống cộng" cũng không sai,

nhưng đúng nhất thì tôi là người chống độc tài ! Hiện tại ở Việt Nam độc tài là công sản nên tôi chống "độc tài cộng sản", sau này không còn cộng sản nữa mà là đảng Lao Động hay đảng Dân Chủ lên cầm quyền mà cũng độc tài thì tôi sẽ tiếp tục chống "độc tài Lao Động" hay chống "độc tài Dân Chủ"... Tôi sẽ chọn con đường là đứng về phía nhân dân tôi, đồng bào tôi.

Theo tôi, chống độc tài là nhiệm vụ của tất cả mọi người dân, từ người cùng đinh đến những nhà trí thức, tư sản. Tất cả mọi hình thức đấu tranh đều cần được ủng hộ. Khi có tự do và sự cạnh tranh lành mạnh giữa các đảng phái chính trị thì người dân mới có thể đòi hỏi cho mình nhiều quyền lợi nhất. Và cũng chỉ khi đó mỗi người dân mới thấy thoải mái, tự do, nhân phẩm được tôn trọng. Không cần làm "quan công sản" tôi cũng biết được một điều là nhiều người quyền cao chức trọng của đảng cũng đâu có sung sướng gì ! Muốn nói gì cũng phải lựa lời, hoặc nhìn trước ngó sau rồi mới dám nói, họ ra oai với người dân và cấp dưới nhưng với cấp trên họ cũng chỉ là "cỏ rác" chứ không hơn gì.

Thế nhưng một số trí thức Việt Nam chấp nhận cảnh "dưới một người, trên vạn người" chấp nhận "phò chính thống". Tâm lý đó cần thay đổi, cuộc sống chỉ có ý nghĩa khi con người được "tự do", tự do làm những việc mình muốn, theo đuổi những ước mơ và hoài bão của mình, tự do để nói những điều mình yêu hoặc ghét...

### Hãy sống như một người tự do

Tôi sống ngoài vòng cương tỏa của chính quyền cộng sản và tôi không nghèo khổ, tôi có một cuộc sống khá đầy đủ, tôi không viết báo để kiếm tiền, tôi không hận thù chế độ, tôi không bị ai thao túng hay mua chuộc lôi kéo, tất cả những gì tôi đã viết đã nói đều là những suy nghĩ và nhận xét từ心底 của tôi, từ sự hiểu biết của tôi.

Tôi chỉ có một ước nguyện là người dân Việt Nam phải được sung sướng, hạnh phúc như người dân các nước văn minh. Tôi cũng hiểu rằng một chế độ độc tài như Việt Nam thì sẽ không bao giờ làm được điều đó cho nhân dân.

Tôi có một tham vọng rất lớn là sau này khi chế độ độc tài không còn trên quê hương Việt Nam yêu dấu, khi đó người dân sẽ cảm nhận được cái hay, cái tốt đẹp mà dân chủ và tự do mang lại cho họ, khi đó họ sẽ nhớ đến những người đã góp phần thay đổi lịch sử, và tôi hy vọng rằng khi đó họ sẽ nhớ đến tôi như một người đã đóng góp một phần nhỏ bé vào công cuộc dân chủ hóa đất nước. Vì ước mơ và hoài bão lớn lao đó tôi sẽ tiếp tục tranh đấu cho đến khi Việt Nam hoàn toàn có tự do và dân chủ.

Tôi cũng tin và mong rằng tất cả mọi người Việt Nam yêu nước và yêu tự do dân chủ vững tin vào tương lai, chúng ta hãy sống như một người tự do và tiếp tục nói lên tiếng nói của sự thật và lẽ phải với một tấm lòng trong sáng dành cho đồng bào và tổ quốc thân yêu của chúng ta.

Tôi luôn tin rằng :

*Trăm năm bia đá cũng mòn  
Ngàn năm bia miệng vẫn còn tro...*

**Việt Hoàng (Moskva)**

## 11. Có những vườn chim, sân chim, tràm chim

Lê Văn Hào



Sếu đầu đỏ (hồng hạc)

Đứng về mặt lịch sử, với một niềm tự hào chính đáng, chúng ta thường nói Việt Nam là một *miền địa linh nhân kiệt*. Còn về mặt sinh học, vạn vật học, nước ta đúng là một *miền đất lành chim đậu*.

Từ Nam ra Bắc, đây là quê hương của hơn bảy trăm loài chim, với nhiều loài quý hiếm như công, trĩ, sếu..., nhất là *sếu đầu đỏ* còn gọi là *hồng hạc*.

Rải rác khắp nơi chim làm tổ riêng, nhưng tại nhiều vùng chúng lại thích ở chung, tụ họp lại nhiều ngàn con; nơi đó người dân và nhà điêu học gọi là *nhiều vườn chim, sân chim, hay tràm chim*.

Nổi tiếng hơn cả là vườn chim Dầm Rơi và sân chim Ngọc Hiển (Cà Mau), sân chim Bạc Liêu, vườn cò Bằng Lăng (Cần Thơ), sân chim Vàm Hồ (Bến Tre), vườn cò Tháp Mười (Đồng Tháp), vườn cò Thủ Đức (Sài Gòn), tràm chim Tam Nông, v.v...

### Sân chim Ngọc Hiển và sân chim Bạc Liêu

Trước hết, mời các bạn tới thăm *Sân Chim Ngọc Hiển* nằm trong huyện cùng tên, ở cuối chót ranh giới tỉnh Cà Mau cũng là đất tận cùng nước Việt. Sân chim rộng 130 ha này là một trong những sân chim tự nhiên lớn, với thảm thực vật xanh tươi quanh năm, trong một môi trường trong lành, được chọn làm nơi trú ngụ của nhiều loại chim địa phương hay từ các nơi khác bay tới hàng năm vì khí hậu thích hợp với mục tiêu hành trình di thực của chúng.

Cà Mau có thêm *Sân Chim Dầm Rơi* thuộc



Vu điệu sếu đầu đỏ

huyện cùng tên, nơi sinh sống của một đàn cò đồng đúc nhiều ngàn con. Chúng làm tổ trên cây cao, buổi sáng bay đi tìm mồi, xế chiều về tổ; có khi dạn dĩ lại gần người cho khách du tha hồ xem ngắm, chụp ảnh, quay phim. Do đó Công ty Du lịch tỉnh Cà Mau đã tổ chức thường xuyên chương trình dạo thuyền quan sát chim suốt một ngày.

Rồi hai sân chim của Cà Mau, mời các bạn tới thăm *Sân Chim Bạc Liêu*. Phía Bắc giáp Sóc Trăng, Cần Thơ, phía Tây giáp Kiên Giang, Cà Mau, phía Đông giáp Biển Đông, Bạc Liêu là nơi có lợi thế được dòng hải lưu dồn phù sa lại tạo thành những giồng cát, nơi cây ăn trái mọc xum xuê; ở đây có những vườn nhãn dài hàng chục cây số, hương vị nhãn Bạc Liêu ít nơi nào sánh được.

Sân Chim Bạc Liêu là một trong những điểm du lịch sinh thái hấp dẫn. Với cảnh quan náo nhiệt của chim bay, chim đậu, chim hót vang lừng trên cây, còn trứng chim thì rải rác khắp nơi trên mặt đất như những hòn cuội trăng. Len lỏi trong sân chim, các bạn chợt thấy có những loài chim sải cánh tối hai thước, năng khoảng mười kí. Chúng tụ tập nhiều nhất từ đầu xuân rồi bay đi nơi khác để quay về vào giữa hè như những người du mục chung thủy với nơi đất lành.

### Vườn cò Thanh Trì, sân chim Vàm Hồ và tràm chim Tam Nông

Cách thành phố Sài Gòn 230 km là tỉnh Sóc Trăng của đồng bằng Cửu Long, giáp với Trà Vinh, Vĩnh Long, Cần Thơ, Bạc Liêu



Tiếng gọi trong mùa tình yêu

và Biển Đông. Với 72 km bờ biển, diện tích 3 200 cây số vuông và số dân hơn một triệu, Sóc Trăng chủ yếu phát triển nghề nông với lúa (94%), bắp, đậu nành, mít, dừa, hành tỏi, cộng với các vươn nhãnh, cam, quýt, sầu riêng, chôm chôm.

Tới Sóc Trăng, khách du lịch sẽ thích cù lao Mỹ Phước nằm giữa sông Hậu trong một không gian rộng mát, phong cảnh hữu tình. Trên đường vào thị xã Sóc Trăng có hai hồ nước ngọt rộng 4 ha với hàng dương liễu thơ mộng rủ xuống bên hồ. Viên ngọc quý của Sóc Trăng là Vườn Cò Thanh Trì, cách thị xã tỉnh lị 40 km. Từ lâu nơi đây đã hình thành một sân chim với hàng vạn con cò trắng sống chen chúc giữa ao đầm thiên nhiên.

Cần Thơ, cách Sóc Trăng 60 km, từ lâu được mệnh danh là Tây Đô của đồng bằng Cửu Long, ở giữa một mạng lưới sông ngòi chằng chịt, là một trung tâm giao thông thủy bộ và sản xuất lúa gạo quan trọng tầm vóc quốc gia. Nơi đây các nhà vạn vật học và diều học chú ý tới hai vườn chim thật đặc sắc.



**Chuẩn bị cất cánh trong ánh bình minh**

Vườn Cò Long Mỹ là nơi trú ngụ từ hơn hai mươi năm nay của hàng vạn con cò nhiều chủng loại, cộng trên ba mươi loài chim khác đặc trưng cho miền sông nước Việt Nam. Cách thị trấn Thốt Nốt 5 km, trên con đường nối liền Cần Thơ với Long Xuyên của tỉnh An Giang có Vườn Cò Bằng Lăng cũng là nơi cư trú của hàng vạn cò trắng, cò xám, cò đen và cồng cộc...

Bến Tre được hình thành bởi ba cù lao lớn, chia cắt do bốn con sông Tiền Giang, Ba Lai, Hàm Luông, Cổ Chiêng. Điểm du lịch sinh thái hấp dẫn là Sân Chim Vàm Hö, cách thị xã tỉnh lị 50 km, được chọn làm nơi trú ngụ của gần nửa triệu cò, vạc, nòng, le le, diệc xám, quắm trắng...

Trong những địa điểm chim hội tụ ở Việt Nam được các nhà diều học nước ngoài chú ý có tràm chim Tam Nông,



**Hạ cánh dưới ánh hoàng hôn**

thuộc tỉnh Đồng Tháp, rộng 7.700 ha, nằm trên phần đất của huyện Tam Nông.

Tràm chim có nghĩa là nơi chim cư trú trong rừng tràm. Ở đây thiên nhiên rất giàu có và phong phú với những thực vật : tràm, lau, sậy, năng, lác, sen, súng, lúa ma ; những động vật : trăn, rắn, rùa, các loại cá đồng ; nhiều loại chim nước : cò, diệc, vịt trời, cồng cộc, trích cổ, và đặc biệt là sếu cổ trụi đầu đỏ (*hồng hạc*).



**Đàn sếu cát cánh phiêu lưu**

Loại hồng hạc quý hiếm này đến tràm chim tạm trú hàng năm vào mùa khô. Đến thăm tràm chim vào lúc đó, khách du lịch sẽ chứng kiến một cảnh quan

hấp dẫn : từng đàn sếu đầu đỏ cao hơn 1,7 mét cùng nhiều loài chim khác về ăn củ nắng.

*Hồng hạc* được gọi tắt là chim hạc, đối với người Việt là biểu tượng cho sức mạnh, sự trường thọ và lòng chung thủy ; có lẽ vì thế mà trong các đình chùa, đèn đều có đôi chim hạc bằng đồng hay gỗ sơn, đội nến đứng chầu ở hai bên bàn thờ.



**Đàn sếu họp mặt điểm tâm**

# Tìm hiểu Đảng Cộng Sản Việt Nam

Nguyễn Văn Huy

Đảng Cộng Sản Việt Nam ngày nay không còn xa lạ gì đối với một ai, nhưng sự hiểu biết về đảng này còn rất thiếu sót. Tùy theo sự tiếp cận của mình mà mỗi người nhìn hay hiểu đảng cộng sản mỗi cách khác nhau.

Đối với những đảng viên cơ sở, tức những người ở cương vị thấp nhất, đảng cộng sản là chỗ dựa để tiến thân, do đó phải triệt để trung thành với các cấp trên. Đối với những đảng viên cấp cao, đảng cộng sản là trung tâm quyền lực ban phát quyền lợi, do đó phải bằng mọi cách giữ gìn vai trò lãnh đạo của đảng. Đối với quần chúng bình dân, đảng cộng sản là những người cai trị đất nước, do đó phải phục tùng hay tránh né để được yên thân. Đối với những người đổi lập, đảng cộng sản là guồng máy trấn áp những khát vọng dân chủ và tự do, do đó cần được thay thế để đất nước có một lối thoát khác.

Nói chung, mặc dù đã xuất hiện từ lâu đời tại Việt Nam và cầm quyền trong hơn 50 năm qua, sự hiểu biết về đảng cộng sản còn rất mù mờ, mỗi người chỉ thấy một phần của sự thật. Tìm hiểu Đảng Cộng Sản Việt Nam chính vì thế là điều rất cần thiết. Trong "một phần của sự thật" còn lại này, tất cả những gì mà mọi người đã biết sẽ không được nhắc lại, chẳng hạn như công và tội của đảng cộng sản. Nội dung bài viết này tập trung vào việc tìm hiểu tổ chức của đảng cộng sản, có hiểu được bí quyết gìn giữ quyền lực này người ta sẽ thấy rõ hơn hướng đi của đảng cộng sản và tương lai của đất nước.

## Chuyên chính vô sản

Theo điều 4 hiến pháp 1992 (đã sửa đổi), "Đảng Cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành quyền lợi của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, theo chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, là lực lượng lãnh đạo nhà nước và xã hội".

Định nghĩa này rất quan trọng, nó xác nhận vai trò độc tôn của Đảng Cộng Sản Việt Nam trong việc lãnh đạo đất nước : đây là lực lượng chính trị duy nhất được phép hoạt động công khai, tất cả những đảng phái hay tổ chức chính trị khác, không do đảng cộng sản thành lập hay đỡ đầu, đều bất hợp pháp. Cũng theo định nghĩa này, chỉ giai cấp công nhân mới có vai trò lãnh đạo đất nước, những thành phần dân tộc còn lại chỉ có thể hợp tác với đảng cộng sản để được ban phát quyền lợi. Thêm vào đó hệ tư tưởng chỉ đạo là chủ nghĩa Mác-Lênin, tức chủ nghĩa chuyên chính vô sản, chứ không phải chủ nghĩa công sản. Tư tưởng Hồ Chí Minh đã được thêm vào năm 1992 để làm vừa lòng các cấp lãnh đạo lão thành lúc đó đang còn giữ nhiều vai trò lãnh đạo quan trọng. Ngày nay (năm 2008), không còn ai nhắc đến tư tưởng Hồ Chí Minh nữa vì ông không phải là một nhà tư tưởng, ông chỉ là biểu tượng của một cuộc đấu tranh, một nhà hoạt động chính trị chuyên nghiệp.

Ngoài ra còn một yếu tố khác, rất quan trọng, đã đưa đảng cộng sản lên cầm quyền, đó là chuyên chính vô sản. Đây là

lý thuyết xây dựng xã hội do Marx nghĩ ra và được Lênin nâng lên thành lý thuyết tổ chức để chiếm chính quyền và duy trì quyền lãnh đạo độc tôn của đảng cộng sản trên toàn xã hội. Từ khi ra đời đến nay, chuyên chính đã là sợi dây xuyên suốt chỉ đạo mọi chủ trương, đường lối và chính sách của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Những hành động đàn áp, bắt bớ và đày dọa những người bất đồng chính kiến hay đổi lập với đảng cộng sản chỉ là hậu quả của lý thuyết này mà thôi. Phải hiểu rõ bản chất chuyên chính của chế độ để không ngạc nhiên khi bị trù dập.

Chuyên chính vô sản không chỉ áp dụng cho những kẻ thù bên ngoài, nó còn được áp dụng một cách triệt để đối với kẻ thù bên trong đảng cộng sản. Những vụ thanh trừng, chỉnh lý trong nội bộ đôi khi còn tàn bạo và dã man hơn đối với kẻ thù bên ngoài. Từ sau 1990 đến nay, nhiều tài liệu bí mật của Đảng Cộng Sản Liên Xô cho biết số đảng viên cộng sản bị chính đảng cộng sản sát hại nhiều gần bằng số người Nga đã chết trên các chiến trường trong Thế chiến II. Tại Việt Nam, nếu quan sát kỹ, số đảng viên cộng sản bị chính đảng cộng sản thanh trừng rất cao, bắt đầu từ những người đầu tiên thành lập đảng cộng sản.

Trong hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản Đông Dương (Đảng Cộng Sản Đảng, An Nam Cộng Sản Đảng và Đông Dương Cộng Sản Liên Đoàn), từ 3 đến 7-2-1930 tại Hongkong, những lãnh tụ Trịnh Đình Cửu và Nguyễn Đức Cảnh của Đông Dương Cộng Sản Đảng và Nguyễn Thiệu và Châu Văn Liêm của An Nam Cộng Sản Đảng không biết sống chết ra sao và không bao giờ được nghe nhắc tới. Chỉ Nguyễn Ái Quốc (Hồ Chí Minh) và Trần Phú thuộc Đông Dương Cộng Sản Liên Đoàn được nhắc tới với tất cả quí mến. Cũng nên biết, theo yêu cầu của Đệ Tam Quốc Tế do Stalin lãnh đạo, tháng 10-1930 Trần Phú được bầu làm bí thư đầu tiên tại Hongkong, không hiểu vì lý do nào lại bị bắt tại Sài Gòn tháng 4-1931 và chết trong nhà thương Chợ Quán tháng 9 cùng năm, tho 27 tuổi. Lê Hồng Phong (1902-1942) và Hà Huy Tập được bầu làm tổng bí thư đảng cộng sản trong thời gian từ 1935 đến 1940, ông Nguyễn Văn Cừ, quyền tổng bí thư từ 1938 đến 1940, tất cả không hề được nhắc đến. Điều này chứng tỏ tranh chấp địa vị chót bu trong nội bộ đảng cộng sản xảy ra thường xuyên và rất gay gắt, nhiều người đã chết âm thầm trong bóng tối. Hai ông Lê Hồng Phong và Hà Huy Tập chỉ chính thức được công nhận năm từ 2000, tức hơn 60 năm sau.

Cho đến nay chưa có một thống kê chính xác về số đảng viên cộng sản bị chính đảng cộng sản sát hại, con số này chắc chắn sẽ rất cao. Chỉ riêng trong chiến dịch cải cách ruộng đất tại miền Bắc năm 1956 thôi, số đảng viên cộng sản và gia đình họ bị giết oan đã trên 30.000 người (1/3 tổng số người bị giết), phần lớn là do trả thù báo oán giữa những người cùng quê với nhau. Những năm sau đó, số đảng viên có lý lịch không rõ ràng (tiểu tư sản, gia đình ngụy quyền) bị thanh trừng càng đông hơn nữa, vì trong chiến tranh chống Pháp (1945-1954)

bất cứ ai cũng có thể là đảng viên đảng cộng sản, nhưng khi xây dựng chính quyền chuyên chính vô sản chỉ những thành phần cơ bản (bần cống nông) mới được trọng dụng.

### Các tên gọi và sơ đồ tổ chức

Trong suốt giai đoạn thành lập từ 1930 đến 1945, tất cả các tên gọi của đảng cộng sản đều dựa theo cách đặt tên của người Trung Hoa : Đông Dương Cộng Sản Đảng, An Nam Cộng Sản Đảng, Đông Dương Cộng Sản Liên Đoàn, Đệ Tam Quốc Tế.

Lịch sử đảng cộng sản được tóm tắt như sau : ngày 3-2-1930 Đảng Cộng Sản Việt Nam được thành lập tại Hongkong. Tháng 10-1930, tên đảng được đổi lại thành Đảng Cộng Sản Đông Dương theo yêu cầu của Đệ Tam Quốc Tế do Stalin lãnh đạo. Ngày 11-11-1945, đảng cộng sản đổi tên thành Hội Nghiên Cứu Chủ Nghĩa Mác Ô Đông Dương để dễ vận động quần chúng, tất cả mọi hoạt động của đảng cộng sản chuyển qua Phong Trào Việt Minh. Năm 1951, đảng cộng sản tự đặt cho mình một tên mới : Đảng Lao Động Việt Nam. Năm 1976, ban lãnh đạo đảng cộng sản lấy lại tên cũ thành Đảng Cộng Sản Việt Nam, trụ sở đặt tại Ba Đình, Hà Nội.

Trước trào lưu tiến hóa của thế giới, đảng cộng sản đang có kế hoạch đổi tên một lần nữa để được dư luận quốc tế nhìn nhận một đảng độc tài bình thường. Thật ra vai trò lãnh đạo của đảng cộng sản đã được dư luận trong nước nhìn nhận từ lâu nhưng trong thụ động. Rất ít người phản ứng trước những cuộc đàn áp, bắt bớ người đối lập hay bất đồng chính kiến.

Là đảng cầm quyền, Đảng Cộng sản Việt Nam đã cải tổ đường lối theo kinh tế thị trường và tạo điều kiện cho khu vực kinh tế tư nhân phát triển mạnh. Ngoài ra đảng cộng sản còn trực tiếp lãnh đạo hai tổ chức thanh niên (Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh), để chuẩn bị sự thay thế trong tương lai. Nhiều kết hợp ngoại vi trực thuộc hai tổ chức này đã được thành hình, với những tên gọi khác nhau, và đang tích cực hoạt động.

Trái với suy tưởng của nhiều người, số người gia nhập Đảng Cộng Sản Việt Nam ngày càng đông. Hiện nay tổng số đảng viên cộng sản trong nước khoảng 9% dân số, trên 7,5 triệu người. Con số này sát với sự thật vì vào những dịp đại hội của đảng, số đảng viên đảng viên đảng cộng sản và đại biểu tham dự được chính thức công bố.

- Đại hội lần thứ nhất (từ 27 đến 31-3-1935), nhóm họp tại Macao, có 13 đại biểu và 600 đảng viên.

- Đại hội lần thứ hai (từ 11 đến 19-1951), tổ chức tại Tuyên Quang, số đảng viên tăng lên 766.349 người, hơn 1.300%, với 158 đại biểu chính thức và 53 dự khuyết.

- Đại hội lần thứ ba nhóm họp tại Hà Nội, từ 5 đến 12-9-1960, với 525 đại biểu ; số đảng viên giảm xuống còn 500.000 người.

- Đại hội lần thứ tư (từ 14 đến 20-12-1976), tổ chức tại Hà Nội, số đại biểu tăng lên gấp đôi với 1.008 người và 1.550.000 đảng viên.

- Đại hội lần thứ năm (từ 27 đến 31-3-1982), số đảng viên tăng lên 2.127.000 người với 1033 đại biểu.

- Đại hội lần thứ sáu (từ 15 đến 18-12-1986), số đảng viên tiếp tục tăng với 2.909.613 người và 1129 đại biểu.

- Đại hội lần thứ bảy (từ 24 đến 27-6-1991), số đảng viên tăng lên gấp đôi, với 4.155.022 đảng viên, và 1176 đại biểu.

Đại hội lần thứ tám (từ 28-6 đến 01-7-1996), tổng số đảng viên là 5.130.000 người với 1198 đại biểu.

- Đại hội lần thứ chín (từ 19 đến 22-4-2001) qui tụ 1.168 đại biểu, với 6.465.055 đảng viên.

- Đại hội lần thứ mười (từ 18 đến 25-4-2006) qui tụ 1176 đại biểu với 7.435.665 đảng viên.

### Các cơ quan lãnh đạo đảng cộng sản

Đảng Cộng Sản Việt Nam là một đảng chính trị được tổ chức rất chặt chẽ và tinh vi.

Về mặt tổ chức, cơ quan lãnh đạo cao nhất của đảng cộng sản là Bộ chính trị, đứng đầu là tổng bí thư. Kế đến là Ban chấp hành trung ương, do đại hội đảng bầu ra từng khóa, sẽ bầu ra Bộ chính trị và Ban bí thư. Bộ chính trị bầu ra tổng bí thư.

Về số ủy viên, năm 1976, số đại biểu trong Ban chấp hành Trung ương Đảng đã tăng từ 77 đến 133 ủy viên và Bộ chính trị tăng từ 11 đến 17 ủy viên, Ban bí thư tăng từ 7 đến 9 ủy viên.

#### 1. Bộ chính trị

Theo Điều lệ của đảng cộng sản, Bộ chính trị ban chấp hành Đảng Cộng Sản Việt Nam, gọi tắt là Bộ chính trị, là cơ quan lãnh đạo đảng cộng sản trong thời gian giữa hai hội nghị Ban chấp hành trung ương. Trong thực tế, đây chính là cơ quan lãnh đạo tối cao của đảng cộng sản, tất cả nhân sự lãnh đạo cấp cao đều xuất phát từ cơ quan quyền lực này. Thành viên trong Bộ chính trị do Ban chấp hành trung ương bầu ra. Bộ chính trị gồm các ủy viên chính thức và có thể có các ủy viên dự khuyết.

Bộ chính trị có nhiệm vụ lãnh đạo và kiểm tra việc thực hiện nghị quyết đại hội đại biểu toàn quốc, nghị quyết đại hội đại biểu toàn quốc, nghị quyết của ban chấp hành trung ương ; quyết định những vấn đề về chủ trương, chính sách, tổ chức, cán bộ ; quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các kỳ họp của ban chấp hành trung ương báo cáo công việc đã làm trước hội nghị ban chấp hành trung ương hoặc theo yêu cầu của ban chấp hành trung ương.

Trong Bộ chính trị, chức vị chủ tịch ban chấp hành trung ương và tổng bí thư do các ủy viên trong bộ bầu ra. Một ủy viên trong Bộ chính trị được đề cử làm Thường trực Ban bí thư. Theo cơ cấu của đảng, các ủy viên trong Bộ chính trị giữ tất cả những cương vị chủ chốt trong bộ máy chính quyền : chủ tịch nước, thủ tướng, chủ tịch quốc hội, phó thủ tướng thường trực, bộ trưởng bộ quốc phòng, bộ trưởng bộ công an. Từ khóa VII (1991-1996) trở đi, bí thư thành ủy Hà Nội và bí thư thành ủy Sài Gòn (thành phố Hồ Chí Minh), bộ trưởng bộ ngoại giao cũng thường có mặt trong Bộ chính trị. Tuy nhiên cũng có một vài ngoại lệ nhưng không phải là phổ biến như trường hợp các ông Hoàng Minh Giám, Ung Văn Khiêm, Xuân Thủy, Nguyễn Dỵ Niên... là những người có công lao và uy tín, đã đảm nhiệm nhiều chức vụ cao cấp nhất trong xã hội nhưng không có mặt trong Bộ chính trị.

Các ủy viên khác trong Bộ chính trị thường đảm nhiệm nhiều chức vụ then chốt trong guồng máy đảng : trưởng tan tổ chức trung ương đảng (đảm nhiệm công tác cán bộ), chủ nhiệm ủy ban kiểm tra trung ương đảng (kiểm tra tư cách đảng viên, chống tham nhũng). Tuy nhiên những người đứng đầu

cơ quan tư pháp (viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, chánh án tòa án nhân dân tối cao) không có mặt trong Bộ chính trị nhưng vẫn là những đảng viên cao cấp trong guồng máy đảng, ít nhất là trong Ban chấp hành trung ương đảng.

## 2. Ban thường vụ trung ương

Cơ cấu tổ chức Bộ chính trị xuất hiện từ Đại hội II của Đảng Cộng Sản Việt Nam (lúc đó là Đảng Lao Động Việt Nam) họp năm 1951. Tiền thân của nó là Ban thường vụ trung ương.

Ban thường vụ trung ương đầu tiên xuất hiện từ sau Hội nghị lần thứ 1 (tháng 10 năm 1930) gồm có các ông Trần Phú, Ngô Đức Trì, Nguyễn Trọng Nhã.

Ban thường vụ trung ương do Đại hội I (1935) bầu ra có 5 người.

Ban thường vụ trung ương được bầu ra tại Hội nghị Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ 8, khóa I (hợp từ ngày 10 đến ngày 19-5-1941), gồm các ông Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ và Hoàng Quốc Việt, đứng đầu là tổng bí thư Trường Chinh.

Sau Cách Mạng Tháng Tám 1945, Ban thường vụ trung ương gồm các ông Hồ Chí Minh, Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp, Lê Đức Thọ, Hoàng Quốc Việt, sau bổ sung thêm Nguyễn Lương Bằng.

## 3. Thường vụ bộ chính trị

Đại hội VIII của Đảng Cộng Sản Việt Nam, họp năm 1996, bỏ cơ cấu Ban bí thư và tạo ra cơ cấu thường vụ bộ chính trị. Mô hình tổ chức này chỉ tồn tại trong 5 năm, đến Đại hội IX (năm 2001) thì bị bãi bỏ, trở lại mô hình Ban bí thư.

Bộ chính trị bầu ra số thành viên thường trực tạo thành Ban thường vụ bộ chính trị, ban này thay mặt bộ chính trị lãnh đạo và kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết của đảng ; chuẩn bị các vấn đề trình Bộ chính trị xem xét, quyết định ; chỉ đạo thực hiện các chủ trương về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, công tác đảng, công tác cán bộ, công tác quần chúng ; giải quyết công việc hàng ngày của đảng.

Thường trực bộ chính trị (1 người) có vai trò tương tự thường trực ban bí thư ở các khóa khác, thay mặt tổng bí thư khi cần.

Ban thường vụ bộ chính trị được bầu ra trong Đại hội VIII gồm 5 người : Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt, Lê Khả Phiêu, Nguyễn Tấn Dũng. Thường trực bộ chính trị : Lê Khả Phiêu.

Hội nghị lần thứ 4 khóa VIII họp từ ngày 22 đến 29-12-1997 đã bầu ra Ban thường vụ bộ chính trị mới gồm : Lê Khả Phiêu, Trần Đức Lương, Phan Văn Khải, Nông Đức Mạnh, Phạm Thế Duyệt. Thường trực bộ chính trị : Phạm Thế Duyệt, Nguyễn Phú Trọng (từ tháng 8 năm 1999).

## 4. Danh sách ủy viên bộ chính trị các khóa

Danh sách ủy viên bộ chính trị thường không xếp theo vần chữ cái (thể hiện sự ngang vai) mà được xếp theo thứ bậc, bắt đầu từ chủ tịch Ban chấp hành trung ương và tổng bí thư trở xuống. Tuy nhiên thứ bậc này có thể thay đổi ngay trong một khóa.

- Khóa I (1941-1951) : Hội nghị Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng Sản Đông Dương lần thứ 8, khóa I (hợp từ ngày 10 đến ngày 19-5-1941) bầu ra Ban thường vụ trung ương

gồm có : Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ và Hoàng Quốc Việt, đứng đầu là tổng bí thư Trường Chinh. Sau Cách Mạng Tháng Tám 1945, Ban thường vụ trung ương gồm Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp, Lê Đức Thọ, Hoàng Quốc Việt, sau bổ sung thêm Nguyễn Lương Bằng.

- Khóa II (1951-1960) gồm có :

\* 7 ủy viên chính thức : Hồ Chí Minh (chủ tịch đảng), Trường Chinh (tổng bí thư đến năm 1956), Lê Duẩn, Hoàng Quốc Việt (đến năm 1956), Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng, Nguyễn Chí Thanh. Từ năm 1955 bổ sung thêm Lê Đức Thọ, từ 1956 thêm Phạm Hùng, Nguyễn Duy Trinh, Lê Thanh Nghị, Hoàng Văn Hoan.

\* 1 ủy viên dự khuyết : Lê Văn Lương (đến năm 1956)

- Khóa III (1960-1976) gồm :

\* 11 ủy viên chính thức : Hồ Chí Minh (chủ tịch đảng đến khi mất năm 1969), Lê Duẩn (bí thư thứ nhất), Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Phạm Hùng, Lê Đức Thọ, Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Chí Thanh (mất năm 1967), Nguyễn Duy Trinh, Lê Thanh Nghị, Hoàng Văn Hoan. Từ tháng 3-1972 bổ sung Văn Tiến Dũng, từ tháng 6-1972 thêm Trần Quốc Hoàn.

\* 2 ủy viên dự khuyết : Trần Quốc Hoàn (đến tháng 6-1972), Văn Tiến Dũng (đến tháng 3-1972).

- Khóa IV (1976-1982) gồm :

\* 14 ủy viên chính thức : Lê Duẩn (tổng bí thư), Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Phạm Hùng, Lê Đức Thọ, Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Duy Trinh, Lê Thanh Nghị, Trần Quốc Hoàn, Văn Tiến Dũng, Lê Văn Lương, Nguyễn Văn Linh, Võ Chí Công, Chu Huy Mân.

\* 3 ủy viên dự khuyết : Tố Hữu (từ 1980 là ủy viên chính thức), Võ Văn Kiệt, Đỗ Mười.

\* Thường trực ban bí thư : Lê Đức Thọ, Lê Thanh Nghị (1980-1982).

- Khóa V (1982-1986) gồm :

\* 13 ủy viên chính thức : Lê Duẩn (tổng Bí thư đến khi mất năm 1986), Trường Chinh (tổng bí thư sau khi Lê Duẩn mất), Phạm Văn Đồng, Phạm Hùng, Lê Đức Thọ, Văn Tiến Dũng, Võ Chí Công, Chu Huy Mân, Tố Hữu, Võ Văn Kiệt, Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Nguyễn Đức Tâm. Từ tháng 6 năm 1985 bổ sung Nguyễn Văn Linh.

\* 2 ủy viên dự khuyết : Nguyễn Cơ Thạch, Đồng Sĩ Nguyên.

\* Thường trực ban bí thư : Lê Đức Thọ (đến tháng 6-1986), Nguyễn Văn Linh (từ tháng 6-1986).

- Khóa VI (1986-1991) :

\* 13 ủy viên chính thức : Nguyễn Văn Linh (tổng bí thư), Phạm Hùng (mất năm 1988), Võ Chí Công, Đỗ Mười, Võ Văn Kiệt, Lê Đức Anh, Nguyễn Đức Tâm, Nguyễn Cơ Thạch, Đồng Sĩ Nguyên, Trần Xuân Bách (đến tháng 3-1990), Nguyễn Thanh Bình, Mai Chí Tho.

\* 1 ủy viên dự khuyết : Đào Duy Tùng (từ 1988 là ủy viên chính thức).

\* Thường trực ban bí thư : Đỗ Mười (đến 1988), Nguyễn Thanh Bình (từ 1988).

- Khóa VII (1991-1996) gồm :

\* 13 ủy viên chính thức : Đỗ Mười (tổng bí thư), Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt, Đào Duy Tùng, Đoàn Khuê, Vũ Oanh, Lê Phước Thọ, Phan Văn Khải, Bùi Thiện Ngô, Nông Đức Mạnh, Phạm Thế Duyệt, Nguyễn Đức Bình, Võ Trần Chí. Tại Hội nghị Trung ương lần thứ 6 từ tháng 11 đến tháng 12 năm 1993

bầu bổ sung 4 ủy viên chính thức : Lê Khả Phiêu, Nguyễn Mạnh Cầm, Nguyễn Hà Phan (đến năm 1996), Đỗ Quang Thắng.

\* Thường trực ban bí thư : Đào Duy Tùng

- Khóa VIII (1996-2001) gồm :

\* 19 ủy viên chính thức : Đỗ Mười (tổng bí thư đến tháng 12-1997), Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt, Nông Đức Mạnh, Lê Khả Phiêu (tổng bí thư từ tháng 12-1997), Đoàn Khuê, Phan Văn Khải, Nguyễn Mạnh Cầm, Nguyễn Đức Bình, Nguyễn Văn An, Phạm Văn Trà, Trần Đức Lương, Nguyễn Thị Xuân Mỹ (nữ), Trương Tấn Sang, Lê Xuân Tùng, Lê Minh Hương, Nguyễn Đình Tú, Phạm Thế Duyệt, Nguyễn Tấn Dũng.

\* 5 ủy viên thường vụ : Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt, Lê Khả Phiêu, Nguyễn Tấn Dũng.

\* Thường trực bộ chính trị : Lê Khả Phiêu. Tháng 12 năm 1997, Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt rút khỏi Bộ chính trị, làm cố vấn Ban chấp hành trung ương ; bầu bổ sung 4 ủy viên : Phạm Thanh Ngân, Nguyễn Minh Triết, Phan Diễn, Nguyễn Phú Trọng.

\* 5 ủy viên thường vụ mới : Lê Khả Phiêu, Trần Đức Lương, Phan Văn Khải, Nông Đức Mạnh, Phạm Thế Duyệt

\* Thường trực bộ chính trị : Phạm Thế Duyệt, Nguyễn Phú Trọng (từ tháng 8 năm 1999)

- Khóa IX (2001-2006) gồm :

\* 15 ủy viên chính thức : Nông Đức Mạnh (tổng bí thư), Trần Đức Lương, Phan Văn Khải, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn Tấn Dũng, Lê Minh Hương (mất năm 2004), Nguyễn Phú Trọng, Phan Diễn, Lê Hồng Anh, Trương Tấn Sang, Phạm Văn Trà, Nguyễn Văn An, Trương Quang Được, Trần Đình Hoan, Nguyễn Khoa Điềm.

\* Thường trực ban bí thư : Phan Diễn.

- Khóa X (2006-2011) gồm :

\* 14 ủy viên chính thức : Nông Đức Mạnh (tổng bí thư), Lê Hồng Anh, Nguyễn Tấn Dũng, Nguyễn Minh Triết, Trương Tấn Sang, Nguyễn Phú Trọng, Phạm Gia Khiêm, Phùng Quang Thanh, Trương Vĩnh Trọng, Lê Thanh Hải, Nguyễn Sinh Hùng, Nguyễn Văn Chi, Hồ Đức Việt, Phạm Quang Nghị.

\* Thường trực ban bí thư : Trương Tấn Sang

## 5. Ban bí thư trung ương

Đây là cơ quan do Ban chấp hành trung ương đảng cộng sản lập ra để lãnh đạo các công việc hàng ngày của đảng cộng sản.

Ban Bí thư bắt đầu được thành lập từ nhiệm kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II (năm 1951) của đảng cộng sản và duy trì trong các nhiệm kỳ tiếp theo. Riêng nhiệm kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII không thành lập Ban bí thư mà thành lập Thường vụ bộ chính trị. Nhiệm kỳ của Ban bí thư tương ứng với nhiệm kỳ của Ban chấp hành trung ương do các đại hội đại biểu toàn quốc bầu ra.

Ban bí thư là cơ quan lãnh đạo công việc hàng ngày của đảng cộng sản, thực hiện các nhiệm vụ sau :

- Chỉ đạo công tác xây dựng đảng và công tác quần chúng.

- Kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của đảng cộng sản về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

- Chỉ đạo sự phối hợp hoạt động của giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị.

- Quyết định một số vấn đề tổ chức, cán bộ và một số

vấn đề khác theo sự phân công của Ban chấp hành Trung ương.

- Chỉ đạo hoặc kiểm tra việc chuẩn bị các vấn đề đưa ra Bộ chính trị thảo luận và quyết định.

Về cơ cấu tổ chức, Ban bí thư gồm có : tổng bí thư, một số ủy viên bộ chính trị do Bộ chính trị phân công và một số ủy viên ban bí thư do Ban chấp hành trung ương bầu trong số các ủy viên ban chấp hành trung ương. Số lượng các ủy viên ban bí thư do Ban chấp hành trung ương quyết định. Một số nhiệm kỳ đại hội đại biểu toàn quốc gần đây, có một thành viên trong Ban bí thư được chỉ định để phụ trách và chủ trì những công việc hàng ngày và được gọi với chức danh thường trực ban bí thư.

## 6. Danh sách ủy viên Ban bí thư các nhiệm kỳ

- Ban bí thư khóa II (1951-1960) : Hồ Chí Minh (từ tháng 10-1956), Trường Chinh, Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng, Lê Văn Lương (đến 1956), Nguyễn Duy Trinh (bổ sung từ tháng 8 năm 1955), Võ Nguyên Giáp (bổ sung từ tháng 10-1956), Phạm Hùng (bổ sung từ tháng 11-1958), Tố Hữu (bổ sung từ tháng 11-1958), Hoàng Anh (bổ sung từ tháng 11-1958).

- Ban bí thư khóa III (1960-1976) : Lê Duẩn, Phạm Hùng, Lê Đức Thọ, Nguyễn Chí Thanh, Hoàng Anh, Tố Hữu, Lê Văn Lương, Nguyễn Văn Trân (bổ sung từ tháng 1 năm 1961), Xuân Thủy (bổ sung 1968).

- Ban bí thư khóa IV (1976-1982) : Lê Duẩn, Lê Đức Thọ, Nguyễn Duy Trinh, Nguyễn Văn Linh, Tố Hữu, Xuân Thủy, Nguyễn Lam, Song Hào, Lê Quang Đạo, Trần Quốc Hoàn (bổ sung từ năm 1980), Lê Thanh Nghị (bổ sung từ tháng 3-1980).

- Ban bí thư khóa V (1982-1986) : Lê Duẩn, Lê Đức Thọ, Võ Chí Công, Nguyễn Đức Tâm, Nguyễn Lam, Lê Quang Đạo, Hoàng Tùng, Nguyễn Thanh Bình, Trần Kiên, Trần Xuân Bách, Nguyễn Văn Linh (bổ sung từ tháng 6 năm 1986).

- Ban bí thư khóa VI (1986-1991) : Nguyễn Văn Linh, Nguyễn Đức Tâm, Trần Xuân Bách, Đào Duy Tùng, Trần Kiên, Lê Phước Tho, Nguyễn Quyết, Đàm Quang Trung, Vũ Oanh, Nguyễn Khánh, Trần Quyết, Trần Quốc Hương, Phạm Thế Duyệt, Nguyễn Thanh Bình (bổ sung từ tháng 10 năm 1988).

- Ban bí thư khóa VII (1991-1996) : Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Đào Duy Tùng, Lê Phước Tho, Nguyễn Hà Phan, Hồng Hà, Nguyễn Đình Tú, Trương Mỹ Hoa, Đỗ Quang Thắng, Lê Khả Phiêu (bổ sung từ tháng 12-1993).

- Thường vụ bộ chính trị khóa VIII (1996-2001) : Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt (đến 12-1997), Lê Khả Phiêu (Ủy viên thường trực bộ chính trị, từ tháng 12-1997 là tổng bí thư), Nguyễn Tấn Dũng (đến 12-1997), Trần Đức Lương (từ tháng 12 năm 1997), Phan Văn Khải (từ tháng 12-1997) Nông Đức Mạnh (từ tháng 12-1997), Phạm Thế Duyệt (từ tháng 12-1997).

- Ban bí thư khóa IX (2000-2006) : Nông Đức Mạnh, Phan Diễn (Ủy viên thường trực), Trần Đình Hoan, Nguyễn Khoa Điềm, Lê Văn Dũng, Tòng Thị Phóng, Trương Vĩnh Trọng, Vũ Khoan, Nguyễn Văn Chi (từ 1-2003).

- Ban bí thư khóa X (2006 đến nay) : Nông Đức Mạnh, Trương Tấn Sang (Ủy viên thường trực), Trương Vĩnh Trọng, Nguyễn Văn Chi, Hồ Đức Việt (từ tháng 8-2006 thay cho Phạm Quang Nghị), Lê Văn Dũng, Tòng Thị Phóng, Tô Huy Rứa.

## 7. Tổng bí thư

Tổng bí thư Đảng Cộng Sản Việt Nam, chức danh đầy đủ là tổng bí thư ban chấp hành trung ương đảng cộng sản Việt Nam, gọi tắt là tổng bí thư, là người lãnh đạo cao nhất của đảng cộng sản sau khi bỏ chức chủ tịch Ban chấp hành trung ương đảng cộng sản (chức vụ này duy nhất do Hồ Chí Minh nắm giữ từ năm 1951 đến khi qua đời năm 1969). Riêng thời kỳ 1960-1976 được gọi là «Bí thư thứ nhất ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam».

Theo thủ tục chính thức thì Đại hội đại biểu toàn quốc của đảng bầu ra Ban chấp hành trung ương, Ban chấp hành trung ương bầu ra Bộ chính trị, sau đó bầu ra tổng bí thư trong số ủy viên Bộ chính trị.

Danh sách các tổng bí thư qua ccthời kỳ :

- Trần Phú (10/1930-1931), tổng bí thư đầu tiên được bầu tại Hội nghị lần thứ nhất tháng 10 năm 1930.
- Lê Hồng Phong (3/1935-1936), chỉ được công nhận gần đây, từ năm 2000 trở lại đây.
- Hà Huy Tập (26/7/1936-3/1938), chỉ được công nhận gần đây, từ năm 2000 trở lại đây.
- Nguyễn Văn Cừ (3/1938-1/1940).
- Trường Chinh (5/1941-10/1956) và (10/1940-5/1941) : quyền tổng bí thư. Ông chỉ thôi giữ chức vụ bí thư sau Hội nghị trung ương về vấn đề sửa sai cải cách ruộng đất.
- Hồ Chí Minh (10/1956-1960), kiêm chủ tịch nước.
- Lê Duẩn (10/9/1960-10/7/1986) và (10/9/1960-12/1976) : bí thư thứ nhất, (12/1976-10/7/1986) : tổng bí thư (đến lúc mất).
- Trường Chinh (14/7/1986-18/12/1986) tổng bí thư (được bầu lần thứ 2).
- Nguyễn Văn Linh (18/12/1986-28/6/1991) tổng bí thư.
- Đỗ Mười (28/6/1991-12/1997) tổng bí thư.
- Lê Khả Phiêu (12/1997-22/4/2001) tổng bí thư.
- Nông Đức Mạnh (22/4/2001-hiện nay) tổng bí thư.

## 8. Ban chấp hành trung ương đảng cộng sản

Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam là cơ quan lãnh đạo cao nhất của đảng cộng sản Việt Nam giữa hai nhiệm kỳ đại hội đại biểu toàn quốc. Cơ quan lãnh đạo ở mỗi cấp giữa hai nhiệm kỳ đại hội là ban chấp hành đảng bộ, chi bộ (gọi tắt là cấp ủy).

Ủy viên ban chấp hành trung ương do đại hội đại biểu toàn quốc bầu và số lượng ủy viên do đại hội quyết định.

Khác với quốc hội bù nhìn của nhà nước cộng sản, Ban chấp hành trung ương đảng cộng sản là cơ quan thực sự có quyền hành và nhiệm vụ điều hành đảng :

- Tổ chức chỉ đạo thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ đảng, các nghị quyết của đại hội đại biểu toàn quốc ; quyết định những chủ trương, chính sách về đối nội, đối ngoại, công tác quần chúng và công tác xây dựng đảng ; chuẩn bị đại hội đại biểu toàn quốc nhiệm kỳ tiếp theo, đại hội đại biểu toàn quốc bất thường (nếu có).

- Bầu Bộ chính trị ; bầu tổng bí thư trong số ủy viên bộ chính trị ; bầu ủy ban kiểm tra trung ương ; bầu chủ nhiệm ủy ban kiểm tra trung ương trong số ủy viên ủy ban kiểm tra trung ương. Quyết định số lượng ủy viên bộ chính trị và ủy viên ủy ban kiểm tra trung ương.

- Triệu tập đại hội đại biểu toàn quốc thường lệ 5 năm

một lần ; có thể triệu tập sớm hoặc muộn hơn, nhưng không quá một năm. Khi Ban chấp hành trung ương xét thấy cần hoặc khi có hơn một nửa số cấp ủy trực thuộc yêu cầu thì Ban chấp hành trung ương triệu tập đại hội đại biểu toàn quốc bất thường.

## **Các ban trực thuộc đảng**

Hiện nay, đảng cộng sản là đảng cầm quyền duy nhất tại Việt Nam. Để duy trì vai trò độc tôn này, đảng cộng sản lập ra một số ban mà chức năng là tham mưu ban lãnh đạo đảng về chủ trương, đường lối, chính sách trên qui mô lớn. Nói chung đây là cơ quan quản lý tư tưởng của người dân. Quản lý các ban này là Ban chấp hành trung ương đảng.

Trên nguyên tắc tổng bí thư là người lãnh đạo đầy quyền lực nhất trong đảng cộng sản. Điều này đúng với những tổng bí thư trước đó, từ Hồ Chí Minh, Lê Duẩn, Trường Chinh. Từ thời Nguyễn Văn Linh, Đỗ Mười, Lê Khả Phiêu, chức vụ tổng bí thư đã giảm phần quan trọng. Bù lại, lãnh đạo các ban trung ương thuộc của bộ chính trị đã có ảnh hưởng rất lớn các quyết định của bộ chính trị hay tổng bí thư đảng cộng sản. Hiện nay, tuy ông Nông Đức Mạnh là tổng bí thư nhưng chức vị này không có thực quyền, quyền hành thực sự nằm trong tay lãnh đạo các ban trung ương này. Vì đều quan trọng như nhau và không ai hơn hẳn ai, tất cả chấp nhận giữ y nguyên trạng (in statu quo ante) và để ông Nông Đức Mạnh tiếp tục làm tổng bí thư cho đến khi có một nhân vật thực sự nổi bật để nắm quyền lãnh đạo đảng cộng sản. Từ đây đến đó, lãnh đạo những ban trung ương này tiếp tục lãnh đạo lãnh vực được ủy nhiệm.

Hiện nay có tất cả trên 10 ban, mỗi ban phụ trách một lãnh vực, nhưng nếu cần thu tóm lại thì chỉ gồm hai hoặc ba ban, vì tất cả đều thuộc lãnh vực tư tưởng, chính trị và kiểm soát quần chúng. Số lượng các ban nhiều hay ít tùy theo sự chia chác quyền lợi trong nội bộ đảng. Nếu có nhiều ban thì phải hiểu là sự phân phát quyền lực và quyền lợi giữa các phe phái trong đảng chưa ngã ngũ. Cũng nên biết, bất cứ người nào lọt vào vòng đai lãnh đạo tối cao này đều phải ở trong một phe nhóm nào đó, và có rất nhiều phe nhóm.

- Đầu tiên là Ban tổ chức trung ương, đây là cơ quan quan trọng nhất trong hệ thống quyền lực của đảng cộng sản. Ban này có chức năng tham mưu của Ban chấp hành trung ương đảng cộng sản, Bộ chính trị, Ban bí thư về chủ trương và các chính sách lớn thuộc lĩnh vực tổ chức cán bộ của hệ thống chính trị ; đồng thời là cơ quan chuyên môn nghiệp vụ về công tác tổ chức, cán bộ, đảng viên của trung ương. Ban này quan trọng nhất nên đúng đầu là một ủy viên Bộ chính trị.

- Ban đối ngoại trung ương là cơ quan tham mưu về chủ trương, chính sách lớn thuộc lĩnh vực đối ngoại, đồng thời cũng là cơ quan tổ chức thực hiện quan hệ đối ngoại của đảng cộng sản.

- Ban bảo vệ chính trị nội bộ là cơ quan tham mưu về lĩnh vực bảo vệ chính trị nội bộ, đồng thời là cơ quan nghiệp vụ về bảo vệ chính trị nội bộ.

- Ban tư tưởng-văn hóa trung ương là cơ quan tham mưu về chủ trương và các chính sách lớn thuộc lĩnh vực tư tưởng, văn hóa. Ban này hình thành trên cơ sở hợp nhất Ban tuyên huấn trung ương và Ban văn hóa văn nghệ trung ương tồn tại trước đó. Tuy nhiên hiện nay ở cấp thấp hơn (cấp tỉnh, thành

phố trực thuộc trung ương) thì lại có tên là Ban tuyên giáo.

- Ban nội chính trung ương là cơ quan tham mưu về chủ trương và các chính sách lớn thuộc lĩnh vực nội chính.

- Ban kinh tế trung ương là cơ quan tham mưu về chủ trương và các chính sách lớn thuộc lĩnh vực kinh tế-xã hội.

- Ban khoa giáo trung ương là cơ quan tham mưu về chủ trương và các chính sách lớn thuộc lĩnh vực khoa giáo (bao gồm khoa học, công nghệ, giáo dục, đào tạo, sức khoẻ, giới trí thức).

- Ban dân vận trung ương là cơ quan tham mưu về chủ trương, chính sách và giải pháp lớn về công tác dân vận.

- Ban tài chính quản trị trung ương là cơ quan quản lý tài chính của đảng cộng sản cũng các đơn vị kinh tế trực thuộc.

- Ban cán sự đảng ngoài nước phụ trách công tác đảng đối với các tổ chức đảng và đảng viên ở ngoài nước.

Từ tháng 4-2007, Bộ chính trị hợp nhất các ban của đảng như sau :

- Ban kinh tế trung ương kết hợp với các Ban nội chính trung ương, Ban tài chính quản trị trung ương và Văn phòng trung ương đảng thành Văn phòng trung ương đảng.

- Ban bảo vệ chính trị nội bộ trung ương kết hợp với Ban tổ chức trung ương đảng thành Ban tổ chức trung ương.

- Ban khoa giáo trung ương kết hợp với Ban tư tưởng văn hóa trung ương thành Ban tuyên giáo trung ương.

Người ta thường đồn các chức vụ trong Bộ chính trị phải chia đều cho miền, chẳng hạn như chủ tịch phải là người Bắc, thủ tướng phải là người miền Nam, tổng bí thư phải là người miền Trung, v.v. Tuy thế không hẳn vậy, những nhân vật đảm nhiệm các chức vụ trên chỉ là tình cờ chứ không phải là một bắt buộc. Bằng chứng là trong Bộ chính trị khóa X, các chức vụ lãnh đạo thuộc về miền Nam nhưng không phải vì thế mà phe miền Nam thắng thế. Quyền hành thực sự nằm trong ba ban cuối này, mỗi ban là kết hợp của một số nhân vật lãnh đạo trong bộ chính trị. Mỗi phe để cử người của mình vào một rằng ba chức vụ tối cao, số chức vụ còn lại chia đều cho nhau, kể cả trong quân đội và công an.

### Ủy ban kiểm tra trung ương và ở các cấp

Ủy ban kiểm tra trung ương có nhiệm vụ xem xét tư cách đạo đức các đảng viên là cán bộ cao cấp, các vụ việc tiêu cực liên quan đến các đảng viên cao cấp và có quyền yêu cầu tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên báo cáo, cung cấp tài liệu về những vấn đề liên quan đến nội dung kiểm tra.

Nhiệm vụ của ủy ban kiểm tra các cấp như sau :

1. Kiểm tra đảng viên, kể cả cấp ủy viên cùng cấp khi có dấu hiệu vi phạm tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên và trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên.

2. Kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm trong việc chấp hành cương lĩnh chính trị, Điều lệ đảng, nghị quyết, chỉ thị của đảng, các nguyên tắc tổ chức của đảng ; kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và thi hành kỷ luật trong đảng.

3. Xem xét, kết luận những trường hợp vi phạm kỷ luật, quyết định hoặc đề nghị cấp ủy thi hành kỷ luật.

4. Giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên ; giải quyết khiếu nại về kỷ luật đảng.

5. Kiểm tra tài chính của cấp ủy cấp dưới và của cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp.

### Cơ quan báo chí, xuất bản

Đảng Cộng Sản Việt Nam hiện có ba cơ quan báo chí, xuất bản. Về mặt tổ chức, các cơ quan này tương đương với các ban trực thuộc ban chấp hành trung ương đảng cộng sản :

- Báo Nhân Dân là cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức phát hành các loại ấn phẩm sau: Nhân dân hàng ngày, Nhân dân cuối tuần, Nhân dân hàng tháng, Nhân dân điện tử tiếng Việt và tiếng Anh.

- Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật là cơ quan xuất bản chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Ngoài nhiệm vụ xuất bản các ấn phẩm chính trị, cơ quan này còn tham gia nghiên cứu các vấn đề lý luận chính trị, khoa học xã hội.

- Tạp chí Cộng Sản là cơ quan lý luận và chính trị của trung ương đảng cộng sản Việt Nam, ấn phẩm là Tạp chí Cộng sản và trang Web Tạp chí Cộng sản điện tử.

### Kết luận

Đảng Cộng Sản Việt Nam là một tổ chức được thành lập từ lâu đời, có kinh nghiệm chiến đấu và cầm quyền. Vì là một tổ chức được chính trị hóa cao, mọi chủ trương và đường lối của đảng đều được quyết định bởi tập thể. Yếu tố này rất quan trọng vì trong sinh hoạt của đảng cộng sản, những hành động đơn phương hay ý kiến cá nhân không có chỗ đứng. Một đảng viên cộng sản bình thường có thể rất dễ thương và đầy nhân tính khi sống với gia đình và hàng xóm, nhưng khi kết hợp với nhau để đối phó với một đe dọa nào đó với đảng, họ có thể trở thành hung dữ và vô nhân tính. Do đó mọi khuyến khích, hay cổ vũ những hành động đơn phương của những người còn đang ở trong guồng máy đảng cộng sản để làm những cải tổ thuận lợi cho dân chủ không thể diễn ra. Những hành động bị coi là phản bội đảng bị trừng trị nặng hơn đối với người ngoài đảng. Tất cả những sáng kiến cá nhân của những đảng viên cộng sản, nếu có, chỉ xuất hiện vào lúc cuối đời, khi về hưu. Đó là trường hợp của các ông Trần Độ, Mai Chí Tho, Võ Văn Kiệt.

Trong quân đội, tất cả những sĩ quan đều là đảng viên đảng cộng sản. Vì được chính trị hóa cao, những sáng kiến hay hành động đơn phương lại càng không thể có. Chính vì thế trong suốt hai cuộc chiến Đông Dương, không hề có một anh hùng cá nhân nào xuất hiện mặc dù rất nhiều người đã chiến đấu rất dũng cảm và lập nhiều chiến công. Trường hợp ông Võ Nguyên Giáp là một thí dụ, ông được dư luận thế giới coi như là anh hùng đánh thắng Pháp và Mỹ, nhưng trong nội bộ đảng cộng sản ông chỉ là một cấp tướng bình thường như bao cấp tướng khác. Trong thời gian bị thất sủng (1983), ông bị hạ nhục bằng cách giao cho giữ chức vụ chủ tịch Ủy ban sinh đẻ có kế hoạch, công lao cuộc tiến chiếm miền Nam năm 1975 được dành cho Văn Tiến Dũng, nhưng ông này sau đó cũng chìm vào quên lãng vì để lộ ước muốn được nổi tiếng một mình.

Với một tổ chức công kinh như thế, yếu tố chuyên chính bao trùm, ban lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam khó lấy được một quyết định nhanh chóng để thay đổi đất nước. Thay thế một lực lượng cầm quyền gần 8 triệu người đòi nhiều sáng kiến, và nhất là phải có một tổ chức đối lập mạnh.

Nguyễn Văn Huy

# Hoa Kỳ : Mc Cain thắng, Hillary chưa thua

Thượng nghị sĩ Mc Cain đã đạt đủ số đại diện cần thiết sau các cuộc bầu cử sơ bộ và trở thành ứng cử viên chính thức của đảng Cộng Hòa trước cuộc bầu cử tổng thống Mỹ vào tháng 11 năm nay.

Về phía đảng Dân Chủ, bà Hillary Clinton tưởng như đã bỏ cuộc sau một chuỗi thất bại đã hồi sinh nhờ... ông chồng. Cựu tổng thống Bill Clinton đã tham gia trực tiếp và tích cực trong ba cuộc bầu cử sơ bộ gần đây nhất tại Rhodes Island, Ohio và Texas, và đã chứng tỏ ông vẫn còn rất được ưa chuộng, nhất là với các phụ nữ. Kết quả là bà Hillary Clinton đã thắng tại ba cuộc bầu cử này và gần bắt kịp số đại biểu của thượng nghị sĩ Obama. Càng về sau cuộc tranh cử sơ bộ giữa Hillary Clinton và Barack Obama càng trở nên gay gắt. Bà Clinton trong thế tuyệt vọng đã tấn công dữ dội Obama, coi ông này là người thiếu kinh nghiệm và tài năng, chỉ biết nói chứ không biết làm. Bà nói : «Chọn lựa của các bạn là chọn lựa giữa những giải pháp đúng và những lời nói sai». Obama lập tức phản công, coi bà Clinton là ăn nói tùy tiện. Dù Clinton hay Obama, đảng Dân Chủ cũng sẽ khó hàn gắn sau cuộc bầu cử sơ bộ này.

Tình trạng này chỉ có thể có lợi cho Mc Cain. Ngay sau khi được chỉ định làm ứng cử viên đảng Cộng Hòa, ông đã lên đường công du nước ngoài, như để nhắc nhở rằng ông là người có khả năng giải quyết những vấn đề quốc tế đặt ra cho Hoa Kỳ.

Trong những điều kiện bình thường, vị tổng thống sắp tới của Hoa Kỳ sẽ là một người thuộc đảng Dân Chủ. Người Mỹ ít khi bầu liên tục cho hai tổng thống thuộc cùng một đảng. Hơn nữa Mc Cain lại gặp nhiều trắc trở đặc biệt khác : tổng thống Bush quá thất nhân tâm sau những vụn vỡ trên mặt ngoại giao và nhất là vì cuộc chiến Iraq, sự suy thoái kinh tế đang diễn ra cũng làm cử tri Mỹ mất cảm tình với đảng Cộng Hòa, hơn nữa Mc Cain cũng đã già (71 tuổi). Tuy vậy, rất may cho Mc Cain là đảng Dân Chủ đã không có đồng thuận trên một ứng cử viên sáng giá. Hillary Clinton chưa chứng tỏ một khả năng đặc biệt nào ngoài kinh nghiệm làm vợ một tổng thống. Một yếu tố tâm lý rất có thể sẽ có ảnh hưởng lên cử tri Mỹ vào những ngày chót trước khi đi bỏ phiếu : chồng bà đã phản bội bà và làm chuyện dâm ô ngay ở chính văn phòng bầu dục, nơi mà bà sẽ lấy những quyết định lớn nếu đắc cử tổng thống. Bà sẽ có tâm sự nào ? Quá khứ nặng nề này có ám ảnh bà và ảnh hưởng lên sự sáng suốt của bà không ? Nhiều người cũng không còn muốn cựu tổng thống Bill Clinton ra vào tòa Nhà Trắng sau những việc bê bối mà ông đã làm.

Còn Obama ? Ông tỏ ra là người thông minh, hoạt bát và có sức thu hút, nhưng ông hoàn toàn không có một kinh nghiệm nào về các vấn đề thế giới. Trong suốt cuộc tranh cãi, Obama cũng không hề chứng tỏ một sự hiểu biết vững vàng nào về thế giới khả dĩ có thể đánh tan sự lo ngại của nhiều người, trong khi bà Clinton lại không ngừng tố giác

sự yếu kém về kinh nghiệm, nhất là kinh nghiệm về các vấn đề thế giới của ông.

Cả Obama lẫn Clinton đều có chung một đặc điểm. Họ là những người may mắn và thành công nhưng chưa từng hy sinh cho nước Mỹ, chưa từng được thử lửa. Sau hai vị tổng thống liên tiếp, Bill Clinton và George W. Bush, thuộc mẫu người này, lòng yêu nước cũng như sự kính trọng đối với chức vụ tổng thống của người Mỹ đã có phần sút giảm. Không ít người Mỹ cho rằng đã đến lúc phải phục hồi lại những tình cảm này. Một suy nghĩ như vậy chỉ có thể có lợi cho Mc Cain, một anh hùng của nước Mỹ.

Một yếu tố khác cũng sẽ có ảnh hưởng lớn lên chọn lựa của cử tri Mỹ. Người Mỹ càng ngày càng ý thức rằng những khó khăn lớn nhất của họ, dù là tại châu Á, Trung Đông hay Iraq, đến từ sự thiếu hiểu biết về thế giới. Ý thức này cũng sẽ có lợi cho Mc Cain hơn là cho Clinton hay Obama.

Nguyễn Sơn Bá

## Pháp : ghét tổng thống nhưng vẫn còn thương thủ tướng

Cánh tả Pháp, chủ yếu là đảng Xã Hội, đã thắng cuộc bầu cử các hội đồng thành phố (conseils municipaux) và hội đồng tỉnh (conseils généraux) nhưng không hài lòng.

Đảng cầm quyền UMP (Union pour un Mouvement Populaire-Liên Hiệp vì một Phong trào Quốc chúng) thua đậm, nhưng thở phào nhẹ nhõm.

Cuộc bầu cử địa phương tại Pháp ngày 9-3-2008 vừa qua có thể tóm tắt như thế.

Đảng Xã Hội Pháp đã được hơn 47%, trong khi đảng UMP được hơn 44%. Tỷ lệ tuy không khác nhau bao nhiêu nhưng sai biệt về số nghị viên hội đồng thành phố có thể rất lớn và nhiều thành phố chuyển từ cánh hữu qua cánh tả. Sự thay đổi càng lớn vì trước đây, năm 2001, cánh hữu đã thắng lớn trong cuộc bầu cử này và nắm chính quyền tại rất nhiều thành phố.

Sở dĩ cánh hữu thua đậm mà thấy nhẹ nhõm và cánh tả thắng mà không hài lòng là vì thất bại của đảng cầm quyền UMP đã không đến nỗi bi đát như dự đoán. Đảng cầm quyền tưởng rằng sẽ thua rất đau đớn sau khi uy tín của tổng thống Sarkozy tụt dốc một cách nhanh chóng, chủ yếu do cử tri Pháp không hài lòng với phong cách của ông.

Ông Sarkozy đắc cử tổng thống tháng 5-2007 với một đa số thoái mái, hơn 53%. Trong những tháng đầu ông đã tỏ ra đặc biệt năng động, can thiệp và giải quyết nhanh chóng mọi vấn đề. Ông cũng khẳng định quyết tâm đưa nước Pháp đi lên mạnh mẽ và cũng tỏ ra rất có bản lĩnh. Chỉ sáu tháng sau dân chúng Pháp nhận ra là những hành động của ông tuy rất ngoạn mục nhưng không mấy hiệu lực. Ông là người giỏi gây ấn tượng hơn là đạt kết quả.

Thế rồi chính những ấn tượng về ông cũng xấu đi một cách nhanh chóng. Ông ly dị vợ, sau một cuộc sống gia đình không mẫu mực chút nào : lấy một người mẫu và dắt vợ đi chơi một cách thỏa mãn, ông cũng ứng xử thiếu trang

nhã trong những tiếp xúc với quần chúng, kể cả chửi một người dân đã nói một cách xúc phạm với ông. Những cung cách này chắc chắn là không phù hợp với xã hội Pháp, một xã hội có truyền thống văn hóa lâu đời. Nhiều người không ngần ngại phê phán ông là thiếu classe. Người Pháp rất coi trọng *classe* (có thể dịch là phong cách, phong nhã hay trình độ).

Thêm vào đó, một yếu tố mà Sarkozy không chịu trách nhiệm : các khủng hoảng tín dụng xuất phát từ Hoa Kỳ đã làm kinh tế Pháp lâm vào khó khăn, lạm phát vượt quá 3% trong khi tỷ lệ tăng trưởng dự trù 2,3% bị ước tính lại là 1,8%.

Các cuộc thăm dò dư luận cho thấy uy tín của ông xuống dốc thê thảm, tụt từ 60% xuống còn 39% trong vòng ba tháng. Sarkozy đã là vị tổng thống Pháp vừa mới được bầu đã mất uy tín nhanh nhất. Uy tín ông xuống đến mức mà nhiều ứng cử viên thuộc đảng của ông trong các thành phố lớn như Marseille và Toulouse yêu cầu ông hủy bỏ những chuyến viếng thăm để hỗ trợ họ. Dư luận cho rằng cuộc bầu cử địa phương này sẽ là dịp để cử tri Pháp bày tỏ sự dị ứng với tổng thống Sarkozy.

Nhưng như thế là quên rằng thủ tướng Francois Fillon là người rất được lòng dân chúng. Trái ngược hẳn với Sarkozy, Fillon là một người bằng cấp cao, điềm đạm, trang nhã và kín đáo. Cử tri Pháp đã không trừng phạt nặng nề đảng cầm quyền nhờ Fillon. Các thăm dò dư luận cho thấy ông được 53% dân Pháp ưa chuộng.

Cách bầu cử các hội đồng thành phố của Pháp khá phức tạp. Ngày 9-3-2008 mới chỉ là vòng đầu. Các ứng cử viên ứng cử theo danh sách của từng đảng. Danh sách nào được trên 50% được hưởng trước một nửa số nghị viên hội đồng thành phố như là phần thưởng cho kẻ thắng, số nghị viên còn lại được chia đồng đều theo tỷ lệ. Tại những nơi không có danh sách nào được quá 50% sẽ phải bầu lại vòng hai, trong đó chỉ những danh sách nào được trên 10% mới được tham dự. Trong vòng hai này, các chính đảng có thể đổi thành phần trong danh sách, thí dụ như đưa vào danh sách của mình những ứng cử viên của một danh sách không được dự vòng hai để tranh thủ cử tri của danh sách này. Lối bầu cử này mở cửa cho nhiều măc cả tại vòng hai. Tuy nhiên lần này các cuộc măc cả sẽ không thay đổi các dự đoán vì các đảng nhỏ chỉ có những số phiếu rất nhỏ và hơn thế nữa, hầu như tất cả đều thuộc cánh tả, trừ Phong Trào Dân Chủ (Mouvement des Démocrates, hay MoDem), nhưng đảng này cũng chỉ có khoảng 6% cử tri.

Nguyễn Văn Huy

## Nguyễn Tân Dũng thăm châu Âu

Thủ tướng Nguyễn Tân Dũng đã thăm viếng ba nước châu Âu Anh, Đức và Ireland, từ ngày 3 đến 11-3-2008. Mục đích của chuyến đi này là để phát triển quan hệ kinh tế, cùng đi với ông Dũng có phó thủ tướng kiêm bộ trưởng ngoại giao Phạm Gia Khiêm, chủ nhiệm văn phòng chính phủ Nguyễn Xuân Phúc, bộ trưởng kế toán và đầu tư Võ

Hồng Phúc, bộ trưởng công thương Vũ Huy Bằng...

Tại Anh, nhân chuyến viếng thăm này, nhiều thỏa thuận thương mại đã được ký kết với trị giá gần 4 tỷ USD. Tại Đức, tổng số các thỏa thuận được ký kết lên đến 2,4 tỷ USD.

Ông Dũng tỏ ra khá thông thạo về nghệ thuật lưỡi gõ. Trong cuộc phỏng vấn dành cho báo Financial Times (Anh), ông đã đưa ra những xác quyết lạc quan mà không hề chứng minh. Trong lúc khoe khoang những thành tựu kinh tế của Việt Nam, ông cũng để lộ những yếu kém nghiêm trọng. Thí dụ khi nhấn mạnh về sự gia tăng ngoại thương của Việt Nam, ông đã nói Việt Nam xuất khẩu hơn 50 tỷ USD, tức trên 60% GDP, và tổng số ngoại thương là 160% GDP., vô tình thú nhận Việt Nam đã nhập khẩu một số lượng tương đương với 100% GDP và thâm thuỷ ngoại thương 40% GDP, tức thâm thuỷ hơn 32 tỷ USD, một con số mà chính quyền Việt Nam vẫn không công bố. Các viên chức Việt Nam thường chỉ ước lượng thâm thuỷ mậu dịch của Việt Nam ở vào mức từ 10 đến 12 tỷ USD.

Ông Dũng nhắc lại con số lạm phát 12%, một con số mà ngay cả các viên chức nhà nước cũng nhìn nhận là rất dưới sự thật. Ông nói tôi cố gắng ngăn chặn lạm phát, nhưng không đưa ra biện pháp cụ thể nào, ngoài những biện pháp tiền tệ đã chứng tỏ không có hiệu lực.

Được hỏi về những cải tổ chính trị, ông Dũng không hề đưa ra ý kiến nào chỉ dùng lưỡi gõ để khẳng định 87 triệu người Việt Nam đồng lòng với sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Ông cũng cho biết là ông gia nhập quân đội năm 1961 (lúc đó mới 12 tuổi), bị thương bốn lần và mất 60% khả năng làm việc. Hướng về tương lai, ông đưa ra năm «nhiệm vụ» cho chính quyền của mình : tăng trưởng kinh tế ở mức từ 8 tới 9%, giảm tỷ lệ người nghèo xuống còn 10%, chống tham nhũng, giữ ổn định chính trị và hội nhập hơn nữa với thế giới.

Nhắc lại : ông Nguyễn Tân Dũng sinh năm 1944 tại Cà Mau, con của tướng Nguyễn Tấn Minh, cha mất sớm ông được ông Lê Đức Anh nhận làm nghĩa tử và đỡ đầu. Tiểu sử ông không nói ngày 30-4-1975 ông đang giữ chức vụ gì, có nhiều nguồn tin nói rằng lúc đó ông mới chỉ là một hạ sĩ quan và làm y tá. Từ khi ông Lê Đức Anh được ông Lê Đức Thọ chọn làm truyền nhân và thăng chức nhanh chóng (trong vòng bốn năm từ đại tá lên đại tướng) rồi rờ thành cth nước và nắm gần hết mọi quyền hành thì ông Nguyễn Tân Dũng cũng lên chức nhanh chóng. Năm 1986, từ chức vụ trưởng công an huyện Hà Tiên, ông được vào Ban Chấp Hành Trung Ương, rồi lên chức trung tướng thứ trưởng thứ nhất bộ công an. Tiếp theo là một loạt không rõ ngại : thống đốc ngân hàng nhà nước, phó thủ tướng trực, rồi thủ tướng. Ông Nguyễn Tân Dũng hiện nay là nhân vật quyền lực nhất trong đảng cộng sản do được hai ông Lê Đức Anh và Đỗ Mười nhiệt tình ủng hộ. Một dấu hỏi lớn là khi hai ông Anh và Mười không còn nữa, một điều có thể xảy ra rất sớm vì cả hai ông này đã xấp xỉ 90 tuổi, tương lai của ông Dũng sẽ ra sao, nhất là dù biện luận thế nào đi nữa ông cũng vẫn là người có trách nhiệm chính trong cuộc

khủng hoảng kinh tế hiện nay đang làm đại đa số dân chúng điêu đứng và bất mãn vì vật giá gia tăng

Nguyễn Văn Huy

## Thị trường chứng khoán Việt Nam khủng hoảng nặng

Trong khoảng thời gian bốn tháng, từ tháng 11-2007 đến đầu tháng 3-2008, thị trường chứng khoán Việt Nam (chỉ số VN-Index) đã giảm gần 50% (con số chính xác là 45,6%). Chỉ riêng trong hai tháng đầu năm, chỉ số VN-Index đã giảm gần 30%. Chỉ số chứng khoán giảm có nghĩa là trị giá các cổ phần nói chung giảm. Chiều hướng sút giảm không có vẻ khựng lại mặc dầu nhà nước đã cố cứu thị trường chứng khoán bằng cách bỏ tiền ra mua cổ phần. Theo tiêu chuẩn quốc tế, đây là một cuộc khủng hoảng nặng.

Người Việt Nam bắt đầu khám phá rằng rằng yếu tố quan trọng nhất khiến trị giá các cổ phần lên hay xuống là tâm lý và các biện pháp tiền tệ nhằm giải quyết một vấn đề có thể làm phát sinh một vấn đề khác. giá cả gia tăng đã buộc các ngân hàng tăng lãi suất. Lãi suất liên ngân hàng (nghĩa là lãi suất các khoản tiền các ngân hàng cho vay lẫn nhau trong thời gian ngắn, vài ngày hay vài tuần) trong tháng 2-2008 có lúc lên tới trên 40%/năm. Một số người thấy lãi suất ngân hàng tăng nhanh trong khi thị trường chứng khoán không tăng bèn bán cổ phần để gửi ngân hàng làm giá các thị trường giảm, và người ta ô ạt bán cổ phần để cắt lỗ, nghĩa là chấm dứt sự lỗ lã, khiến các giá các cổ phần tụt dốc.

Tình trạng này càng nghiêm trọng vì phần đông giới đầu cơ chứng khoán (mà ngôn ngữ thị trường chứng khoán gọi là «nhà đầu tư») vay tiền ngắn hạn ở các ngân hàng, hoặc người quen với lãi suất rất cao, có thể 10% mỗi tháng, để chơi chứng khoán. Những người mua cổ phần tháng 11-2007 và còn giữ tới nay đã mất gần một nửa vốn đầu tư, nghĩa là mất hết. Trong tình trạng đó người ta bán vội để cắt lỗ.

Thị trường chứng khoán là dụng cụ để huy động vốn của các công ty. Nếu thị trường chứng khoán sụp đổ, các công ty sẽ rất khổn đốn. Tuy vậy hậu quả có lẽ sẽ không trầm trọng như tại các nước phát triển bởi vì các công ty Việt Nam chủ yếu huy động vốn bằng cách đi vay ngân hàng chứ không qua thị trường chứng khoán. Đối với Việt Nam cũng như người Trung Hoa, thị trường chứng khoán gần như một sòng bài và do đó ít ảnh hưởng đến các hoạt động của các công ty. Cũng may !

Nguyễn Sơn Bá

## Vụ tòa khâm sứ : giằng co và tranh cãi thiếu thành thực

Vụ tòa khâm sứ Công giáo Hà Nội tưởng đâu đã được

giải quyết có thể sẽ kéo dài trong bối cảnh. Sau hơn một tháng rưỡi đấu tranh bất bạo động bằng lời cầu nguyện trong tháng 1 và 2-2008, giáo dân Công giáo Hà Nội đã đạt được thắng lợi : nhà cầm quyền cộng sản thỏa thuận trả lại tòa khâm sứ cho Giáo Hội Công Giáo Việt Nam. Vấn đề đã trở thành phức tạp sau đó.

Hòa thượng Thích Trung Hậu, thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam, đã lên tiếng đòi cho «Phật giáo» được có ý kiến trong vụ này. Lý do của ông Thích Trung Hậu : khu đất tòa khâm sứ trước đó thuộc về Phật giáo, trên đó đã có tháp Báo Thiên và chùa Báo Thiên, chỉ sau khi người Pháp đã áp đặt chế độ bảo hộ, khu đất này mới được trao cho Công giáo để xây dựng tòa khâm sứ năm 1883. Lập luận của ông Thích Trung Hậu bị chính nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam bác bỏ như là xuất phát từ sự thiếu hiểu biết.

Không nên lầm lẫn : Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam là một tổ chức do chính quyền cộng sản lập ra trong chính sách kiểm soát các tôn giáo, cũng như họ đã lập ra các tổ chức mang danh nghĩa tôn giáo khác dưới quyền kiểm soát của họ. Tổ chức này thường được gọi một cách lạnh nhạt là «Giáo Hội Phật Giáo Nhà Nước», hay mỉa mai : «Giáo Hội Phật Giáo Quốc Doanh». Tổ chức Phật giáo có uy tín nhất Việt Nam là Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất với hai vị lãnh đạo là hòa thượng Thích Huyền Quang và hòa thượng Thích Quảng Độ, vì không chịu sáp nhập vào Giáo Hội Phật Giáo Nhà Nước đã liên tục bị chèn ép và đánh phá bằng mọi thủ đoạn. Điều đáng chú ý là Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất đã lên tiếng ủng hộ Giáo Hội Công Giáo Việt Nam trong vụ tòa khâm sứ.

Một rắc rối khác là nhóm Công giáo quốc doanh, Công Giáo và Dân Tộc, cũng lên tiếng chống lại việc trả lại tòa khâm sứ cho Giáo Hội Công Giáo.

Người ta có thể thắc mắc : tại sao hai «tổ chức tôn giáo» từ trước vẫn rất ngoan ngoãn tuân hành mọi chỉ thị của nhà nước cộng sản bỗng dưng lên tiếng phản đối chính quyền trong một quyết định có thể được coi là nhân nhượng nhất đối với các tôn giáo từ xưa đến nay ? Đó là vì chính quyền địa phương Hà Nội không muốn trả lại khu đất có trị giá rất lớn này hiện nay nằm trong tay họ, mặc dù chính quyền trung ương muốn trả lại để tránh căng thẳng.

Vụ việc rắc rối thêm khi nhiều người khác cũng lên tiếng để bênh vực hoặc chống lại việc trả tòa khâm sứ cho Giáo Hội Công Giáo. Nói chung cả hai bên đều chỉ đưa ra những sự kiện không chính xác vì không đầy đủ để bênh vực lập trường của mình. Cả hai bên đều tranh cãi thiếu thành thực.

Bên bênh Công giáo, có người tuyên bố sẵn sàng tử đạo để đòi lại tòa khâm sứ, thì lý luận rằng không hề có việc phá chùa để xây tòa khâm sứ, điều này không đúng.

Bên chống Công giáo thì lý luận rằng tòa khâm sứ đã được xây lại sau khi chính quyền bảo hộ Pháp đã làm áp lực để phá tháp Báo Thiên và chùa Báo Thiên, những công trình lịch sử từ thế kỷ thứ 10. Điều này cũng không đúng.

Sự thật là tên khu đất đó vào thế kỷ thứ 10, nhà Lý đã xây tháp Báo Thiên và ít lâu sau chùa Sùng Khánh. Sau

nà Lý, tháp Báo Thiên bị xét đánh nhiều lần và không được trùng tu nên hoang phế, đến thế kỷ 15 nó bị san phẳng và nền tháp trở thành nơi họp chợ, sau đó trở thành pháp trường để xử tử các tội phạm. Chùa Sùng Khánh cũng không được trùng tu và bị đám kiêu binh Tam Phủ đốt phá hoàn toàn năm 1784. Trong suốt thời gian dưới triều Tây Sơn (cai trị Hà Nội từ 1789 đến 1802) không thể có ngôi chùa nào trên khu đất này cả vì nhà Tây Sơn cấm xây chùa. Tuy nhiên không biết vào lúc nào, theo tài liệu của các tu sĩ Công giáo, có một ngôi chùa đã được dựng lên trên khu đất này. Không ai biết chùa này có kiến trúc như thế nào, to hay nhỏ, do ai xây ra vì không có tài liệu nào nói tới ngôi chùa này ngoại trừ tài liệu của các giáo sĩ Công giáo, nhưng họ cũng chỉ nói là có chùa Báo Thiên mà không đưa ra một chi tiết nào cả. Có thể đây chỉ là một cái am để cung vong hồn những phạm nhân bị chém đầu.

Năm 1833, tổng đốc Nguyễn Hữu Đô, hâu duê của Nguyễn Trãi và phò mã nhà Nguyễn, vien cở ngôi chùa này không có chủ và bỏ hoang có thể bị sụp đổ gây tai nạn đã ra lệnh phá chùa và tặng miếng đất này cho giáo hội Công giáo. Rất có thể những lý do tổng đốc Nguyễn Hữu Đô đưa ra chỉ là những lý cớ để phá ngôi chùa này và tặng miếng đất này cho giáo hội Công giáo. Các ghi chép của các linh mục và giám mục Công giáo lúc đó khiến người ta có thể nghĩ như vậy.

Những tranh cãi thiếu thành thực chung quanh tòa khâm sứ ít ra cũng có tác dụng khiến nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam thở phào nhẹ nhõm : ít ra họ cũng có thể trì hoãn việc trao trả tòa khâm sứ một thời gian.

Lê Mạnh Tường

**MUA BÁO**  
Gia nhập HVNHD

**ABONNEMENT**  
Adhésion à VNFraternité

Họ (Nom) : .....

Tên (Prénom) : .....

Địa chỉ (Adresse) : .....

Mã số hành chính (Code postal).....

Thành phố (Ville) : .....

Điện thoại (Tél.) : .....

Tôi đăng ký (Je m'inscris) (\*) :

mua / gia hạn mua báo (35 EUR/năm)  
pour un abonnement / réabonnement (35 EUR/an)

gia nhập Hội Việt Nam Huynh Đệ  
pour une adhésion à l'Association Vietnam Fraternité

(\*) đánh dấu nếu CÓ, bỏ trống nếu KHÔNG  
Cocher pour OUI, en blanc pour NON

Ngân phiếu (Chèque à l'ordre de) : Vietnam Fraternité  
Gửi về địa chỉ (envoyer à l'adresse) : 7 Allée Bouleau Carreau -  
77600 Bussy Saint Georges - France

Ngày (Date) : .....

Chữ ký (Signature).....

## Việt Nam khó chống lạm phát

Trước ngày ông Nguyễn Tấn Dũng lên đường đi Anh Quốc, nhật báo *Financial Times* ở London đã phỏng vấn ông về tình hình kinh tế Việt Nam. Nguyễn Tấn Dũng nói muốn giữ cho sản lượng kinh tế Việt Nam năm nay tăng từ 8-9%, sẽ cố giảm số lạm phát từ gần 16% lúc đầu năm xuống chỉ còn 12% vào cuối năm; và sẽ tăng số hàng xuất cảng thêm 20%, so với năm ngoái.

Mục tiêu cuối cùng có thể dễ thực hiện nhất nếu dốc lực vào việc xuất cảng. Khi nhà nước nắm trong tay các công ty xuất cảng, cố giữ hồi suất thấp để tránh cạnh tranh, còn ở trong nước thì buộc công nhân phải lãnh lương rất thấp, thì có thể hạ thấp giá hàng bán ra ngoài. Tổng số xuất cảng có thể tăng lên, các công ty xuất khẩu sẽ có lời; mọi thiết bị đã có giới lao động chịu đựng.

Mục tiêu khó đạt hơn, là làm sao đẩy lạm phát thấp xuống. Chống lạm phát khó, không phải vì thiếu những phương cách kiềm chế. Khó, vì các biện pháp ngăn ngừa lạm phát sẽ buộc các ngân hàng và doanh nghiệp nhà nước sẽ phải bớt xài tiền. Bớt xài tiền thì cũng bớt cơ hội kiếm chác. Các đảng viên cao cấp sẽ chống, mà không biết những người cầm đầu đảng Cộng Sản có đủ sức cưỡng lại họ hay không !

Tháng trước, giá sinh hoạt ở Việt Nam tăng theo tốc độ 15.7% một năm. Tại các thành phố lớn thì giá cả còn tăng nhanh hơn. Trong các món hàng tiêu thụ, thực phẩm tăng giá nhanh nhất, trên 20%. Riêng tại Sài Gòn giá thức ăn trung bình tăng một phần tư hơn năm ngoái. Khi thức ăn lên giá, người nghèo chịu thiệt hại nhất.

Để ngăn chặn lạm phát, có hai loại thuốc thường dùng. Một là dùng chính sách tiền tệ để giảm số tiền các ngân hàng cho vay. Như tăng lãi suất, tăng dự trữ bắt buộc, hoặc bán công trái để nhà nước vay tiền, thu về bớt số tiền ở trong dân chúng. Với các biện pháp tiền tệ đó, số tiền lưu hành giảm bớt, sức tiêu thụ giảm theo, giá cả sẽ không tăng nhanh nữa. Nhưng chỉ riêng các biện pháp tiền tệ chưa đủ để kiềm chế lạm phát. Giảm bớt số chi tiêu của guồng máy nhà nước cũng là một cách bớt số tiền đổ vào trong nền kinh tế, tức là bớt lạm phát. Hai loại biện pháp tiền tệ và công chi cần hỗ trợ lẫn nhau. Nếu chỉ thắt chặt trong lãnh vực tiền tệ mà thả lỏng trong việc chi tiêu, thì sẽ không đạt được hiệu quả. Dùng biện pháp tiền tệ để hạn chế số tiêu thụ trong dân mà nhà nước vẫn tiếp tục chi tiêu nhiều hơn, thì không thể ngăn ngừa lạm phát được.

Trong cuộc phỏng vấn với nhật báo *Financial Times*, ông Nguyễn Tấn Dũng đã nhấn mạnh sẽ giảm lạm phát từ gần 16% xuống 12% vào cuối năm nay. Nhưng ông Dũng phải thú nhận với nhà báo rằng trong năm ngoái nhà nước cộng sản đã thất bại. Họ đã tăng lãi suất, tăng số dự trữ bắt buộc ở các ngân hàng thương mại; nhưng vẫn chưa kiềm chế được số lượng tiền tệ lưu hành. Lý do chính là số tín dụng vẫn gia tăng. Nói cách khác, cả guồng máy kiểm soát tài chính của đảng Cộng Sản không ngăn được các ngân hàng của đảng đem tiền cho các xí nghiệp của đảng vay !

Tại sao họ không kiểm soát được lẫn nhau ? Ông Nguyễn

Tấn Dũng giải thích rằng các ngân hàng và các doanh nghiệp của nhà nước đều làm ăn theo quy tắc của kinh tế thị trường, ai có tiền cho vay cứ cho vay, ai vay được mà dùng tiền kiếm ra lời thì cứ di vay, không cần được! Tóm lại, đảng và nhà nước cộng sản cũng không bảo được các đảng viên cộng sản phải ngưng "làm kinh tế" kiếm lời ! Hậu quả là toàn dân phải chịu cảnh lạm phát, xăng gạo cái gì giá cũng lên, nhưng đó là việc của người khác, không phải trách nhiệm của các đảng viên làm việc kinh doanh ! Ông Nguyễn Tấn Dũng dỗ lỗi tại thị trường, nhưng ông quên rằng ở Việt Nam bây giờ chưa phải thị trường thật, chỉ có một thứ thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa ! Đảng Cộng Sản đã tạo ra một khung cảnh kinh tế, khung cảnh đó khuyến khích các ngân hàng của đảng cho vay và các xí nghiệp của đảng đi vay, tín dụng tăng lên gây cảnh lạm phát khiến toàn dân phải chịu. Nếu tư nhân được hoạt động tự do, nếu đảng Cộng Sản không nắm độc quyền để nâng đỡ các đảng viên cao cấp, thì các chính sách tiền tệ sẽ có hiệu quả hơn.

Một cách cụ thể, theo định hướng xã hội chủ nghĩa là thế nào? Một mặt, chính sách của đảng Cộng Sản là kiểm soát và hạn chế các cơ hội đầu tư của tư nhân, bắt buộc dân chúng hễ có chút tiền là chỉ có cách gửi vô ngân hàng. Đó là chính sách hút hết tiền của dân vào cho các đảng viên cao cấp ngân hàng sử dụng. Ngân hàng của nhà nước trả mức lãi rất thấp, cho nên ngân hàng chỉ cần cho vay với lãi suất cao hơn chút đỉnh là đủ kiếm ăn thoải mái rồi.

Trong guồng máy độc quyền cai trị của đảng Cộng Sản, các xí nghiệp nhà nước cùng với các ngân hàng cũng của nhà nước đều liên kết với nhau trong quan hệ trong đảng; tiền bên ngân hàng được chuyển sang cho các xí nghiệp sử dụng không cần biết đến hiệu quả kinh doanh ! Ở các nước kinh tế thị trường thật, khi cho vay là ngân hàng phải tra hỏi người muốn vay có dự án đầu tư như thế nào. Trong một nước cộng sản, chỉ cần đảng nói một tiếng là đủ.

Nhưng mặt khác, đảng Cộng Sản Việt Nam cũng tạo cơ hội kiếm tiền cho các xí nghiệp của đảng. Nhật báo Financial Times cho biết rằng rất nhiều các doanh nghiệp nhà nước công sản khi vay được tiền họ không dùng để phát triển các hoạt động mà lại dùng tiền để đầu cơ đất đai, nhà cửa ! Nghĩa là tiền vay để cho các sếp lớn kinh doanh nhưng không giúp tạo thêm công việc làm cho giới lao động, không giúp kinh tế phát triển !

Tại sao các đảng viên có cơ hội làm giàu dễ dàng như vậy ? Cũng chính đảng Cộng Sản, không cho tư nhân được làm chủ đất, đã tạo ra cảnh giá nhà đất tăng vùn vụt trong mấy năm qua, để cho các nhà tư bản đỏ kiếm lời ! Việc thay đổi quyền sử dụng đất ở các vùng chung quanh thành phố hoàn toàn cho các đảng viên cao cấp quyết định; tất cả đã tạo cơ hội cho những người có quan hệ với guồng máy đảng và nhà nước tha hồ đầu cơ đất đai trực lợi ! Nếu trong một nền kinh tế tự do thật sự, các đảng viên không có nhiều cơ hội làm giàu như vậy ! Chính đảng Cộng Sản đặt ra những hạn chế, kìm hãm không cho người dân được kinh doanh tự do, cho nên các đảng viên cao cấp mới có cơ hội vay và cho vay, làm giàu cho họ mà không giúp cho kinh tế phát triển.

Trong cuộc phỏng vấn kể trên, ông Nguyễn Tấn Dũng

đồng ý rằng các chính sách tiền tệ không có hiệu quả, nhưng ông cũng xác nhận là chính sách chi tiêu của đảng cộng sản vẫn không thay đổi. Ông Dũng nói với nhà báo Amy Kazmin rằng trong năm 2008 đảng Cộng Sản sẽ thúc đẩy "tất cả các lãnh vực đầu tư mạnh thêm". Nói cách khác, đảng Cộng Sản Việt Nam sẽ tiếp tục đổ thêm tiền vào các xí nghiệp quốc doanh để họ "đầu tư". Nghĩa là, một mặt ngân hàng nhà nước tìm cách thu tiền vào để bớt lạm phát; mặt khác, nhà nước vẫn đưa thêm tiền cho các quan chức kinh tế "đầu tư" thoải mái ! Trước khi những đồng tiền đó được đầu tư vào chi không biết, thế nào các quan cộng sản cũng có thêm tiền bỏ túi!

Trong bài viết về cuộc phỏng vấn ông Nguyễn Tấn Dũng, nhà báo Amy Kazmin cũng thuật những lời nhận xét của ông Jonathan Pincus, kinh tế gia của Liên Hiệp Quốc ở Hà Nội. Nhà ngoại giao này dùng những ngôn ngữ rất ngoại giao khi phê bình chính sách của đảng Cộng Sản Việt Nam.

Ông Pincus nói rằng đảng Cộng Sản cần phải "học" để đổi mới với một thế giới ngày càng phức tạp, thế giới này không dễ dàng như trước. Ông phê bình là "chính sách chi tiêu của nhà nước không hỗ trợ cho các chính sách tiền tệ". Đảng cộng sản không thể chỉ dùng các biện pháp tiền tệ để ngăn ngừa lạm phát, trong khi họ vẫn chưa giảm bớt số chi tiêu qua việc các doanh nghiệp nhà nước đua nhau đi đầu tư. Mà những vụ gọi là "đầu tư" đó trong thực tế chỉ tiêu phí tiền mà không đem lại hiệu quả kinh tế mà chỉ làm cho lạm phát tăng thêm.

Tình trạng lạm phát gia tăng làm khổ dân nghèo ngay bây giờ, nhưng khi nhìn về tương lai, lạm phát cũng là một mối đe dọa vì giới đầu tư quốc tế sẽ ngần ngại không dám vào Việt Nam. Trong năm qua, số tiền ngai quốc đầu tư đã tăng vọt sau khi Việt Nam được vào Tổ Chức Thương Mại Thế Giới. Nhưng ông Peter Rider, giám đốc quỹ đầu tư Indochina Capital cho biết sau một thời gian "hỗn hển" giới có tiền quốc tế đã khụng lại, không hăng hái như trước nữa. Công ty Standard and Poor tuần trước mới báo tin là nếu tỷ lệ lạm phát ở Việt Nam không giảm bớt thì trong vài năm tới "mức độ tín nhiệm sẽ bị giảm" (creditworthiness could be eroded). Ông Pincus, đại diện của Liên Hiệp Quốc, cũng cảnh cáo rằng số đầu tư nước ngoài sẽ giảm nếu lạm phát không được kìm hãm.

Muốn kìm hãm lạm phát thì chính quyền Cộng Sản Việt Nam phải giảm bớt quyền tiêu tiền của các cán bộ cầm đầu những xí nghiệp quốc doanh, giảm bớt quyền cho vay của các ngân hàng do các đảng viên nắm giữ ! Nhưng hiện nay đảng Cộng Sản Việt Nam nằm trong tay giới tư bản đỏ này chứ không phải do các đảng viên thấp cổ bé miệng quyết định. Cắt bớt quyền lấy tiền của dân đem dùng thì các quan chức bị thiệt, họ theo đảng "làm cách mạng" để làm gì ? Đó là cảnh khó khăn của ông Nguyễn Tấn Dũng. Đảng Cộng Sản kiểm soát kinh tế, không mở cửa thị trường tự do thật sự; tạo ra cơ hội cho các đảng viên cao cấp làm giàu. Bây giờ rất khó hạn chế bớt "quyền làm giàu" của các nhà tư bản đỏ ! Lạm phát tăng lên sẽ gây khó khăn cho cả nền kinh tế, những người chịu thiệt hại nặng nhất là đám dân lao động chứ không phải các nhà tư bản đỏ !

**Ngô Nhân Dụng**

Nguồn: Người Việt, ngày 06/03/2008.

# Điều văn

Chúng tôi học trung học với nhau và rủ nhau cùng đi học luật. Chưa hết năm thứ nhất thì miền Nam được giải phóng và chúng tôi được giải phóng khỏi ách học hành. Chúng tôi buôn bán chợ trời đủ thứ : thuốc tây, thuốc lá, đá lửa, vải, dụng cụ y khoa... Vài năm sau tôi vượt biên ra nước ngoài vừa nấu bếp vừa viết văn, hắn ở lại tiếp tục buôn lậu. Thỉnh thoảng tôi gửi cho hắn vài trăm đô. Hắn sống khỏe và tôi có cảm tưởng hắn càng ngày càng khỏe hơn. Rồi một lần hắn viết thư sang nhắn : «Đừng gửi tiền nữa, tao bây giờ thoải mái lắm rồi». Như để chứng tỏ là hắn khá giả thực, hắn thường gọi điện thoại từ Việt Nam sang trò chuyện, hễ biết tôi thích món gì thì gửi tặng ngay.

Cách đây vài năm tôi về thăm nhà và choáng váng về sự giàu có của hắn. Nhà hắn gần như một cung điện, những chiếc xe hơi hắn đi là những chiếc xe mà tôi không bao giờ dám nghĩ tới, ngay cả khi mơ mộng. Hắn cho tôi hay là hắn làm cố vấn luật pháp. «Hay trung gian luật pháp cũng thế, tùy mà», hắn nói.

- Thế ra sau khi tao đi mà tiếp tục học luật ?

Hắn xua tay :

- Học cái quái gì ! Đất nước thay đổi lắm rồi, mà ra đi lâu quá rồi nên hơi bị chậm tiến đấy. Cố vấn luật pháp có nghĩa là chạy án. Ở đất nước ta bây giờ các bản án được quyết định trước ngày xử, do hiệp thương giữa bị can, công an tư pháp, kiểm sát viên và thẩm phán. Làm cố vấn luật pháp không cần biết luật, chỉ cần biết điều và biết đưa.

Hắn giảng giải cho tôi rằng đây là một nghiệp vụ rất phức tạp, tùy theo mức độ nghiêm trọng của vụ án nhưng cũng tùy theo tiến độ của vụ án. Nếu thân chủ nhờ hắn cố vấn ngay từ khâu đầu, nghĩa là ở khâu công an tư pháp thì khá đơn giản, có thể không có vụ án, tất cả được dàn xếp tốt đẹp. Nếu vụ án đã xong khâu viện kiểm sát và chuyển sang tòa án thì phức tạp hơn nhiều, có khi phải đổi lại kết quả điều tra và cáo trạng. Khó nhất là những vụ án đã xử xong rồi, hồ sơ đã được chuyển sang cơ quan Thi Hành Án, viết tắt là THA. Tuy vậy nếu biết lịch sự (bây giờ người ta ít dùng chữ hối lộ mà dùng chữ «lịch sự») thì cũng có thể được tha, nghĩa là bản án cứ để đó rồi dần dần với thời gian người ta quên đi. Tuy vậy tha và quên không giản dị, cũng phải lịch sự với những khâu trước. Và cũng đừng quên là trong khi mình chạy án thì phe đối phương cũng chạy án. Phải chạy hay hơn, mạnh hơn, phối hợp nhịp nhàng hơn, có khi phải hiệp thương. Hắn là một trong những trung gian luật pháp thành công nhất bởi vì hắn thật thà lương thiện, giữ lời hứa, chơi đẹp với tất cả mọi người, luôn luôn theo phương châm win-win, nghĩa là mọi người đều có lợi.

Tết này hắn dẫn vợ con ra nước ngoài du lịch. Hắn nói ăn Tết ở Việt Nam chán rồi, và lại càng ngày Tết càng trở nên mệt nhọc vì phải thăm hỏi, quâ cáp cả trăm người. Vắng mặt là tốt nhất.

Bất bình linh, hắn gọi tôi từ Roma :

- Đây ơi, có việc phải nhờ văn tài của mày. Ông nguyên chánh án Tòa Án Nhân Dân Tối Cao vừa qua đời, tao phải gửi về ngay một bản điều văn để nhờ người đọc trong tang lễ. Mày viết nội trong hôm nay nhé. Ngắn thôi cũng được, nhưng phải

## MỤC LỤC

01. Một khúc quanh lịch sử rất quan trọng

Thống Luận

02. Làm sao để có phát triển kinh tế bền vững ?

Trần Kha

04. Trung Quốc : lạm phát và khủng hoảng kinh tế

Nguyễn Minh

07. Lạm phát tại Việt Nam : ngựa phi, ngựa phi đường xa !

Việt Hoàng

11. Chấm dứt một huyền thoại, bắt đầu một khúc quanh ?

Nguyễn Gia Kiêng

14. Những người dân chủ cũng cần trung thực và lương thiện

Nghiêm Văn Thạch

17. Tại sao phải "nói xấu" chính quyền ?

Việt Hoàn

19. Có những vườn chim, sân chim, tràm chim

Lê Văn Hảo

21. Tìm hiểu Đảng Cộng sản Việt Nam

Nguyễn Văn Huy

27. Hoa Kỳ : McCain thắng, Hillary chưa thua

Nguyễn Sơn Bá

27. Pháp : ghét tổng thống nhung vẫn còn thương thủ tướng

Nguyễn Văn Huy

28. Nguyễn Tấn Dũng thăm châu Âu

Nguyễn Văn Huy

29. Thị trường chứng khoán Việt Nam khủng hoảng nặng

Nguyễn Sơn Bá

29. Vụ tòa khâm sứ : giằng co và tranh cãi thiến thành thực

Lê Mạnh Tường

30. Việt Nam khó chống lạm phát

Ngô Nhân Dụng

32. Điều văn

Đáy

gửi ngay cho tao bằng i-meo. Viết ngay nhé, bây giờ tao phải đi thăm viếng.

Hắn cho tôi tiểu sử yếu nhân vừa qua đời : «Ông THD, cựu ủy viên trung ương đảng, cựu đại biểu quốc hội khóa 9 và khóa 10, gần 50 năm phục vụ trong ngành tư pháp lên dần tới địa vị tối cao của ngành, huân chương lao động, huân chương độc lập, huân chương chống Mỹ cứu nước».

Tôi viết :

«Cuộc đời ông là một cuộc đời hoàn toàn hiến dâng cho Đảng và cho công lý của Đảng. Vì Đảng ông sẵn sàng hy sinh tất cả. Lương tâm ông là quyền lợi của Đảng. Đạo đức đối với ông là những gì phù hợp với quyền lợi của Đảng. Trong một nửa thế kỷ phục vụ trong ngành tòa án, ông đã xử án tù, thậm chí án tử hình, hàng nghìn người theo lệnh của Đảng mà không hề thắc mắc. Đối với ông kẻ có tội là kẻ Đảng nói là có tội. Ông là một đảng viên điển hình, một thẩm phán mẫu mực của nền công lý xã hội chủ nghĩa nước ta».

Vài hôm sau hắn gọi điện thoại cho tôi từ Athens :

- Mày hại tao rồi. Tao gấp quá lai tin tài mày cho nên không đọc lại, cứ gửi thẳng bài điều văn bằng i-meo về cho thằng phụ tá. ĐM, nó đọc nguyên con trong tang lễ. Thế có chết người không chứ! Phen này thì phức tạp lớn rồi. Cũng may là tao biết chạy án và có tiền.

Đáy